

NGŨ UẨN

LỜI NÓI ĐẦU

Cách đây khoảng năm năm, chúng tôi có mạo muội viết về đề tài Năm Ấm, như là để chia sẻ một chút nhận thức trong vấn đề vẫn gây thắc mắc cho người học Phật.

Chúng ta luôn luôn bắt gặp phạm trù Năm Ấm trong các kinh luận của Đạo Phật với vài lời giải thích vắn tắt, mặc dù chúng ta biết ý nghĩa của phạm trù này rất quan trọng.

Cũng như những người học Phật khác, chúng tôi cũng thắc mắc rất nhiều về hợp thể này. Rồi chúng tôi đã có thể giải thích một phần nào hồi đó.

Tuy nhiên lúc bấy giờ chúng tôi đã dựa theo khá nhiều quan điểm của những vị thầy mà chúng tôi từng theo học, chưa thực sự đứng một cách khách quan và độc lập. Thời gian trôi qua, hạt giống ngày xưa phát triển dần, vấn đề càng lúc càng sáng tỏ, cấu trúc Năm Ấm càng lúc càng hiện rõ hơn, đã thúc đẩy chúng tôi phải biên soạn lại những gì mình đã viết.

Trong lần biên soạn này, chúng tôi bổ sung thêm một số điểm mới, sửa đổi một số quan điểm cũ. Ví dụ chúng tôi tách Tình cảm ra làm một phần riêng thay vì đã ghép chung với Hành ẩm, tách Ký ức ra khỏi Thức ẩm, phân tích cái Chú Ý như là một biểu hiện quan trọng... Chúng tôi cũng mạnh dạn đặt thẳng vấn đề siêu hình thay vì từ chối hoặc che lấp. Tưởng ẩm không còn nhiều công dụng nữa mà dường như trở nên vượng bận hơn. Một số hiện tượng được giải thích khác hơn...

Đôi khi chúng tôi nghĩ lý thuyết về cơ cấu Năm Ẩm giống như một môn tâm lý học của Phật giáo trong đó các Ẩm ảnh hưởng qua lại lẫn nhau rất chặt chẽ. Người đã hiểu qua khái niệm Năm Ẩm sẽ dễ dàng học Duy Thức về sau. Hơn nữa, hiểu được Năm Ẩm, chúng ta hiểu được con đường tu hành Thiền định sẽ đi qua những giai đoạn nào, sẽ gặp những khó khăn nào, và cái đích cuối cùng nằm ở đâu để không bị lạc lối. Lý thuyết Năm Ẩm cũng giúp chúng ta giải thích một số hiện tượng lạ của con người và

thế giới như hiện tượng mộng du, xuất hồn, nội công...

Chúng tôi thành thật xin lỗi về những sửa đổi khá nhiều so với lần biên soạn trước, nhưng dù sao muộn vẫn còn hơn không, dù sao sự phục thiện vẫn luôn luôn cần thiết. Nếu những điều được viết trong đây có đem lại một phần nào lẽ phải và ích lợi, công đức này sẽ thuộc về những vị Thầy đã dạy dỗ chúng tôi, những huynh đệ đã yêu mến đùm bọc chúng tôi, những cư sĩ đã ủng hộ chúng tôi, và thuộc về tất cả chúng sinh trong pháp giới.

Nam Mô Đương Lai Hạ Sinh Di Lạc Tôn
Phật

Phật Quang, mùa hạ năm Bính Tý
Tỳ kheo CHÂN QUANG

DẪN NHẬP

Hầu hết những người học Phật đều có nghe nói về Năm Ấm như là một hợp thể thân tâm của mỗi chúng sinh - ở đây chú trọng nhiều nhất về con người. Các luận bản về giáo lý đạo Phật cũng định nghĩa khái quát đến cấu trúc Năm Ấm.

Năm Ấm còn gọi là năm uẩn được dịch từ tiếng Pali Pancakkhandha. Nếu dịch là ẤM có nghĩa ngăn che. Vậy Năm Ấm là năm lớp che khiến chúng sinh không chứng nhập được Bản thể tuyệt đối.

Nếu dịch là UẨN có nghĩa là chứa góp, cũng có nghĩa là sâu kín. Vậy Năm Uẩn có nghĩa năm phần góp lại làm thành Bản ngã, hoặc đó là năm thành phần sâu kín khó nhận biết.

Ở đây để dễ hiểu chúng ta dùng từ Năm Ấm. Và Năm Ấm đó được liệt kê như sau: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức.

Chúng tôi không dám liều lĩnh đưa ra định nghĩa vắn tắt cho mỗi ấm vì vấn đề không đơn giản. Chỉ mong rằng sau khi qua hết bài

tiểu luận này mỗi người sẽ tự hiểu và tự tìm cho mình một định nghĩa vẫn tất thích hợp.

NĂM ẤM là gì ?

Đó là thắc mắc chung của những người học Phật mặc dù chúng ta hầu như đều nghe qua những lời giải thích cô đọng về Năm Ấm. Tuy nhiên, dù có nghe giải thích chúng ta vẫn cảm thấy mơ hồ và không nắm bắt được năm thành phần rất là u uẩn sâu kín bí mật này.

Thực ra nếu chúng ta hiểu rõ về Năm Ấm, chúng ta sẽ giải thích được mọi hiện tượng kỳ lạ có liên quan đến con người như khả năng thần giao cách cảm, khí công, thôi miên, mộng du, đồng cốt... Chúng ta sẽ thấy được năng lực của con người thật là lớn lao dường như vô hạn. Hiểu rõ về Năm Ấm, chúng ta có một kiến thức vững chắc để tu hành không sợ lạc vào đường tà giữa chừng, và cũng biết vì đâu các ngoại đạo phát sinh tà kiến. Hiểu rõ Năm Ấm, chúng ta

sẽ tự khám phá và điều chỉnh những trục trặc về tâm sinh lý của mình một cách dễ dàng. Chúng ta cũng không còn ngạc nhiên tại sao người huynh đệ kia tu thiền tâm được thanh tịnh, đối đáp thiền ngữ chớp nhoáng, thế mà ngã chấp vẫn còn lớn; cũng không ngạc nhiên tại sao ông đạo sĩ nọ nhập định vài ba ngày, có thần thông, biết quá khứ vị lai, thế mà vẫn nổi sân kịch liệt hoặc rơi vào tà hạnh... Chúng ta không còn nông nổi tôn sùng cuồng nhiệt một vị nào đó vừa kể lại công phu tu hành đạt được những trạng thái định sâu thẳm. Chúng ta cũng biết phân biệt rõ từng trường hợp của các vị khi tịch bỏ thân một cách tự tại, trong đó, ai là cao ai là thấp hẳn hoi. Chúng ta cũng thâm định được lý thuyết tu hành của các tông phái đạo Phật hiện nay, tông này vượt được những ám nào và còn lại những ám nào; Tông kia dừng lại ở đâu mà đã tự cho mình là tối thượng...

Tuy nhiên, điểm quan trọng của đạo Phật không phải là hiểu biết cho nhiều rồi lo bươi móc thiên hạ, mà cái chính của đạo Phật là

mỗi người phải tự vượt qua chính mình. Chúng ta hiểu rõ Năm Ấm để rồi nỗ lực tu hành và vượt qua từng ấm một cách cụ thể. Không gì cao quý hơn cho một người đệ tử Phật bằng những giờ phút ngồi một mình trong tư thế kiết già và lặng lẽ nhiếp tâm vào sâu thiền định. Còn những vinh quang đem đến từ sự đa văn và giảng thuyết chỉ là phần phụ không đáng kể.

Con người (hay nói rộng hơn là chúng sinh) là một hợp thể Năm Ấm. Năm Ấm này kết hợp với nhau một cách chặt chẽ nhịp nhàng. Cả Năm Ấm này hợp lại làm thành Bản ngã. Đạo Phật nói lên lý Vô ngã cũng vì phân tích rời rạc từng ấm và cho rằng cái gì do nhiều duyên hợp thành thì không có thực thể. Bản ngã được cấu thành từ Năm Ấm nên không có thực thể. Và như thế không có gì đáng gọi là TA.

Lý thuyết thì như vậy, thực tế sự chấp ngã của chúng sinh rất sâu dày bởi vì hoạt động của Năm Ấm rất là mãnh liệt và sâu kín. Chỉ những người nào tinh tấn tu hành đúng đường mới có thể vượt khỏi Năm Ấm để

thoát hẳn ngã chấp.

Bản ngã của mỗi người được chia làm hai phần. Phần cạn và phần sâu. Phần Ý thức được và phần không Ý thức được - Phần không Ý thức được còn gọi là Vô thức hay tiềm thức. Những hoạt động của Vô thức được nhà tâm lý học trứ danh Freud (Sigmund) phân tích rất nhiều, nhưng vẫn chưa lột hết như cái nhìn của Đạo Phật. Ở đây chúng ta dùng từ Ý THỨC không giống như cái Ý thức theo sáu thức của Đạo Phật. Mà chữ Ý thức được dùng theo nghĩa thông thường của tâm lý học với ý nghĩa rằng đó là sự nhận biết rõ ràng (conscious). Còn Vô thức là những hoạt động tâm lý bí mật bên trong mà Ý thức không nhìn ra được (Subconscious).

Chúng ta có thể gọi Ý THỨC là bề mặt của Bản ngã. Còn VÔ THỨC là bề sâu của Bản ngã. Giống như cả một cơ cấu chính quyền có văn phòng đại diện với những nhân viên tiếp xúc với mọi tầng lớp, nhưng cũng có những bộ phận chỉ hoạt động âm thầm ở

đăng sau mà không ai hay biết gì cả. Cũng vậy, Bản ngã có bề mặt nổi có thể Ý thức được và có bề sâu Vô thức không thể nhìn rõ được. Chính những hoạt động của Vô thức đã gây ra vô số hiểu lầm về con người và vũ trụ mà chúng ta gọi là tà kiến. Nếu ai cũng hiểu rõ về Năm Ấm, cả những hoạt động của Vô thức, các tà kiến từ xưa sẽ rơi rụng lả tả như lá mùa thu.

Phần I

ĐỊNH NGHĨA

1. SẮC ẤM :

Sắc ấm chính là thân thể với thịt xương, năm giác quan, các hệ thống thần kinh bên dưới... Với hình dáng cụ thể có thể nhìn thấy được. Từ Sắc (Rupà) được dùng để nhấn mạnh đến hình hài bên ngoài. Riêng hệ thống não bộ, tuy cũng là vật chất, nhưng lại thuộc về bốn ấm kia (Thọ, Tưởng, Hành, Thức).

Các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân (xúc giác) cũng thuộc về Sắc ấm. Nhưng thần kinh giác quan lại thuộc về phần cận

của Thức âm. Con mắt chỉ thấy được ngoại cảnh khi thần kinh thị giác trong não bộ còn hoạt động tốt. Có người bị chấn thương não bộ, thần kinh thị giác bị tê liệt, tuy đôi mắt còn tốt mà vẫn không thấy gì.

Hoặc có người bị mù, mắt bị hư, nhưng thần kinh thị giác chưa bị thương tổn, cũng không thấy gì ngoài khoảng tối đen mờ mịt. Tương tự các giác quan kia cũng vậy đều phải có sự phối hợp giữa giác quan bên ngoài và thần kinh giác quan trong não mới hình thành sự nhận biết ngoại cảnh. Như thế trong cơ cấu hoạt động của các căn, Sắc âm và Thức âm đã phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng chặt chẽ.

Do nhân quả đời trước mà mỗi người hình thành một Sắc âm khác nhau, đẹp hay xấu, mạnh hay yếu, thọ hay yếu...

Sắc âm hoạt động trong môi trường không gian vật lý bình thường này, chịu ảnh hưởng của trọng lực địa cầu và vô số nguyên lý khoa học khác. Môi trường không gian vật lý này còn gọi là Thế giới của thân. Sắc âm tồn tại bởi nhiều yếu tố như ăn

uống, hít thở, vận động, nghỉ ngơi... Còn những cảm giác khoái lạc hay khổ sở bắt đầu thuộc về Thọ ấm.

Do Sắc ấm có những nhu cầu để tồn tại nên nó hình thành một Bản Năng sinh tồn mãnh liệt giao cho Hành ấm. Hành ấm hoạt động bí mật trong Vô thức, giữ gìn Bản Năng sinh tồn cho Sắc ấm, và bản năng này chi phối con người một cách âm ỉ mạnh mẽ.

Bản năng sinh tồn đó là khuynh hướng làm bất cứ điều gì để có ăn, có uống, có mặc, có nghỉ ngơi... Ngoài ra, bên cạnh bản năng sinh tồn còn có Bản Năng hưởng thụ mà chúng ta sẽ nói sau khi đề cập đến Thọ ấm. Do bản năng sinh tồn này mà chúng ta thấy con người phải chấp nhận mọi cực nhọc để tìm sinh kế, miếng ăn miếng uống. Cái bản năng sinh tồn này cũng tạo thành khuynh hướng "ham sống sợ chết" nơi tất cả mọi loài.

Sắc ấm giữ gìn bộ não, nuôi sống bộ não. Nếu Sắc ấm hoại thì bộ não cũng tiêu hủy, nghĩa là Sắc ấm diệt thì bốn ấm còn lại cũng diệt.

Trong Trường Bộ Kinh, Đức Phật làm sáng tỏ ý này bằng ví dụ :

" Ví như ngọn đèn tỏa ánh sáng.
Khi ngọn đèn tắt thì ánh sáng mất.
Ví như thân cây in bóng
Khi cây đổ thì bóng cũng ngã theo".

Đây là một quan điểm phù hợp với khoa học. Thân diệt thì tâm diệt. Sắc ấm hoại thì bốn ấm kia cũng hoại theo. Tuy nhiên, với những nhà khoa học duy vật thì chết là hết. Đằng sau đời sống không còn gì nữa. Nhưng Đạo Phật không rơi vào tư tưởng đoạn diệt như thế. Một đời sống mới sẽ được tiếp tục hình thành ngay sau đời sống này. Đó là ý nghĩa của luân hồi tái sinh. Chúng ta sẽ diễn tả về hiện tượng luân hồi kỹ hơn ở phần sau.

2. THỌ ẤM

Thọ ấm là những hoạt động của cảm giác vui buồn. Đạo Phật chia các cảm giác đó (còn gọi là cảm thọ) thành ba

loại :

– Cảm thọ khổ

– Cảm thọ vui

– Cảm thọ trơ (không khổ không vui)

Đây chính là hệ thống thần kinh cảm xúc, ghi dấu nặng ở trái tim. Khi ta vui hay buồn, quả tim thường tăng nhịp đập. Hệ thống thần kinh cảm xúc này là gạch nối giữa thân và tâm, cũng không hẳn thuộc về tâm, cũng không hẳn thuộc về thân mà ở trung gian. Khi nghe một lời khen, chúng ta cảm nghe vui vui ở trong lòng. Cái cảm giác vui vui này gần với tâm hơn.

Khi nghe một bản nhạc hay, lòng chúng ta cảm nghe rung động. Cái rung cảm nghệ sĩ này gần với tâm hơn.

Khi nếm một bữa ăn ngon, cảm giác thích thú xuất hiện. Cảm giác này gần với thân hơn.

Như thế Thọ ấm trải dài hoạt động từ hạ tiện (như khoái cảm tình dục) đến cao cả (như rung cảm nghệ thuật).

Một nhà tu hành ẩn dật nơi núi rừng hoang vắng. Chợt một hôm cảm thấy cô đơn trống

trái, muốn gặp gỡ vài người để chuyện trò khuây khỏa. Chính Thọ ẩm đã tạo nên cảm giác buồn tẻ và Hành ẩm từ trong Vô thức đẩy nhà ẩn sĩ rời am đi về xóm làng. Ở đây chúng ta phân biệt giữa thần kinh giác quan của Sắc ẩm và thần kinh cảm xúc của Thọ ẩm.

Ví dụ như bị gai đâm vào da, thần kinh xúc giác biết rõ sự đau đớn đó. Còn thần kinh cảm xúc thì khởi lên sự khó chịu khổ sở. Có những người rất gan lì, làm chủ được Thọ ẩm phần nào, dù bị gai đâm đạn bắn hay dao cắt vẫn tỉnh bơ không khó chịu dù vẫn đang đau đớn. Đó là Sắc ẩm biết đau, nhưng Thọ ẩm không khổ sở.

Tôi có quen một anh bạn thường hay vào rừng chặt tre. Một lần khi leo lên ngọn tre, anh bị sầy chân rơi xuống đất, gai của tre rất nhọn và cứng đã cứa gần đứt ngón tay trở của anh. Anh bình thản dùng cây rựa chặt cho đứt luôn.

Những người lì như vậy có một thần kinh mạnh ức chế được Thọ ẩm, khác với người thường Thọ ẩm luôn luôn bị chi phối bởi các

giác quan của Sắc ấm.

Có những học sinh bị Thầy giáo gọi tên lên bảng trả lời liền có cảm giác hồi hộp, tim đập mạnh, mặt xanh mét. Thọ ấm đang bị kích động !

Thọ ấm cũng bị ảnh hưởng bởi trí tưởng. Những mơ mộng về danh vọng, vật chất, tình yêu cũng làm khởi sinh cảm giác thích thú. Thế nên con người hay tưởng tượng mộng lung về việc thành công của mình trên đường đời, hoặc mơ tưởng đến những người thân yêu để tìm sự dễ chịu. Ít ai suy nghĩ đến những cái thất bại, vì nó chỉ đem lại cảm giác khó chịu mà thôi.

Thọ ấm cũng hình thành một bản năng hưởng thụ giao cho Hành ấm. Tận trong Vô thức, con người luôn luôn khát khao khoái lạc. Sự khát khao đó được Đức Phật gọi là Ái. Sức mạnh của Ái rất dữ dội vì nó nằm tận trong Hành ấm. Khi bàn về Hành ấm chúng ta sẽ thấy rõ sức mạnh ghê gớm của Hành ấm.

Hành ấm có hai bản năng mãnh liệt là bản năng sinh tồn theo yêu cầu của Sắc ấm và

bản năng hưởng thụ theo yêu cầu của Thọ ấm.

Con người luôn luôn thích hưởng thụ, vì thế chúng ta không ngạc nhiên tại sao mọi người mãi mê chạy theo miếng ăn ngon, ly rượu, ma túy và các trò giải trí khác. Và như thế những người can đảm tìm sự tu hành giải thoát dám đi ngược lại với Bản năng hưởng thụ thật là những người khả kính.

Trong Mười hai nhân duyên, Đức Phật không kết tội Bản năng sinh tồn mà đã kết tội Bản năng hưởng thụ của Thọ và Ái (hai mắc xích quan trọng trong Mười hai nhân duyên). Trong Tứ diệu đế, Đức Phật cũng kết tội Ái (bản năng hưởng thụ) là nguyên nhân gây ra đau khổ.

Cảm xúc của Thọ ấm rất là đa dạng. Khi ở địa vị cao, giàu sang, được mọi người tôn kính, chúng ta rất khoái chí. Cái khoái chí đó cũng thuộc về Hành ấm. Và để đi tìm cái cảm thọ thuộc loại này, con người phải lao đầu đi tìm danh vọng.

Rồi những nhà nghệ sĩ rung cảm trước những tác phẩm nghệ thuật đã say mê đắm

ngày lao vào sáng tác.

Rồi chàng võ sĩ mập bự vừa chiến thắng trên võ đài được nhiều người hoan hô, giơ hai tay lên trời đắc thắng với niềm vui tràn ngập. Để đi tìm giây phút vinh quang đó, anh ta đã phải khổ công luyện tập lâu ngày. Thọ ẩm vô hình nhưng chi phối con người rất mạnh mẽ. Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm Diệu Âm biểu tượng Thọ ẩm vô hình bằng giai thoại Bồ Tát Diệu Âm đến mà không ai nhìn thấy. Phải đợi Bồ Tát Văn Thù (tượng trưng cho trí tuệ) mời gọi thì Bồ Tát Diệu Âm mới hiện hình.

Cũng vậy, cái rung cảm vô hình của Thọ ẩm lôi cuốn con người vào đam mê triền miên. Chỉ đến khi nào chúng ta thấp sáng được Chánh niệm tỉnh giác thì Thọ ẩm mới lộ nguyên bộ mặt và trở thành đối tượng bên ngoài không lừa gạt chúng ta nữa.

3. TƯỢNG ẨM :

Tượng ẩm, cũng như Hành và Thức ẩm, đã thuộc hẳn về TÂM. Tuy nhiên, Tượng ẩm nằm cạn ở Ý thức bên ngoài, còn Hành và

Thức ẩm thuộc về Vô thức bên trong.

Tưởng, Hành và Thức ẩm tuy chỉ là phần não bộ nằm tựa vào thân thể nhưng lại phát ra một trường không gian riêng biệt. Trường không gian mới lạ này được giới khoa học hiện tại dò dẫm nghiên cứu và gọi là Trường của Sinh Học. Còn chúng ta gọi là thế giới của tâm.

Nhà bác học trứ danh Einsteins nêu ra thuyết Tương Đối có nói đến tính cách tương đối có thể bị biến đổi của không gian và thời gian. Lý thuyết này giúp chúng ta dễ hiểu về không gian tâm linh kỳ lạ của Tưởng, Hành và Thức ẩm.

Chúng ta có thể so sánh hoạt động của Tưởng, Hành và Thức ẩm với một đài phát sóng vô tuyến truyền hình. Sóng vô tuyến tràn lan trong không gian mặc dù bắt nguồn từ hệ thống Antenna và máy móc của Đài phát nhỏ bé. Cũng vậy, mặc dù chỉ là bộ não nhỏ bé, nhưng Tưởng, Hành và Thức ẩm có thể tạo ra một Trường không gian riêng biệt trùm phủ cả không gian địa cầu và một khoảng thời gian mấy trăm năm.

Trường không gian Tâm linh này thay đổi theo từng người. Chung quanh con người, Trường không gian Tâm linh có mật độ đậm hơn và phát ra hào quang. Những người có sức khỏe tốt, có tinh thần mạnh, hào quang đó sáng hơn. Những người có tâm hồn đạo đức thì hào quang đó đẹp hơn. Chúng ta sẽ trở lại ở phần sau.

Chính vì phạm vi hoạt động của Tưởng, Hành, Thức ảm rất rộng lớn nên khả năng tâm linh của con người dường như vô hạn nhưng con người chưa biết và chưa khai thác hết. Có lẽ phải đợi đến một thời gian dài sau nữa khoa học mới chú trọng nhiều về không gian tâm linh và mở ra một chân trời mới mẻ trong lĩnh vực khoa học.

Hoạt động của Tưởng ảm gồm những sinh hoạt tâm lý có thể nhận biết được vì nằm ở Ý thức bên ngoài (bề mặt của Bản ngã).

Những sinh hoạt tâm lý đó được thể hiện bằng những hình ảnh và âm thanh hiện lên trong tâm, giống như màn ảnh Xinhê. Ví như người lái xe mắt nhìn trên đường nhưng đôi khi anh ta bị lôi cuốn chú ý bởi

những hình ảnh âm thanh hiện ra trong tâm mà quên đi con đường thực tại trước mắt. Tai nạn có thể xảy ra trong trường hợp này. Ví như một cô gái ngồi tựa cửa sổ mơ mộng. Mắt cô lơ đãng nhìn cảnh trí dưới đường nhưng thực ra cô ta đang chiêm ngưỡng những hình ảnh đẹp trong tâm do ước mơ tạo nên.

Hoặc khi nghe một bài hát hay. Sau khi không còn nghe nữa mà bài hát vẫn vang vang trong tâm.

Tưởng âm gồm những hình ảnh và âm thanh, và gồm cả những gì mà con người có thể hình dung được, ví như khi hình dung về mùi vị của một món ăn, sự xúc chạm êm ái nào đó...

Những thần kinh thị giác, thính giác, xúc giác... đều thuộc về Thức âm. Khi một người nhập định vượt khỏi hành thức thì sáu căn dừng hoạt động, không còn tiếp nhận ngoại cảnh bên ngoài. Nếu muốn quan sát ngoại cảnh, hành giả này sẽ nhận biết ngoại cảnh bằng TÂM VÔ THỨC Hành giả không còn nghe bằng tai, thấy bằng mắt

nữa mà đã nghe bằng tâm, thấy bằng tâm - Tâm Vô thức. Nếu hành giả nào, dù không còn suy nghĩ, nhưng thấy bằng năm giác quan thì có nghĩa là chưa vượt qua Ý thức, chưa nhập vào Vô thức của Hành và Thức ám.

Ở bề mặt Ý thức, Tưởng ám là sự biểu hiện một cách chậm chạp những cái biết của Thức ám và những cái suy luận, tính toán, quyết định của Hành ám. Ví dụ khi Thức ám nhận biết một ngoại cảnh như gặp một người quen. Trong tức khắc khi mắt vừa thấy là Thức ám đã nhận ra liền, rồi Tưởng ám mới chậm chạp khởi lên câu nói trong đầu: “À, đây là anh Sơn” và cũng ngay đó Hành ám đã quyết định một hành động chào hỏi tươi cười, rồi Tưởng ám mới chậm chạp khởi lên câu nói trong đầu:” Mình hãy đến chào hỏi anh ta.”

Như vậy, Ý niệm xử lý của Hành ám là không cần ngôn ngữ và cực nhanh. Người ta hiểu được nội tâm của nhau là hiểu được Ý-niệm-chưa-ngôn-ngữ này. Và cái cảm nhận của Thức ám còn nhanh hơn Ý niệm

của Hành âm bội lần nữa.

Tưởng âm thì rất chậm chạp vì phải sử dụng đến hình ảnh và âm thanh để diễn tả một phần những hoạt động của Hành âm và Thức âm ra ngoài. Tưởng âm hầu như chỉ là tay sai thụ động cho Hành và Thức âm. Ta có thể so sánh Tưởng âm như màn hình của máy Computer, còn Hành và Thức âm là bộ máy xử lý gồm phần cứng và phần mềm nằm riêng ra. Những gì ta thấy trên màn hình không biểu lộ hết sự hoạt động phức tạp âm thầm của bộ xử lý.

Một người tu thiền diệt trừ vọng tưởng, xóa hết âm thanh và hình ảnh trong đầu, nhưng vẫn là một người sáng suốt, và còn sáng suốt nhiều hơn nữa. Tâm họ rỗng rang nhưng vẫn biết rõ và xử lý công việc chu đáo. Đó là do Thức âm và Hành âm vẫn được sử dụng. Dĩ nhiên đó mới chỉ là một phần nhỏ của Thức âm, Hành âm ở ngoài Ý thức. Còn cả một khối lượng khổng lồ của Hành và Thức âm dấu trong Vô thức thì mới là khủng khiếp.

Hoặc hai võ sĩ đánh nhau trên đài. Ở đây ta

thấy họ không có thì giờ để lái nhải trong đầu “Nó đánh như vậy thì mình sẽ phản đòn như kia...” Thức ám nhận biết đòn của đối phương và Hành ám quyết định phản công, tất cả đều chớp nhoáng!

Hoặc các thiền sư không có lý luận ngôn ngữ trong đầu, nhưng vẫn hiểu và trả lời lạ lùng những câu Thiền ngữ bí hiểm.

Vậy Tướng ám dùng để làm gì?

Công dụng của Tướng ám là thể hiện các Ý niệm của Hành ám, các cảm nhận của Thức ám ra ngoài một cách cụ thể để cho Ý thức chúng ta kiểm soát một phần xem Hành ám làm gì, Thức ám biết gì, chứ Ý thức không đủ sức biết vào trong Vô thức. Nhưng khổ nỗi, Tướng ám quá siêng năng, dù không có chuyện cần làm vẫn hiện hình ảnh này, vẫn lái nhải nói cái kia suốt đêm suốt ngày khiến tâm chúng ta không thanh thản.

Chính Tướng ám làm trì trệ không cho Hành ám và Thức ám phát huy đại thần lực của mình.

Tướng ám làm cho tâm thức ta có vẻ rõ ràng cụ thể hơn bởi hình ảnh và lời nói,

nhưng cũng làm cho chúng ta chỉ là những phàm phu tầm thường. Chúng ta sẽ trở lại sau.

Như đã nói, Ý thức (conscious) là phần hoạt động của Tâm mà ta nhận biết được. Còn Vô thức là phần hoạt động của Tâm mà ta chưa biết được. Chúng ta biết được Sắc ấm (hình hài) vì thân là cái cụ thể dễ thấy. Tuy nhiên, không hẳn mọi hoạt động của Thân đều có thể bị nhận biết vì có những hoạt động của bộ tiêu hóa, hệ tuần hoàn... vẫn khó được nhận biết trực tiếp. Như vậy, mỗi ấm đều cũng có những phần hoạt động khó nhìn thấy mặc dù chúng ta xếp Sắc ấm hay Thọ ấm thuộc về phần Ý thức bên ngoài. Thọ ấm cũng vậy, với những cảm thọ mạnh dễ thấy như mừng, giận, sợ, vui... dễ được thấy. Nhưng cũng có những cảm thọ vi tế rất khó thấy. Rồi khi một người nhiếp tâm vào định, toàn thân xuất hiện cảm giác hỷ lạc rõ rệt. Cho đến bậc chứng những mức thiền khá cao thì cái cảm giác an lạc vi diệu mênh mông vẫn là Thọ vi tế chìm sâu trong Vô thức.

Chúng ta cũng định nghĩa Tưởng âm như là màn hình hiện ra hình ảnh lời nói trong tâm, rất chậm chạp so với tốc độ xử lý của Hành âm hay so với tốc độ nhận biết của Thức âm. Tuy nhiên, khi ta tu tập thiền định giữ được Tâm rộng rang thanh tịnh vẫn chưa phải đã tắt được hoạt động của Tưởng âm. Những hình ảnh, âm thanh, lời nói vi tế vẫn lảng xảng mơ hồ không rõ ràng khiến cho ta tưởng Tâm mình được thanh tịnh. Kỳ thực, tâm ta vẫn chưa hoàn toàn thanh tịnh vì Hành âm luôn luôn thúc đẩy Tưởng âm khởi các biểu hiện của nó. Hành âm còn hoạt động thì Tưởng âm vẫn chưa thật sự yên lặng.

4. HÀNH ÂM

Hành âm đã thuộc về cõi tâm Vô thức, thế nên những hoạt động của Hành âm không được Ý thức nhận biết. Hầu hết chúng ta sống bằng Ý thức bên ngoài nên sự hoạt động của Hành âm quả thật rất bí mật đối với chúng ta. Chính vì không vén mở được bức màn kỳ lạ của Hành âm mà vô số tà kiến đã phát sinh, chúng ta đã giải thích

hiện tượng lạ lùng của con người và vũ trụ một cách sai lạc. Nếu hiểu rõ sự hoạt động của Hành âm, chúng ta sẽ không còn ngạc nhiên trước những hiện tượng kỳ quái liên quan đến con người như đồng cốt, mộng du, năng lực thần thông, bùa chú, ma quỷ.v.v...

Hành âm là hang ổ của Bản ngã trong khi Tưởng âm là bề mặt của Bản ngã. Hành âm có một sức mạnh rất dữ dội, vượt khỏi những nguyên tắc vật lý bình thường. Chính vì Hành âm là gốc của Bản ngã ở tận trong Vô thức nên người nào cũng tiềm tàng một bản năng chấp ngã khủng khiếp mà chính họ cũng không ngờ được.

Theo giáo lý Vô ngã của Đạo Phật, Bản ngã là không có thật vì nó là một hợp thể của Năm Ấm. Rồi từng Am cũng không có thật vì nó chỉ là sự dao động của sóng Tâm thức (mind wave). Khi Tâm dao động, thần kinh phát sóng thì từng Am hiện hữu. Chúng ta ví điều này giống như cái vòng lửa hiện hữu khi ta quay tròn cây đuốc. Khi ta ngừng quay thì cái vòng lửa biến mất. Cũng giống

như khi nhiều hình ảnh nối tiếp lướt nhanh làm cho người trong phim như đang cử động. Nếu phim đứng lại thì người trong đó không cử động nữa. Cũng vậy, ta nói Hành âm là hang ổ của Bản ngã vì Hành âm là sự hoạt động cực nhanh của sự suy luận, sáng tạo, quyết định, cố gắng, chọn lựa, tổng hợp, phân tích... Chính những hoạt động của Hành âm làm cho Bản ngã thành hình. Nếu Hành âm dừng lại, Bản ngã chùng như cũng tan biến theo. Tuy nhiên, Thức âm lúc đó chưa hết nên mầm mống của Bản ngã vẫn còn.

Một điều chúng ta cần nhắc lại là Hành âm không sử dụng Ngôn ngữ khi hoạt động mà chỉ sử dụng ý niệm gốc.

Ý niệm gốc là gì ?

Như khi một người Việt Nam nói :

“Ai gieo gì sẽ gặt cái đó.”

Người Anh nói :

“Man reaps what he sowed”

Ngôn ngữ thì khác nhau nhưng ý nghĩa thì giống nhau. Cái ý nghĩa đó là Ý niệm gốc chung vượt lên trên mọi ngôn ngữ. Một bậc

có Tha Tâm Thông có thể đoán biết được tâm người khác chính là vị đó nhận biết cái Ý niệm gốc của người kia từ trong Hành âm, chứ không phải biết dòng suy tư chậm chạp bằng lời nói của Tưởng âm .

Hành âm cũng là nơi xuất phát ý chí. Tất cả những sự cố gắng, nỗ lực ráng sức, nhiệt tâm của chúng ta đều được phát khởi từ Hành âm. Vì thế người sử dụng nhiều ý chí rất dễ bộc khởi ngã chấp theo sau như nóng nảy, cao mạn.

Hành âm cũng là nơi xuất phát Ái Kiến. Có những mối tình ngang trái, bất hợp lý như một cô gái thuộc gia đình sang trọng học thức lỡ yêu một chàng trai du thủ du thực. Gia đình cô không chấp nhận. Chính cô (bề mặt Ý thức) cũng cảm thấy không hợp lý. Nhưng Ái Kiến thuộc về Hành âm mà sức mạnh của Hành âm thì không gì ngăn nổi. Cuối cùng cô vẫn lao vào tình yêu bất chấp tất cả. Hoặc tình mẹ thương con đủ sức giúp bà vượt qua bao nhiêu gian khổ để nuôi con khôn lớn. Hoặc tình yêu Tổ Quốc đủ sức khiến cho người chiến sĩ xông pha

chiến trường không kể làn tên mũi đạn. Tuy nhiên Á Kiến gồm cả hai mặt Thương và Ghét. Tình thương có sức mạnh thế nào thì lòng căm thù cũng có sức mạnh như vậy. Khả năng của Hành ám thì dường như vô hạn mặc dù chúng ta không khai thác được hết. Mọi thần thông phép lạ của các đạo sĩ, Yoga, Thiền sư, ALaHán, đều thuộc về vai trò của Hành ám. Còn trên lĩnh vực tâm lý, Hành ám là nhà đạo diễn bí mật chi phối Tư tưởng ám thường xuyên.

Khi Ý thức của chúng ta dăm dăm đi tìm một giải pháp, một kế hoạch, chợt Hành ám nhanh như chớp, đưa ra một giải pháp tài tình mà chúng ta hay bắt gặp và nói rằng "Tôi vừa lóe lên một sáng kiến".

Đó là dấu hiệu của Hành ám.

Đôi khi chúng ta cố lục lại Ký ức để nhớ lại một con số, một sự kiện, một tên tuổi, nhưng nhớ không ra. Rồi chúng ta bỏ qua. Hôm sau, con số hay sự kiện đó chợt hiện ra trên bề mặt Ý thức mặc dù lúc ấy chúng ta không còn cố nhớ nữa. Chính Hành ám đã lục lọi đi tìm trong kho Thức ám một cách

âm thầm mà chúng ta không hay biết. Một nhạc sĩ ngồi đăm chiêu đi tìm sáng tác một dòng nhạc mới, nhưng lúc đó nguồn sáng tạo đi đâu vắng. Ngồi thừ bên bàn phím đàn mấy giờ liền mà không tìm được dòng nhạc nào ưng ý. Anh chán nản bỏ đi chơi, tuần sau vừa ngồi xuống phím đàn là dòng nhạc từ đâu tuôn chảy ra ồ ạt. Anh lướt tay thoăn thoắt với những âm thanh réo rất tuyệt vời. Chính Hành ẩm đã sáng tác giúp cho Tưởng ẩm một cách lặng lẽ.

Hai thiền sư gặp nhau. Một người hỏi một người đáp. Những câu hỏi đáp thật là rắc rối khó hiểu với người bình thường, nhưng các Thiền sư xuất chiêu nhanh như chớp với những ý nghĩ thật là sâu sắc. Khi tâm thanh tịnh, Hành ẩm bộc lộ khả năng sáng tác lạ lùng mặc dù Tưởng ẩm không suy nghĩ gì cả.

Thiên Y hỏi Viên Chiếu :

- Khi tức tâm tức Phật thì thế nào ?

- Giết người đốt nhà có gì là khó ? Viên Chiếu đáp .

Những người thông minh là người có Hành

âm nhạy bén, dễ dàng sáng tạo, tìm ra giải pháp đặc biệt và nhanh chóng hơn người thường. Tuy nhiên giữa Ý thức và Vô thức cũng có ranh giới nhất định nào đó. Đôi khi những kết quả sáng tạo của Hành âm không đưa ra Ý thức mãi đến giấc ngủ, điều đó mới hiện trong chiêm bao.

Nhà Bác học Vật lý Bohr tốn nhiều công sức đi tìm cấu trúc của nguyên tử. Một lần trong giấc mơ, ông thấy một hình ảnh lạ lùng. Một đám mây gồm các hạt quay tít chung quanh một cái nhân lớn bên trong. Khi thức dậy, ông chợt hiểu đó là cấu trúc nguyên tử. Bây giờ thì ai cũng biết rằng nguyên tử gồm 2 phần: nhân proton và các hạt electron quay quanh. Trong nhân cũng có nhiều hạt neutron không mang điện tích và nặng như proton.

Hành âm cũng giống như nhà đạo diễn núp đằng sau bề mặt Ý thức và phóng hiện lên màn ảnh Tượng âm các hình ảnh và âm thanh. Khi xem Xinhê (loại phim nhựa), chúng ta mãi mê nhìn màn ảnh trước mặt mà ít khi để ý máy chiếu hoạt động ở sau

lượng. Cũng vậy, chúng ta chỉ để ý đến hình ảnh và âm thanh hiện lên trên bề mặt Ý thức mà quên đi phần Hành ám núp đằng sau chi phối, đạo diễn tất cả.

Nhà phân tâm học Freud cho rằng trong Vô thức chứa đựng sự đòi hỏi mãnh liệt của tính dục.

Theo sự phân tích về Năm Ám, đây gọi là Bản Năng hưởng thụ của Hành ám.

Trước hết Hành ám là năng lực chấp ngã.

Vì chấp ngã nên ai cũng sợ mất mình. Vì sợ mất mình nên xuất hiện khuynh hướng bám víu vào sự sống. Khuynh hướng này là Bản năng sinh tồn, rất dữ dội, thuộc về Hành ám.

Có những người tội phạm khi nghe tòa tuyên án tử hình, đã quy xuống. Họ mất tinh thần cực độ khi Bản Năng sinh tồn bị xúc phạm không còn cứu vãn.

Có những tù binh rơi vào tay địch chịu đựng vô số đày đọa mà vẫn kiên trì chấp nhận để đợi cơ hội tự do. Bản năng sinh tồn khiến họ bám víu vào sự sống một cách nhẫn nại. Kế nữa Hành ám là nguồn gốc của Ái Kiến,

khát khao niềm vui. Khuynh hướng tìm kiếm sung sướng gọi là Bản Năng hưởng thụ. Con người chấp nhận cực khổ, đôi khi cả tội lỗi để tìm kiếm khoái lạc. Sự đòi hỏi của Bản Năng hưởng thụ rất mạnh mẽ nên con người bất chấp tất cả để đi tìm những cuộc vui. Freud chú ý nhiều đến Bản Năng hưởng thụ từ trong Vô thức của con người. Thế còn những người tự tử, Bản Năng sinh tồn ở đâu? Những nhà tu hành từ bỏ khoái lạc cuộc đời, Bản Năng hưởng thụ ở đâu? Tự tử có nhiều nguyên do. Tự tử vì gặp phải sự đau khổ không còn lối thoát. Bản Năng hưởng thụ bị xúc phạm và với người này, sự sống không còn ý nghĩa khi không có niềm vui, Bản Năng sinh tồn kém hơn Bản Năng hưởng thụ. Tự tử vì hy sinh mạng sống để cứu lấy người khác. Đây không phải là Bản năng nữa mà đây là sức mạnh của một tâm hồn vị tha ít ngã chấp. Vì ít ngã chấp nên người này không còn trọng sự sống cho riêng mình. Ở đây Bản Năng sinh tồn bị khuynh hướng đạo đức lấn áp.

Những nhà tu hành từ bỏ khoái lạc cuộc đời cũng vậy, khuynh hướng đạo đức của họ lấn áp được Bản Năng hưởng thụ. Và vì thế họ là những người đáng kính.

Khuynh hướng đạo đức đó bắt nguồn từ đâu mà có thể lấn áp nổi Hành ám trong khi sức mạnh của Hành ám dường như không gì ngăn cản nổi ?

Trên bề mặt Ý thức mỗi con người đều có quyền chọn lựa Thiện hay Ác. Khi Ý thức đã chấp nhận điều thiện thì khuynh hướng Thiện được Ký ức lưu trữ. Hành ám tuy mạnh mẽ nhưng luôn luôn hoạt động theo khuynh hướng, theo thành kiến, theo niềm tin được giữ trong Ký ức.

Hành ám chi phối Ý thức một cách âm thầm. Nhưng Ý thức cũng chi phối trở lại Hành ám khi chúng ta huân tập một niềm tin, một thành kiến, một khuynh hướng sâu đậm vào Ký ức.

Do đó, mặc dù Hành ám là ngã chấp, là thích hưởng thụ, nhưng nếu chúng ta thường huân tập tư tưởng đạo đức cao

thượng thì các khuynh hướng thấp hèn của Hành âm cũng bị khống chế bớt.

5. THỨC ÂM

Cũng như Hành âm. Thức âm nằm chìm sâu gần hết vào Vô thức và là lớp Tâm thức cuối cùng.

Thức âm là cái biết .

Chúng ta có thể chia cái biết đó ra làm bốn phần như sau :

– Ở phần cạn nhất ngoài Ý thức Thức âm tỏa ra thành cái Biết của năm giác quan.

Thần kinh thị giác để biết hình ảnh bên ngoài nằm ở thùy chẩm sau não; Thần kinh thính giác để nhận biết âm thanh bên ngoài ở thùy đỉnh; các Thần kinh xúc giác, vị giác, khứu giác ở thùy đỉnh.

– Ở phần sâu hơn nhưng vẫn còn ở ngoài Ý thức, là cái Biết được sự suy nghĩ của chính mình. Người tu ban đầu tập kiểm soát Tâm đều phải dùng cái Biết thứ hai này của Thức

Ấm để theo dõi Tâm mình có thanh tịnh hay không.

– Thứ ba là cái Biết cực kỳ sáng suốt nằm dấu trong Vô thức. Khi Tưởng ấm đã hết hoạt động, cái Biết ở ngoài Ý thức tự động lui dần vào Vô thức và sáng vô cùng. Lúc đó hành giả thấy rõ những hoạt động bí mật của Hành ấm và chấm dứt những tà kiến từ ngàn xưa.

– Thứ tư là cái Biết mới hoàn toàn khi nhìn vũ trụ vạn hữu. Đến trình độ này hành giả nhìn vạn hữu và thấy rõ rằng tất cả chỉ là Tâm; những vật chất vô tri nào giờ đều được làm bằng chất liệu của Tâm. Vì thế một người vào định sâu trong Vô thức có thể điều khiển vật chất bằng ý muốn chủ quan của mình, và ta gọi đó là thần thông. Vị này có thể phi hành, biến hóa làm nhiều phép thuật lạ lùng.

Thêm nữa, cái Biết ở mức độ thứ tư này là cái Biết trực giác. Hành giả có thể đoán biết chuyện quá khứ vị lai, đoán biết những chuyện từ xa, đoán biết những ý nghĩ của người khác...

Mặc dù siêu việt như vậy, nhưng Thức âm vẫn còn là mầm mống của Bản ngã, vẫn còn là Vô minh. Vì thế người ta đến ngang đây mà tụt mãi sẽ không được giải thoát hoàn toàn.

Giống như Tình cảm (Ái) nằm bên cạnh Hành âm, chúng ta cũng có Ký ức (trí nhớ) nằm bên cạnh Thức âm. Đôi khi chúng ta cũng ghép chung Ký ức (bộ nhớ lưu trữ) với Thức âm giống như Tạng thức trong Duy thức học.

Một khi tiếp xúc với ngoại cảnh, Thức âm nhận biết ngoại cảnh và Hành âm đối chiếu ngoại cảnh đó với Ký ức để xử lý thích hợp. Ví dụ khi gặp một người quen (Thần kinh thị giác của Thức âm thấy), Hành âm liền đối chiếu với Ký ức và biết rằng đây là ai, tên gì, quen nhiều hay ít, rồi đưa ra quyết định phải xử lý ra sao.

Ví dụ khi nghe một câu nói thì Thức âm nhận biết ý nghĩa, và Hành âm đối chiếu với Ký ức để xem ý nghĩa này có trùng hợp với những gì đã được ghi nhớ từ trước hay chẳng. Nếu phù hợp thì chấp nhận, nếu

không phù hợp thì phân tích xem giữa hai cái mới cũ, cái nào đúng hơn. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề Ký ức sau.

Nói lại, Thức ám ở phần sâu là cái biết trực giác vượt ngoài không gian và thời gian.

Như đã nói, Tưởng, Hành và Thức ám tự tạo ra một trường không gian tâm linh trùm phủ cả địa cầu. Trường không gian này không bị chi phối bởi những quy luật vật lý thông thường. Do trường đặc biệt này nên Thức ám có sự hoạt dụng rộng rãi và BIẾT được nhiều chuyện dù chuyện đó bị ngăn cách bởi những khoảng cách xa xôi hoặc thời gian cách biệt. Tuy nhiên Ý thức bên ngoài không nắm bắt được trọn vẹn những gì Thức ám đã biết. Ý thức ít khi nhận được tín hiệu từ Vô thức.

Ở trong đời, chúng ta vẫn thường gặp nhiều người có trực giác mạnh có thể đoán biết nhiều điều mà người khác không biết được, nhất là người nữ. Nơi những người này, cấu trúc của não hơi đặc biệt, Ý thức dễ dàng nhận được cái biết của Vô thức. Ví dụ đang ở nhà, một cô gái chợt linh cảm sắp

có người quen đến thăm. Quả thật lát sau điều đó xảy ra. Hoặc vừa nhìn một người, chúng ta chợt đoán được bản chất hiền dữ của họ. Những biểu hiện trực giác như vậy không do suy nghĩ của Ý thức mà do sự soi rọi của Vô thức. Tuy nhiên ở đây Ý thức bắt được các tín hiệu từ Vô thức và Biết theo, chứ riêng Ý thức không có trực giác.

Có những người rất thông minh, học hành giỏi giang nhưng lại ít trực giác. Rồi những sách vở của nhà trường họ bước vào đời một cách khập khiễng ngơ ngác vì họ không lường hết những xảo trá gian dối của cuộc đời. Người như vậy Ý thức mạnh nhưng Vô thức yếu.

Lại có những người ít học và dường như học cũng không giỏi mấy, nhưng khi bước vào trường đời, họ năng nổ tháo vát linh hoạt và thành công dễ dàng. Chỉ vì trực giác cung cấp cho họ nhiều tin tức quý giá để họ Biết tránh điều hại và chọn điều lợi. Nơi người này Ý thức yếu nhưng Vô thức mạnh. Tuy nhiên, thông thường thì người ta mạnh hoặc yếu cả hai. Người học giỏi cũng là

người có trực giác mạnh. Có những người ngồi nghe giáo viên giảng bài. Họ đã biết trước những gì giáo viên nói chưa hết. Hoặc khi giải toán, Hành ám từ Vô thức luôn luôn đưa ra cho Ý thức nhiều giải pháp độc đáo. Trong đầu họ lóe lên những sáng kiến mới lạ, dù trên bề mặt Ý thức, họ rất ít suy nghĩ. Cách Phật nhập diệt khoảng hơn 900 năm, Ngài Thế Thân có nói nhiều về Duy Thức, trong đó chia thức ra làm 8 phần :

- Nhãn thức
- Nhĩ thức
- Tỉ thức
- Thiệt thức
- Thân thức
- Ý thức
- Mạt na thức (ý căn)
- Tạng thức (Alaya thức)

So sánh lại ta thấy Năm thức đầu là các Thần kinh giác quan thuộc về Thức ám ở phần cạn của Tâm thức bên ngoài. Ý thức là cái Biết được sự suy nghĩ của chính mình, là cái Biết đã xoay vào trong chứ không hướng ra ngoài như Năm thức trước

. Cả sáu thức trên đều là Thức ám nằm cạn bên ngoài Ý thức - Conscious (Ý thức định nghĩa theo luận bản này khác với Ý thức của Duy thức một chút).

Mạt na thức được định nghĩa là Ý căn, là năng lực chấp ngã. Có thể được xếp giống với Hành ám trong Vô thức chẳng, vì Hành ám là hang ổ của Bản ngã? Ở đây trong Duy thức học, chúng ta không nghe liệt kê cái Biết khủng khiếp của Thức ám nằm ở phần sâu trong Vô thức, đó là trực giác siêu việt không gian thời gian, cái Biết trực giác siêu việt này nằm song song với Hành ám và có tốc độ nhanh hơn Hành ám bội lần. Còn Tạng thức có thể được xếp giống với Ký ức chẳng?

6. TÌNH CẢM :

Tình cảm là sự thương, ghét, tham muốn, chán chê, giận hờn, thèm khát, căm thù, hy vọng, thất vọng, sự tự hào, sự cương quyết, sự bướng bỉnh, sự nhẹ dạ ...

Trong Năm Ấm không nói đến khối Tình cảm, có lẽ vì đức Phật xếp Tình cảm chung

với Hành âm. Ở đây chúng ta tách riêng Tình cảm ra để khảo sát như là một khối khác giống như âm thứ 6 vậy !

Trước hết, Tình cảm đôi khi chi phối con người nhiều hơn lý trí, mà có người đã nói “Con tim có những lý lẽ mà lý trí không hiểu nổi”. Đôi khi Hành âm suy luận đúng sai phải trái rõ ràng, nhưng Tình cảm lại quyết định đi một hướng khác hẳn. Có những mối tình ngang trái bất hợp lý bị cha mẹ chống đối, nhưng người con vẫn bất chấp để đi theo, nhiều lúc họ chấp nhận tự tử chết để “theo nhau vĩnh viễn “. Có những người vừa gặp nhau là có ác cảm không giải thích được.

Tình cảm nằm chìm sâu trong Vô thức và lộ ra một phần bên ngoài Ý thức. Vì nằm sâu trong Vô thức nên chúng ta không biết hết sự khởi động Tình cảm từ đâu và cũng vì thế mà Tình cảm có sức mạnh dữ dội.

Nhiều lãnh tụ chính trị, tôn giáo, muốn cho được nhiều quần chúng theo mình, đã kích động Tình cảm của quần chúng nhiều hơn. Họ lên án kẻ thù, họ khơi dậy lòng yêu

nước, họ mời gọi vinh quang tương lai, họ gây nỗi sợ hãi về sự nhục nhã, họ hứa hẹn cái huy hoàng của thiên đường, họ đe dọa bằng cái đau khổ kinh khủng của địa ngục

...

Hitler muốn lôi kéo dân tộc Đức theo mình đã tạo ra một kẻ thù Do-Thái để gây lòng căm thù, đã khuếch đại sự nhục nhã mà Đức phải chịu đựng sau đệ nhất thế chiến để kích động một sự khát khao nổi dậy trong lòng dân Đức.

Nói chung là họ khơi dậy Tình cảm thương ghét của quần chúng bằng những chuyện trêu tượng tào lao, thế mà khi Tình cảm bị kích động, quần chúng sẽ đổ xô theo họ. Vì Tình cảm cũng lộ ra một phần bên ngoài Ý thức nên chúng ta cũng biết được mình đang thương, đang giận, đang ghét, đang buồn,.... như thế nào. Nhưng chúng ta biết không hết ! Suốt ngày chúng ta (thực ra là Hành ám) làm chuyện này, chuyện nọ đều do Tình cảm thương ghét âm thầm chi phối bên trong.

Tình cảm và cảm thọ (của Thọ ám) có liên

quan chặt chẽ.

Một Cảm thọ Khổ luôn luôn gây ta Tình cảm tiêu cực như ghét bỏ, bực tức, chán chê, thất vọng.

Một Cảm thọ vui luôn luôn gây ra Tình cảm tích cực như thương yêu, ưa thích, hy vọng, hăng hái.

Chúng ta luôn luôn yêu hạnh phúc và ghét đau khổ. Một sự xúc chạm êm ái (xúc), một lời khen, một bản nhạc hay (Thính), một dáng dấp mỹ miều, một phong cảnh đẹp (sắc)... làm chúng ta yêu thích. Một sự nhục nhã, xấu xí, khó chịu làm chúng ta ghét bỏ. Vì thế tất cả mọi Tình cảm đều do Cảm thọ gây ra. Cái gọi là bản năng hưởng thụ thật ra chính là cái gốc Tình cảm nằm sâu trong Vô thức và chi phối Hành ám buộc Hành ám phải tính toán làm sao để đạt được nhiều hạnh phúc và lánh xa đau khổ.

Từng tế bào thần kinh cảm giác đều thèm khát chờ đợi khoái cảm. Tất cả tế bào đó tạo thành bản năng hưởng thụ sâu trong Vô thức, và thôi thúc chúng ta suốt đời đi tìm “ cái gọi là hạnh phúc “.

Sự cương quyết cũng thuộc về Tình cảm. Đó là sự kiên trì, bền bỉ, giữ vững lập trường của mình. Hành ẩm tìm ra đường đi và quyết định thực hiện. Tình cảm tạo nên sự cương quyết ý chí để thúc đẩy Hành ẩm đi tới cùng.

Sự tự hào (hãnh diện, kiêu căng...) cũng thuộc về Tình cảm. Khi chúng ta có được một điều gì hơn người khác, chúng ta thường hay khơi Tình cảm tự hào trong tâm. Điều hơn người đó có thể là vật chất bên ngoài như tiền bạc, giàu sang, hoặc là giá trị tinh thần như địa vị, tài năng, bằng cấp; hoặc có thể là sự tiến bộ tâm linh bên trong như tăng trưởng thiền định, trực giác bén nhạy. Tâm tự hào làm tổn phước rất nặng.

Sự bướng bỉnh cũng thuộc về Tình cảm. Đó là trạng thái cố duy trì ý kiến của mình để thoả mãn tự ái mà không cần biết đúng sai. Vì nó thuộc về Tình cảm nên ta thấy những người bướng bỉnh nhất cũng là những người dễ xiêu lòng nhất khi bị ai khéo léo ngon ngọt chiếm được Tình cảm.

Sự nhẹ dạ cũng thuộc về Tình cảm. Người nhẹ dạ ít dùng lý trí để phán xét mà dễ bị sự mềm mỏng khéo léo chinh phục. Họ dễ xiêu lòng, dễ có thiện cảm mà ít xét nét cẩn thận. Chúng ta có thể xét qua về sự tương quan giữa Hành âm và Tình cảm.

Bình thường Hành âm phải phân tích, suy luận, tìm tòi và kết luận được đúng sai phải trái rồi tình cảm mới khởi lên để thương yêu lẽ phải và chán ghét điều quấy. Sau khi Tình cảm đã khởi lên, nó sẽ biến thành sức mạnh để thúc đẩy Hành âm thực hiện.

Ví dụ Hành âm tìm thấy rằng sự sống của trái đất này dựa vào thực vật rất nhiều, và như vậy việc bảo vệ cây rừng là điều tốt và việc phá hoại cây rừng là điều xấu. Sau đó Tình cảm sẽ khởi lên việc yêu mến những người bảo vệ cây rừng và những người trồng rừng, khởi lên sự căm ghét đối với những ai chặt phá rừng.

Như vậy, bình thường, lý trí của Hành âm hướng dẫn Tình cảm.

Nhưng nếu Thọ âm khởi lên cảm giác khổ hay vui và Tình cảm bị kích động thì lúc

này Tình cảm không theo Hành âm nữa mà theo cảm giác.

Ví dụ, lý trí của Hành âm bảo uống rượu là xấu vì làm mất nhân cách (biết rồi, khổ quá, nói mãi), nhưng Thọ âm bảo uống rượu cảm giác lâng lâng rất đã. Thế là nhiều khi Tình cảm lại chịu theo Thọ âm để thích uống rượu hơn là vâng lời Hành âm mà từ bỏ rượu.

“ Đến mỗi khi say cũng muốn chừa,
Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa
Hay ưa nên nổi không chừa được
Chừa được nhưng mà cũng chẳng chừa “
(Nguyễn Khuyến)

Sắc âm (thân thể) cũng đã tác động lên Tình cảm bằng những hormone nội tiết tố. Chất thyroid do tuyến giáp tiết ra làm cho con người hăng hái hơn hoặc nóng nảy hơn.

Chất Estrogen do buồng trứng tiết ra làm cho người phụ nữ nhiều Tình cảm hơn.

Chất Testosterol do dịch hoàn tiết ra làm cho người nam thích gần gũi phụ nữ.

Bình thường người nữ thiên về Tình cảm và

người nam thiên về tình dục. Do đó người nam thường tỏ vẻ chiu chuộng (galant) để chiếm cảm tình rồi sau đó đạt đến mục tiêu tình dục. Người nữ xiêu lòng vì Tình cảm rồi mới chịu trao thân. Nhưng ở với nhau lâu ngày sự khác biệt sẽ hiện ra. Người nữ khó chịu vì người đàn ông không còn Tình cảm như ban đầu nữa và người nam cũng khó chịu vì một người đàn bà không đủ cho sự ham muốn tình dục của họ. Thiên nhiên thật là trớ trêu, đã giăng ra cái bẫy để kéo họ lại với nhau nhưng đã gài sẵn mìn mồng chia rẽ từ trước. Đó là lý do tại sao ít có gia đình nào thật sự là hạnh phúc.

Ngoài các yếu tố trên, còn một yếu tố chi phối rất mạnh Tình cảm của con người đó là Nghiệp.

Nghiệp duyên từ quá khứ đã âm thầm tác động vào Tình cảm trong Vô thức khiến cho chúng ta phải thương người này, phải ghét người kia. Những người bạn tốt từ quá khứ sẽ gặp lại để thân mến; những kẻ thù từ quá khứ sẽ gặp lại để hiềm hận. Nhân duyên vợ chồng là loại Nghiệp mạnh hơn

cả. Có những người khi chọn bạn đời đã thâm biết là chưa phải người tốt, nhưng một động cơ bí ẩn nào đó buộc người ấy phải chấp nhận, để rồi cuộc sống hôn nhân không được như ý.

Có những người có duyên nợ vợ chồng với nhau nhưng không thật sự có tình yêu với nhau. Một loại nợ nào đó đã buộc họ phải làm vợ chồng với nhau. Còn tình yêu lại đi con đường khác.

Tình cảm với Hành âm xoắn xít với nhau làm thành Bản ngã, và trong đây, Tình cảm rất ích kỷ. Trong bốn khối nằm ở Vô thức là Hành âm, Thức âm, Tình cảm và Ký ức, thì Tình cảm chấp ngã nhiều nhất và Ký ức ít chấp ngã nhất. Những thương ghét giận hờn đều xoay quanh Bản ngã.

Vậy tâm Từ Bi thương yêu tất cả chúng sinh là loại Tình cảm gì ?

Tâm Từ Bi là một thuộc tính của Bản thể tuyệt đối ! Khi một vị thánh chứng đạo, chấp ngã hết, đạt đến Bản thể Tuyệt Đối thì tâm Từ Bi sẽ trùm phủ muôn loài. Tâm Từ Bi là một thuộc tính của bản thể cũng như các

thuộc tính khác là trí tuệ, đạo đức, sự trầm tĩnh, thần thông....

Bây giờ, mặc dù chưa chứng đạo, nhưng chúng ta tu tập quán Từ bi, rải lòng thương yêu tất cả chúng sinh, đó là chúng ta gieo nhân để sau này chứng đạo vì chúng ta thực tập một trong những tính chất của Bản thể giải thoát. Cũng tương tự như vậy khi chúng ta tu tập đạo đức, trí tuệ, sự trầm tĩnh trong thiền định...

7. KÝ ỨC (Tạng thức).

Gọi theo danh từ máy tính hiện nay là bộ nhớ. Ký ức vô cùng quan trọng cho việc hoạt động của Hành ám. Hành ám sẽ không làm được gì cả nếu không lấy được dữ kiện trong Ký ức để so sánh, đối chiếu, áp dụng, phân tích với những dữ kiện đang được các giác quan đưa vào từng lúc.

Khi đi xe đến ngã tư, nhìn thấy đèn đỏ, ta dừng xe lại. Đó là gì? Đó là nhãn thức nhận được tín hiệu đèn đỏ để đối chiếu với Ký ức và nhớ rằng đèn đỏ là cấm vượt qua, vì vậy Hành ám ra lệnh đạp thắng xe lại. Chuỗi

hoạt động đó diễn ra rất nhanh mà ta không hay biết.

Trường hợp khi gặp một bài toán, trong khi nhãn thức đưa dữ kiện vào đề bài dần dần, đây là phương trình bậc mấy, các hệ số a, b, c có làm thành một dạng đặc biệt nào hay không.... thì Ký ức được Hành ám lục lợi truy tìm mọi công thức, định lý đã học, truy tìm những bài toán tương tự đã từng được giải, sau đó hành ám mới nối kết các sự kiện lại đi dần dần đến đáp số. Quá trình này lâu hơn.

Ta thấy Ký ức có vẻ kha thụ động, hoàn toàn lệ thuộc vào sự truy tìm, lục lợi đối chiếu của Hành ám. Do đó mà chúng ta cho rằng Ký ức có vẻ ít chấp ngã nhất.

Một điều cần lưu ý nữa là khi Thức ám (qua các giác quan) đưa dữ kiện vào thì luôn luôn đưa thẳng vào Ký ức. Hành ám đã đối chiếu giữa các dữ kiện mới đưa vào và các dữ kiện cũ để xử lý. Với những dữ kiện không quan trọng, Hành ám tự động xóa bỏ khỏi Ký ức.

Ví dụ, mắt ta vừa trông thấy một người,

hình ảnh người đó vừa đưa vào vùng Ký ức tạm thời. Nếu Hành ám sau khi đối chiếu với Ký ức cũ, nhận thấy đây là người quen mà ta dự định gặp gỡ để bàn chuyện cần thiết, Hành ám sẽ đưa ra thái độ, lời chào tiếp theo. Nếu Hành ám, sau khi đối chiếu với Ký ức cũ nhận thấy đây không phải người quen, chẳng thấy gì đặc biệt phải lưu ý, thế là Hành ám xóa hình ảnh người đó khỏi bộ nhớ. Đó là lý do tại sao trong một đời người, mắt chúng ta nhìn thấy vô số người, nhưng chúng ta chỉ nhớ đến những người nào cần thiết liên hệ đến mình mà thôi.

Ký ức cũng là nơi chứa các quan niệm, các thành kiến, các khuynh hướng, cá tính của mỗi người.

Khi gặp dịp trái ý, một người nổi giận, một người điềm tĩnh. Thái độ khác nhau bởi vì các khuynh hướng chứa trong Ký ức khác nhau. Hành ám là cơ quan xử lý mọi việc, nhưng luôn luôn dựa vào các quan niệm (giống như các chương trình phần mềm của Computer) đã có trong Ký ức để xử lý.

Lần đầu vua Thành Thái tập lái xe hơi. Chợt có một ông lão vác bó tre đi băng qua đường làm vua lính quỳnh lùi xe vào gốc cây và tắt máy. Có ông quan hộ vệ đi theo quát tháo nạt nộ ông lão, nhưng vua ngăn lại và nói rằng “đường là của dân, thì họ có quyền đi” (thời đó chưa có luật lệ giao thông).

Và vua còn nói thêm :

“Mình dân không phải dân, vua không phải vua, quát tháo người khác làm gì !”

(thời đó người Pháp đang cai trị, vua bị họ khống chế)

Những lúc bất ngờ không chuẩn bị chính là lúc con người bộc lộ bản chất của mình được dấu trong Ký ức (Duy thức gọi là Tạng thức). Vua Thành Thái được lịch sử kính trọng vì tư cách và vì sự âm thầm nuôi chí chống Pháp dù ông được người Pháp dựng lên.

Bây giờ chúng ta muốn mình có một nhân cách mới, muốn Ký ức mình chứa những quan niệm mới thì chúng ta phải “soạn lại phần mềm”, “viết lại chương trình” để ghi

vào Ký ức của mình. Chúng ta ngồi yên lặng tư duy về nhân cách cao cả của đức Phật, của các vị Thánh, các vĩ nhân trên thế giới. Đến khi nào chúng ta dâng lên niềm cảm xúc trước các nhân cách vĩ đại đó, thì một phần nhân cách của các ngài đã được “Copy” vào trong Ký ức của chúng ta. Sau đó mỗi ngày chúng ta lễ Phật và phát nguyện sẽ đạt được các tâm hạnh trên. Huân tập như vậy lâu dần, trong Ký ức (Tạng thức) của chúng ta sẽ hình thành một nhân cách mới.

Nhưng những nhân cách, những quan niệm, thành kiến, tính khí từ trước do đâu mà có sẵn ?

Có phải do một Tạng thức đã lưu trữ từ kiếp này sang kiếp khác chăng? Hoặc do di truyền từ cha mẹ ?

Chúng ta sẽ thấy rằng trong một gia đình, phong cách mọi người vẫn hao hao giống nhau về một số điểm nào đó. Đó là do một số gen di truyền giống nhau, mà đó cũng là do nhân duyên nhiều kiếp đã có các nghiệp

giống nhau nên bây giờ quây quần lại với nhau. Nhưng họ cũng có những cái khác biệt rất rõ rệt. Ngay cả anh chị em song sinh cũng khác nhau rất xa. Người thì có khuynh hướng âm nhạc, người thì thích kỹ thuật, người chỉ thích chơi cờ lêu lổng.

Thuyết Tạng thức thì cho rằng chúng sinh mang những chủng tử (hạt giống) của ý niệm chứa trong Tạng thức đi từ kiếp này sang kiếp khác. Vì thế, tuy họ thay đổi thân từ đời này sang đời khác mà tâm tính vẫn không thay đổi.

Thật ra, chúng ta dùng giáo lý Nghiệp báo sẽ giải thích bản chất cá tính của một người hoàn chỉnh hơn.

Nhân cách, bản chất, cá tính của đời này là do cái “Nghiệp Nhân” nào đó của quá khứ tạo nên. Không phải riêng nhân cách mà cả trí thông minh, cả các năng khiếu, cả hình hài này đều do Nhân quả tạo tác. Nhân của đời trước tạo thành toàn bộ thân và tâm của đời này chứ không phải của Tạng thức mang theo. Có khi đời trước chúng ta là một người tầm thường, nhưng nếu biết ngưỡng

một ca ngợi một vĩ nhân nào đó, kiếp sau tự nhiên nên ta sẽ xuất hiện một số tính chất của vĩ nhân đó. Có khi đời trước ta là một người trầm tĩnh, nhưng vì hay chê bai những người nóng nảy nên đời này ta trở thành kẻ nóng nảy. Có khi một người đời trước là nông dân, nhưng biết lo cho con cháu ăn học, phụ xây cất trường học, nên đời này trở thành kẻ học giỏi.... Như vậy chính Nghiệp đã tạo nên tính cách của con người chứ không phải tính cách đó được mang theo bởi Tạng thức từ đời này sang đời khác.

Tuy nhiên, những khuynh hướng không bị Nghiệp làm biến đổi thì sẽ lập lại. Một số người thích âm nhạc sẽ tiếp tục âm nhạc. Một số người lười biếng sẽ tiếp tục lười biếng và nghèo khổ (vì không gây tạo phước).

Chúng ta sẽ trở lại ở phần sau.

8. SỰ CHÚ Ý

Giống như máy tính, tuy màn hình hiện ra

nhiều dữ kiện, nhưng chỉ có một cursor (dấu nhấp nháy) để làm nơi CHÚ Ý cần xử lý. Khi thì chúng ta kéo cursor qua bên này, khi thì qua bên kia để chọn đề mục. Cũng vậy, ý niệm tuôn trào trong Hành ấm nhiều như bọt nước sôi trong một cái nồi, và một ít ý niệm đó hiện lên Tượng ấm thành lời nói và hình ảnh. Tuy nhiên, chúng ta chỉ CHÚ Ý đến một ý niệm, một đối tượng nào thôi.

Sự CHÚ Ý là một đặc trưng rõ nét của Bản ngã. Chúng ta đều biết Bản ngã là một hợp thể của Năm Ấm. Nhưng nếu không có cái Chú Ý thì Năm Ấm kia sẽ trở nên rời rạc, vô nghĩa và không có gì gọi là TA nữa. Chính vì có cái Chú Ý nên xuất hiện một cái TA để nối kết Năm Ấm lại với nhau. Dường như, cái TA chính là cái Chú Ý; Cái Chú Ý chính là cái điểm trung tâm nhất của cái TA.

Khi chúng ta nhìn một đóa hoa cái Chú Ý tập trung ở nhãn thức, (thần kinh thị giác), trong khi đó vẫn còn nhiều, tư tưởng lớn vồn song song mà không được chú ý.

Khi chúng ta lắng nghe một dòng nhạc cái Chú Ý tập trung ở nhĩ thức (thần kinh thính

giác).

Khi chúng ta nhắm mắt lại, lấy ta sờ một chiếc bình, cái Chú Ý tập trung ở xúc giác. Tương tự như vậy với mũi và lưỡi.

Tư tưởng còn lờn vờn trong đầu, nhưng cái Chú Ý đã tùy lúc mà chạy ra ngoại cảnh.

Trong lúc ta chú ý nhìn hay lắng nghe ngoại cảnh chúng ta không còn để ý đến cái tư tưởng trong đầu nữa. Chúng ta cần phân biệt hai khái niệm này THẤY (See) và NHÌN (Look)

THẤY thì lúc nào mắt cũng thấy vì ánh sáng từ ngoại cảnh luôn luôn chiếu vào mắt và làm thành tín hiệu đưa vào thần kinh thị giác (nhãn thức). Chỉ gọi là NHÌN khi chúng ta có CHÚ Ý đến ngoại cảnh sau khi thấy.

Ví dụ, chúng ta đang lắng nghe nhạc, mắt vẫn mở mà không chú ý nhìn vật gì mặc dù vẫn THẤY rõ tất cả. Chợt một người quen đi tới, chúng ta chuyển cái Chú Ý từ âm nhạc sang người quen đó, lúc đó ta mới gọi là NHÌN người ấy.

Cũng vậy đối với NGHE (Hear) và LẮNG NGHE (Listen).

NGHE thì lúc nào tai cũng nghe vì nếu có âm thanh thì sóng âm đập vào màng nhĩ và từ đó truyền tín hiệu vào thần kinh thính giác (Nhĩ thức) nhưng chỉ gọi là LẮNG NGHE (Listen) khi chúng ta có chú ý vào âm thanh nào đó bên ngoài (qua trung gian nhĩ thức). Đủ thứ tiếng động vang vang ở bên ngoài, nhưng có khi chúng ta chỉ lắng nghe một vài âm thanh nào đó mà thôi.

Rồi bây giờ chúng ta xoay cái Chú Ý vào trong tâm mình.

Khi một tư tưởng khởi lên, chúng ta sẽ CHÚ Ý vào cái vấn đề mà tư tưởng đó đang bày tỏ.

Ví dụ, khi tư tưởng đang khởi lên vấn đề mua bán nhà cửa, cái Chú Ý sẽ dồn vào nhà cửa, giá cả, bền tốt, vị trí ... nghĩa là cái Chú Ý làm cho tư tưởng đó mạnh lên, được đào sâu thêm cho đến khi một vấn đề khác dẫn cái Chú Ý theo nó .

Ví dụ, chúng ta đang chú ý vào vấn đề nhà cửa mua bán, thủ tục, thuế má. Chợt hai chữ thủ tục giấy tờ đã kích động Ký ức khởi lên chuyện kiện thừa năm ngoái, Tình cảm

tức giận khởi lên phụ theo, và thế là cái Chú Ý bây giờ lại bám theo ý tưởng kiện thừa hồi cũ, không còn là chuyện mua bán nhà cửa bây giờ nữa. Rồi trong chuyện kiện thừa này, nếu Ký ức lại bị kích động để khơi lên một vấn đề hấp dẫn nào khác để kéo cái Chú Ý dính vào thì cái Chú Ý sẽ bám sang ý tưởng khác. Cứ thế mà suốt ngày chúng ta (tức là cái Chú Ý) cứ trôi miên man từ ý tưởng này sang ý tưởng khác.

Những tư tưởng nào có cái Chú Ý bám vào ta gọi là những “tư tưởng cố ý” .

Những tư tưởng nào không được chú ý ta gọi là những “tư tưởng vẫn vơ” (xem Thiền Định, Chơn Quang)

Rồi bây giờ ta rút cái Chú Ý ra khỏi tư tưởng không bám theo tư tưởng nữa.

Chuyện gì sẽ xảy ra ?

Lúc đó Ý thức của Thức ám sẽ biết rõ tư tưởng. Lúc đó tư tưởng trở thành cái bị biết và Ý thức là cái biết. Lúc đó, cái Chú Ý đã lui sát về với Ý thức, đã nhập chung với Ý thức để làm thành một trạng thái mà đức Phật gọi là CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC. Đây

là một trạng thái căn bản của công phu tu tập Thiền Định.

Chúng ta lập lại từng bước để dễ hiểu. Từ cái CHÚ Ý chạy ra ngoài cảnh như chăm chú nhìn một hình ảnh, lắng nghe một âm thanh, chúng ta xoay vào trong. Ở bên trong cái CHÚ Ý trôi miên man từ ý tưởng này sang ý tưởng khác. Cuối cùng chúng ta rút cái Chú Ý ra khỏi ý tưởng để lui về nhập chung với Ý thức để cho Ý thức sáng hơn, mạnh hơn nhằm thấy rõ vọng tưởng đang khởi lên. Chúng ta cố gắng giữ cho cái Chú Ý không bám vào ý tưởng nữa, tách khỏi ý tưởng. Ý tưởng (vọng tưởng) vì không được cái Chú Ý bám vào để thêm sức mạnh nên trở nên yếu ớt và tắt mất. Rồi ý tưởng khác khởi lên, ta vẫn cố gắng giữ không cho cái Chú Ý bám theo, vẫn giữ cho Ý thức sáng tỏ để tách rời các ý tưởng ra khỏi cái Chú Ý. Ý tưởng lại yếu đuối và tắt mất. Chúng ta dùng từ “ lui lại ” cũng phù hợp với thức tế. Muốn rút cái Chú Ý ra khỏi tư tưởng để quay về nhập chung với cái Ý thức làm thành trạng thái tỉnh giác, chúng ta nên nhẹ

nhàng khéo léo để tâm ở “Vùng não phía sau”

Nhiều người tu thiền chủ trương để tâm ở trước trán, như vậy sẽ khó nhiếp tâm, Bản ngã dễ tăng trưởng hơn là lui về để tâm ở “vùng não phía sau “. Ta sẽ dễ tách khỏi tư tưởng, Ý thức dễ phát hiện tư tưởng khi còn mới manh nha. Quả vậy, để tâm lui về phía sau sẽ khiến cho ta dễ phát hiện những vọng tưởng đang còn trong vi tế và cũng khiến cho Bản ngã lắng dịu, đức hạnh dễ phát triển.

Tuy nhiên từ nhiều kiếp trôi qua, chúng ta đã quen để cho cái Chú Ý hướng ra ngoại cảnh hoặc bám vào tư tưởng, bây giờ không dễ gì một sớm một chiều giữ cái Chú Ý đứng yên với cái Ý THỨC để quan sát vọng tưởng như là một đối tượng bên ngoài.

Khi mà cái Chú Ý chạy theo ngoại cảnh - tức là bám vào nhãn thức, nhĩ thức - hoặc bám theo vọng tưởng, thì Ý THỨC TỈNH GIÁC bị mờ mịt yếu ớt. Đạo Phật gọi đây là “Thất niệm”, là mất tỉnh giác, là mê theo vật

quên mình.v.v.. Còn khi cái Chú Ý lui lại đứng nhập chung với Ý thức sẽ làm cho Ý thức sáng lên. Đạo Phật gọi là giữ được chánh niệm, là có tỉnh giác, là sống với ông chủ.v.v...

Như đã nói, cái Chú Ý do thói quen, thích chạy ra ngoài hơn là đứng một chỗ, thế nên việc giữ cái Chú Ý lại cũng rất vất vả, mất sức và hay thất bại, phải là người huân tập nhiều công đức lành, trải qua thời gian lâu giữ tâm thì cái Chú Ý mới bớt hướng ra ngoài. Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này sau. Bình thường thì cái Chú Ý chỉ hướng về một đối tượng. Ví dụ như tuy cùng lúc làm nhiều việc như chân bước đi, mắt mở thấy cảnh vật, tai nghe tiếng xe cộ trên đường, tay thò vào túi xem còn đồng nào không, miệng nhai kẹo cao su nhóp nhép, tâm nghĩ ngợi lung tung, nhưng có lẽ cái Chú Ý chỉ dồn vào tay đang kiểm tiền, còn những việc khác thì tự động mà làm. Đến khi nghe tiếng còi xe sát bên lưng thì giật mình quay lại, lúc đó cái Chú Ý dồn mạnh ở mắt để nhìn xem xe nào suýt đụng mình.

Nhưng có trường hợp cái Chú Ý hướng về hai hay ba đối tượng một lúc như người nghệ sĩ đánh piano bằng hai tay, cái Chú Ý hướng về hai đối tượng (hai bàn tay) cùng một lúc. Nhưng nếu xét kỹ, ta sẽ thấy cái Chú Ý không hướng về hai tay bằng nhau. Lúc thì để ý tay phải nhiều hơn, lúc thì để ý tay trái nhiều hơn... Cái Chú Ý chạy qua chạy lại liên tục. Rồi người lái xe con, mắt nhìn đường (có chú ý), tay bẻ volant, tay bấm còi, bật đèn, gài số, chân đạp ambraya, chân đạp ga, đạp thắng. Không phải cái Chú Ý cùng lúc hướng về nhiều phần việc như vậy. Khi chú ý nhìn đường thì các tay chân theo thói quen mà tự động hành xử; Khi gài số thì cái Chú Ý chạy qua tay phải một chút; Khi đạp ambraya thì cái Chú Ý chạy qua chân trái một chút. Cái Chú Ý chạy tới chạy lui liên tục.

Riêng bậc thánh nhập định sâu thẳm có thể chia ra làm nhiều cái Chú Ý, và nếu cần có thể phân ra nhiều thân, một thân làm chuyện này, một thân làm khác. Tôn giả Culla Panthaka sau khi chứng Alahán có thể

phân ra 1000 thân đầy cả khu vườn xoài và mỗi thân làm mỗi chuyện khác nhau.

Trở lại, chúng ta đã biết rằng cái Chú Ý dồn về đâu thì làm thành sức mạnh cho vùng đó, và cái Chú Ý tùy theo sự cần thiết mà đổi từ đối tượng này sang đối tượng khác liên tục. Tuy nhiên cái gì ở đằng sau điều khiển cái Chú Ý khi thì đến chỗ này, khi thì đến chỗ kia? Cái gì quyết định buộc cái Chú Ý lui lại ở chung với Ý thức ?

Cái đó mới thực sự là chủ thể, là Bản ngã gốc đích thực của chúng sinh. Cái đó thuộc về Hành ám. Cái Ý niệm chủ thể đó vô hình nằm khuất trong Vô thức và điều khiển cái Chú Ý rong ruổi bên ngoài cái Ý thức (conscious) - Chúng ta dùng Ý thức conscious này để chỉ phần tâm thức nhận biết được, trái với Vô thức subconscious là dùng tâm thức không nhận biết được. Ý thức conscious này khác với Ý thức của 6 thức dùng để biết tư tưởng - Từ trùng nhau rất khó sử dụng.

Cái Ý niệm chủ thể đó lấy các dữ kiện từ trong Hành ám sâu kín để điều khiển cái

Chú Ý. Với người phàm phu bình thường, cái Ý-Niệm-Chủ-Tể đó cũng tầm thường là chỉ cho chú ý vào ngoại cảnh, vào cảm giác khoái lạc.... Còn với người phát tâm tu hành giữ gìn thân tâm thì cái Ý niệm chủ tể đó luôn luôn kéo cái Chú Ý lui lại không cho bám theo vọng tưởng.

Chúng ta tách đôi cái Chú Ý bên ngoài và cái Ý niệm chủ tể nằm khuất phía sau vì đó là một sự thật. Trong thực tế cuộc sống, diễn tiến của tâm xảy ra quá nhanh nên chúng ta khó nhìn thấy vấn đề tường tận. Chúng ta chỉ nói “tôi chú ý việc này, tôi chú ý việc kia”, không ngờ cấu trúc tâm thức rất phức tạp. Cái Ý-niệm-chủ-tể là chủ nhân ông tạo ra mọi nghiệp nhân.

Phần II

CẤU TRÚC SIÊU HÌNH

1. TRƯỜNG KHÔNG GIAN TÂM LINH :

Như chúng ta đã nói, tâm thức đã tạo chung quanh cơ thể vùng không gian tâm linh. Bây

giờ người ta gọi là trường của sinh học (Bio-field).

Mỗi tế bào sống của sinh vật đều tạo chung quanh nó một vùng không gian tâm linh, dù là thực vật hay động vật. Nếu cấu thể đó lớn, nghĩa là từng tế bào tâm linh cộng lại sẽ tạo thành một vùng tâm linh không gian chung bao phủ bao quanh cấu thể đó. Một cây cỏ thụ có vùng tâm linh không gian riêng của mình. Một con voi có vùng tâm linh không gian riêng của mình. Dĩ nhiên cả cấu thể là tổng số các tế bào cộng lại, và cả vùng không gian tâm linh cũng là tổng số các điểm tâm linh tế bào cộng lại. Nhưng phép tính cộng trong thế giới tâm linh không giống phép tính cộng trong thế giới vật lý.

Ở thế giới vật lý $2 + 2 = 4$.

Ở thế giới tâm linh $2 + 2 = 5$ (ví dụ)

Vì sao lạ vậy? Bởi vì sóng tâm linh có tính khuếch đại. Một điểm tâm linh của tế bào có giá trị là 1. Nhưng khi ghép chung với 1 tế bào khác, cả hai cộng lại giá trị tâm linh thành 2, 1 - không phải là 2 nữa.

Vì thế cả một cấu thể tạo thành một vùng

không gian vi diệu đặc biệt không ngờ. Ngày nay do phát minh của kỹ sư Nga Kirlian, người ta chụp được cái hào quang của vùng tâm linh này. (Xem Nghiệp và kết quả, Chơn Quang).

Trên đây là một TIÊN ĐỀ về cấu trúc siêu hình của chúng sinh.

Bây giờ chúng ta so sánh hai phạm trù: THẦN NGÃ và LINH HỒN.

Quan niệm của các tôn giáo ấn độ cổ trước Phật thì cho rằng mỗi chúng sinh đều có một THẦN NGÃ. THẦN NGÃ này không có hình dáng (Formless), bất biến thường tại (eternal), là chủ thể trung tâm của mỗi hành vi và ý nghĩ. Dù qua nhiều kiếp luân hồi, THẦN NGÃ vẫn luôn là duy nhất.

Đức Phật phủ nhận THẦN NGÃ trường tồn ! Đối với đạo Phật, Bản ngã chỉ là một ảo giác do vô minh tạo ra. Không có một cái TA chân thật và vĩnh cửu. Cái TA chỉ là tên gọi chung của hợp thể ngũ uẩn. Từ nơi hợp thể ngũ uẩn xuất hiện ảo giác có một cái TA trung tâm - Chính là cái Ý niệm Chủ Thể bí mật điều khiển cái Chú Ý - Chúng sinh vì vô

minh không biết điều này, chấp có thật TA, yêu quý TA, quan trọng TA. Phật gọi đó là CHẤP NGÃ. Người tu theo đạo Phật phải vượt khỏi cái chấp ngã này, không yêu quý TA, không quan trọng TA, và tu tập Thiền định để vượt khỏi cái Ý-niệm-chủ-tể TA trung tâm đó. Lập trường của đạo Phật trước sau như một, phủ nhận Thần ngã ! (spiritual sefl).

Còn linh hồn theo quan niệm chung của mọi dân tộc trên thế giới đó là một cấu thể có hình dáng giống như thân xác, nhưng thuộc về siêu hình, nhẹ, có thể bay, có thể biết được ý nghĩ con người, có thể thấy con người dù không bị con người thấy. Linh hồn sẽ có ánh sáng, nếu đó là một chúng sinh có tâm hồn cao cả. Linh hồn sẽ là một bóng đen tối tăm nếu đó là một chúng sinh có tâm hồn xấu xa hèn hạ. Linh hồn gắn chặt với thân xác khi còn sống bình thường và sẽ tách ra khỏi thân xác khi chết hoặc khi nhập du hí tam muội (thiền xuất hồn).

Trên lý thuyết, linh hồn (soul) là vô thường, bị thay đổi theo hình dáng của thể xác. Linh

hồn lúc 3 tuổi sẽ khác với linh hồn lúc sáu mươi tuổi. Linh hồn chỉ tồn tại từ cõi sắc trở xuống. Ở định vô sắc, linh hồn biến mất. Như vậy khái niệm linh hồn có thể được xem là tồn tại vì nó thỏa mãn các nguyên lý của đạo Phật : cái gì có hình tướng, cái đó bị thay đổi, tạm bợ.

Ngoài ra chính đức Phật cũng nói rất nhiều về các cõi giới siêu hình như chúng sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, thần ATuLa, Chư Thiên... Các chúng sinh đó đều có hình hài mà các hình hài đó đối với chúng ta là siêu hình. Một hình hài mà siêu hình thì có thể được gọi là linh hồn.

Trên thực tế, các bác sĩ đã theo dõi các lời khai của những người có kinh nghiệm gần kề cái chết (Near Dead experiment - NDE) trên khắp thế giới và buộc phải chấp nhận rằng đã có một linh hồn rời khỏi thể xác sau khi chết. Trạng thái xuất hồn đó hoàn toàn khác với trạng thái nằm chiêm bao. Một số người kể lại khi họ (linh hồn) rời khỏi thân xác, họ thấy rõ những người thân và xác của họ, họ thấy rõ thế giới của chúng ta,

nhưng họ không thể tiếp xúc được. Ngoài ra, họ có thể tiếp xúc với các linh hồn của các cõi giới khác.

Như vậy , trên quan điểm Vô Ngã, đạo Phật phủ nhận một THẦN NGÃ vĩnh cửu , nhưng có thể chấp nhận sự hiện diện của một linh hồn tạm bợ . Phật giáo nguyên thủy phủ nhận luân linh hồn vì tưởng rằng linh hồn cũng là THẦN NGÃ. Phật giáo phát triển chấp nhận có linh hồn sau khi chết nhưng ngại dùng chữ linh hồn nên đổi thành “Thần thức” hay “Thân trung ấm”

2. LINH HỒN :

Bây giờ chúng ta nhìn linh hồn trên quan điểm của Năm Am.

Như đã nói, mỗi tế bào sinh vật đều tạo thành một điểm tâm linh của nó

Toàn thể cơ thể tạo thành một vùng không gian tâm linh bao phủ chung quanh nó. Nếu như vậy, chúng ta có thể nói rằng vật chất đã tạo nên tâm linh. Cứ cho là như vậy vì sự tình cũng khá đúng. Nếu các nguyên tử sắp xếp bình thường sẽ tạo nên các vật

chất vô cơ, không có tâm linh. Nhưng nếu, các nguyên tử vật chất nhưng được sắp xếp thành các phân tử hữu cơ phức tạp, và các chất hữu cơ phức tạp đó hợp thành một tế bào sống, thì **SÓNG TÂM LINH XUẤT HIỆN** - hay Trường tâm linh, hay vùng không gian Tâm linh, tùy theo cách gọi .

Tại sao khi các phân tử hữu cơ có hợp lại thành tế bào thì trường không gian tâm linh xuất hiện ?

Ta hãy so sánh với điện trường, từ trường và trọng trường để hiểu thêm.

Nào giờ chúng ta cứ nghĩ không gian là khoảng không, coi như không là gì cả. Và trong không gian đó chứa các vật thể, từ nguyên tử cho đến các thiên hà. Còn bản thân không gian thì chẳng là gì cả. Nhưng sự tình không đơn giản như vậy! Không gian là **MỘT CÁI GÌ ĐÓ** rất kỳ lạ.

Khi các electron chạy theo dây dẫn thì chung quanh dây, không gian thay đổi theo cấu trúc để biến thành **ĐIỆN TRƯỜNG**.

Khi các phân tử Fe_3O_4 (oxid sắt từ) phân cực âm dương và nằm xếp thành một chiều

thì cả khối sắt đó trở thành nam châm và không gian chung quanh nó thay đổi cấu trúc để biến thành TỪ TRƯỜNG. Những thanh sắt lọt vào trường này sẽ bị hút .

Khi các hạt neutron và proton hút chặt nhau và tạo thành nhân của nguyên tử, không gian chung quanh nó thay đổi cấu trúc để biến thành trọng trường .

Einsteins lừng danh vì ông dám nói rằng chung quanh một thiên thể, không gian bị cong, ánh sáng qua gần thiên thể sẽ bị đổi hướng. Kết quả thực nghiệm hoàn toàn chính xác. Như vậy, không gian là một cái gì không phải không? Nó rất nhạy cảm theo cấu tạo của vật chất mà nó chứa đựng.

Einsteins bỏ bao nhiêu năm cuối đời để đi tìm sự đồng nhất của các loại trường, và ngày nay đề tài đó vẫn là sự thách đố lớn cho nhân loại (xin xem Nhìn vào vũ trụ, Chơn Quang)

Trở lại, khi các phân tử hữu cơ phức tạp hợp thành tế bào, không gian chung quanh nó trở thành một trường mới, đó là trường không gian tâm linh.

Đề gọi là tâm linh, nó phải có tính chất HIẾU-BIỆT, CẢM ỨNG. Rồi vùng tâm linh này được củng cố theo sự phát triển của cơ thể và càng ngày càng rõ nét. Nó như là cái bóng của thể xác, giống với thể xác, nhưng tồn tại lâu hơn thể xác và vi diệu hơn thể xác. Dần dần nó có hình dáng in hệt như cái thể xác mà nó trùm phủ. Đồng thời, hay hơn thể xác, nó tỏa ra chung quanh một vòng hào quang vô hình. Người có tinh thần vững mạnh, hào quang đó sáng. Người có tinh thần yếu, hào quang mờ. Người có tâm hồn cao cả, hào quang đẹp. Người có tâm hồn hèn hạ, hào quang xấu .

Giống như ta đứng giữa núi rừng âm u và hét lên một tiếng. Những tiếng vang sẽ kéo dài thêm một quãng sau khi tiếng hét đã tắt. Cũng vậy, thể xác ta xuất hiện và linh hồn thành hình theo đó, nhưng linh hồn sẽ tiếp tục tồn tại sau khi thể xác đã chết .

Với người bình thường, linh hồn và thể xác là bất khả phân ly. Những tế bào thần kinh nhạy cảm và nhịp cầu nối giữa thể xác và linh hồn. Hệ thống kinh huyết vô hình theo Ý

thức học Đông phương là nhịp cầu mới giữa linh hồn với thể xác. Mỗi hoạt động của tế bào não tương ứng với sóng rung động của linh hồn.

Chính Tưởng âm làm sợi dây buộc linh hồn và thể xác. Khi Tưởng âm dừng hoạt động, linh hồn có thể tách ra độc lập với thể xác. Một người ngồi thiền dừng được vọng tưởng (tắt hình ảnh và lời nói) một cách vững chắc, cơ thể xuất hồn vân du nơi khác. Nhà thiền gọi là Du hí Tam muội. Linh hồn có Sắc âm (hình dáng); có Thọ âm để chịu đau khổ địa ngục hay hưởng hạnh phúc cõi trời, nhưng ít bị ảnh hưởng bởi vật chất trần gian như mưa gió, lửa, tường vách... có Hành âm để cho Bản ngã hoạt động bằng ý niệm gốc; có Thức âm vi diệu biết nhiều chuyện vượt hơn bình thường .

3. SAU KHI CHẾT:

Đối với người chết, thời gian tồn tại của linh hồn không giống nhau. Có người tồn tại trong thoáng chốc rồi linh hồn sẽ tắt mất khi đã xuất hiện sự sống ở bào thai mới. Có

người tồn tại vài tháng, có người vài năm, vài chục năm. Với người sinh về cõi trời thì thời gian tồn tại ở thế giới siêu hình chư thiên là vô cùng lâu dài.

Khi đã đến duyên chuyển thân vào thai mới, lúc tinh trùng của cha lọt vào trứng của mẹ thì linh hồn cũ tan hoại vì sự sống tiếp sau vừa hình thành nối tiếp. Linh hồn bị cuốn hút về phía cha mẹ và tắt biến ngay khi trứng thụ tinh. Thời gian này đồng thời làm ta tưởng như linh hồn nhập vào thai mới.

Đối với người lúc sống có tinh thần yếu đuối, sau khi chết, linh hồn họ dật dờ, không ảnh hưởng đến ai, và không bao lâu thì tắt biến để qua kiếp sống mới .

Đối với người lúc sống có tinh thần mạnh mẽ, thường làm những việc lớn lao, sau khi chết, linh hồn họ có năng lực mạnh, có thể ảnh hưởng đến người sống bằng cách tác động vào tư tưởng người sống, họ tồn tại lâu trong thế giới siêu hình. Chúng ta nói linh hồn tác động vào người sống như sau. Thứ nhất, do thoát khỏi sự trì kéo chậm chạp của Tướng ám nên Hành ám của họ

rất mạnh. Họ dùng ý niệm buộc người sống phải khởi ý nghĩ như thế này, phải làm như thế kia. Nhiều khi có những tư tưởng không phải do chính chúng ta khởi lên mà do sự tác động vô hình của một linh hồn nào đó. Có những lúc trong một gia đình chợt trở nên gắt gỏng gây gổ với nhau. Coi chừng không phải tại người sống.

Một người phụ nữ ra bến xe để đi miền Tây. Có một chiếc xe còn chỗ trống và sắp rời bến. Đáng lẽ bà sẽ đi xe đó, nhưng không hiểu sao một ý nghĩ lạ khởi lên trong tâm là không nên đi xe đó. Ý nghĩ đó thôi thúc kỳ lạ khiến bà phải từ chối lời mời của các anh phụ xe. Bà chờ đi xe sau. Trên đường đi bà gặp chiếc xe kia bị tai nạn giữa đường. Đó là bà không có nghiệp bị tai nạn xe. Nói trên nguyên nhân xa, và cũng là do một tác động siêu hình của ai đó, nói theo nguyên nhân gần.

Thứ hai, với những linh hồn mạnh, họ có thể hiện thành một hình hài ra trước mắt người sống, hoặc họ tác động lên các vật thể của thế giới vật chất.

Tưởng âm làm trì trệ tâm thức, làm Hành âm và Thức âm bị ngăn ngại không phát huy tác dụng siêu việt của nó. Linh hồn cũng giống như một thiên giả thoát được Tưởng âm, có được Hành và Thức âm vượt hẳn thường tình. Linh hồn luôn luôn biết rõ tâm tư ý nghĩ, việc làm của con người. Chúng ta chỉ dấu ý nghĩ và việc làm của mình đối với người sống chứ không dấu các linh hồn trong thế giới siêu hình, cũng như không thể dấu những người đã đắc định sâu xa. Vì thế, hãy giữ tâm hồn mình trong sạch vì có nhiều linh hồn chung quanh biết rõ chúng ta lắm đấy.

Đối với người sống, chúng ta cho rằng thế giới này là thực hữu, còn thế giới siêu hình là cõi vật vờ, mờ mịt, tạm thời, chỉ khi linh hồn được đầu thai để làm người mới là hạnh phúc. Nhưng những linh hồn trong cõi thế giới siêu hình thì ngược lại! Họ thấy rằng thế giới vật chất này là tạm bợ, nặng nề, khó chịu, còn sống chỉ bằng linh hồn mới sáng suốt và tự tại hơn. Nhất là những thiên tử cõi trời thì càng thấy thế giới vật

chất của con người là rác rưởi (xem Bát Nhã, Chơn Quang). Nhưng dù sao luật vô thường cũng chi phối tất cả. Đến lúc nào đó thì linh hồn cũng tan biến để một kiếp sống khác ở thế giới vật chất được hình thành.

4. VÀO THAI MỚI :

Nhiều khi chúng ta nghĩ rằng đầu thai tức là linh hồn nhập vào thai mẹ. Sự thật không phải như vậy.

Thai mới được thành lập như sau :

Khi đang còn ở kiếp sống trước, chúng ta đã từng giờ từng phút tạo nên kiếp sau bởi ý nghĩ, lời nói và việc làm. Một nghiệp thiện tạo thành một niềm vui ở kiếp sau. Một nghiệp ác tạo thành một nỗi khổ ở kiếp sau. Một ân nghĩa với ai tạo thành một nhân duyên ở kiếp sau. Một ước mơ tạo thành một hành động ở kiếp sau. Vô số nghiệp đã vẽ nên dần dần nên hình ảnh của kiếp sau. (Xem Nghiệp và kết quả, Chơn Quang). Do đó, thân ở kiếp sau không còn là một sự lựa chọn sau khi chết nữa mà đã được qui định từ đời sống của kiếp trước.

Suốt kiếp sống bảy tám mươi năm, chúng ta đã tạo vô số nghiệp nhân thiện ác, thương người này, ghét người kia, ưa cái này, chán cái nọ... Những nghiệp nhân như thế đã quy định cho đời sống sau này, chúng ta sẽ sinh vào gia đình nào, tên họ ra sau, giàu nghèo, khổ vui, học hành, bạn bè, quốc gia,...

Rồi chúng ta chết !

Sau đó, đời sống tâm linh (linh hồn) theo quán tính và theo tính chất kéo dài lâu hơn thể xác, đã tồn tại thêm một thời gian nữa. Có người thời gian tồn tại của linh hồn rất ngắn ngủi, vài giờ, hoặc vài ngày; Có người linh hồn tồn tại đến vài năm, vài mươi năm. Trong thế giới tâm linh đó, họ tạo thêm một số nghiệp thiện ác bằng cách âm thầm giúp đỡ hay phá phách người sống, âm thầm thanh lọc nội tâm niệm Phật tu hành hay tham sân, buồn giận tiếp tục... Đến khi đủ duyên đầu thai, cha mẹ ở kiếp sau gần nhau. Khi tinh trùng cha sắp sửa gặp noãn của mẹ, linh hồn họ bị cuốn hút về đó không gì cưỡng lại được. Rồi ngay khi tinh trùng lọt được vào noãn, lập tức linh hồn họ bị tan

biến. Đời sống mới tạo xong với hình thức một phôi thai nhỏ mà mắt thường không nhìn thấy. Tất cả những Ký ức của linh hồn cũ hoàn toàn biến mất không đem theo được gì cho thân sau. Toàn bộ tâm thức ở thân sau hoàn toàn do luật nhân quả tạo thành. Giây phút đó, Abhidhamma gọi là “Từ tâm tối hậu chấm dứt và Kiết sinh thức tối sơ xuất hiện.”

Cái giây phút mà tinh trùng lọt vào noãn cũng chính là lúc linh hồn cũ tan biến. Rồi bộ não theo luật nhân quả mà hình thành dần dần. Điều chúng ta có thể lấy làm lạ khi thấy rằng từ một bộ não trinh nguyên chưa được đưa một dữ kiện nào vào, vậy mà vừa mới lọt lòng mẹ, mỗi đứa bé đã có tính khí, khuynh hướng khác hẳn nhau. Nếu chỉ là những tế bào não (phần cứng) theo di truyền mà phát triển thì lẽ ra nó chỉ phát triển khả năng (thông minh hay ngu dốt, Ký ức tốt hay kém,...) chứ chưa thể chứa đựng các khuynh hướng cá tính (phần mềm) được khi nó chưa tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Đứa thì hiền, đứa thì dữ, đứa thì dễ

bảo, đưa thì bướng bỉnh... ngay từ lúc mới chào đời.

Chính luật nhân quả đã làm chuyện này! Có những người được phước thông minh tài ba, học hành giỏi giẩn, kiến thức uyên bác. Nếu nói theo thuyết “TẠNG THỨC”, người ta cho rằng người như vậy đã từng luyện tập học hỏi rất nhiều ở đời trước và Tạng thức đã lưu trữ đem theo sang đời này. Sự thật không phải như vậy.

Có thể một người đời trước rất tài giỏi, học cao, nhưng luôn luôn đố kỵ, ghét người hơn mình, trù dập những nhân tài khác. Chắc chắn qua đời sau họ sẽ là những người ngu đần khờ khạo.

Có thể một người đời trước chỉ là nông phu, nhưng biết đầu tư cho con cái ăn học đàng hoàng, phụ xây cất trường học trong làng, tặng sách vở cho những học trò nghèo. Chắc chắn qua đời sau họ sẽ là những người thông minh học giỏi.

Ở đây chỉ có nhân quả chứ không có đem theo.

Cũng có thể một người nhiều đời liên tiếp

luôn luôn tài giỏi bởi vì họ biết truyền đạt hướng dẫn cho kẻ khác một cách chân thành trọn vẹn. Công đức đó khiến họ tài giỏi mãi mãi, và có thể đi đến vị trí của một thiên tài.

Tính tình ở hai đời sống có khi giống hệt nhau mà cũng có khi biến đổi.

Ví dụ, người có nhiều tâm từ ái, hay thương yêu giúp đỡ mọi người, Tâm từ ái đó qui định một khuynh hướng từ ái tiếp tục cho đời sau từ trong Ký ức.

Ví dụ, người có tính tình khô khan thô lỗ, họ cũng gây thành một loại nghiệp nhân khiến cho Ký ức đời sau xuất hiện tiếp khuynh hướng khô khan thô lỗ.

Đó là trường hợp giống nhau.

Trường hợp ngược lại. Ví dụ, một người có tính tình ôn hòa nhã nhặn, nhưng hay chỉ trích chê bai những người nóng nảy. Đời sau Ký ức của họ có khuynh hướng nóng nảy. Thế là tính tình đời trước và đời sau này không giống nhau .

Ví dụ, một người có tính hẹp hòi ích kỷ , nhưng biết chân thành ca ngợi những người

có tâm hồn quảng đại. Đời sau trong họ xuất hiện tính quảng đại. Thế là tính tình đời trước và đời sau không giống nhau. Đa phần thì tính tình ở hai đời rất giống nhau.

Một người thường xuyên tu thiền tập định, qua đời sau tâm hồn tự nhiên an tĩnh thoải mái nhẹ nhàng. Một người thích thơ văn thì đời sau cũng thích thơ văn.

Không phải một Tạng thức nào đã đem theo khuynh hướng từ đời này sang đời khác, chính tâm niệm của họ đã xây đắp nên một cơ cấu Năm Ấm của đời sau thông qua luật nhân quả.

Người hay chăm lo sức khỏe người khác, hay dùng sức lực để giúp người, đời sau họ sẽ có một Sắc ấm (hình hài) mạnh khỏe.

Người hay đem khúc hát lời ca làm rung động tâm hồn mọi người, đời sau họ sẽ có một Thọ ấm nhạy cảm.

Người hay làm bận tâm người khác, đời sau sẽ có một Tưởng ấm lằng xằng.

Người hay dùng ý chí, hay tập trung tinh thần, hay tự kỷ ám thị, đời sau sẽ có một

Hành âm mạnh mẽ. Những nhà ngoại cảm có năng khiếu bẩm sinh chính là những người đã tu tập rất nhiều từ đời trước. Người tạo phước nhiều, đời sau có trực giác mạnh (Thức âm).

Người điên là do tạo nhiều nghiệp ác, hoặc do khinh thường người điên, do khinh khi mọi người, hoặc do xúc phạm bậc Thánh, hoặc do gây đau khổ cho nhiều người.

5. CÕI GIỚI SIÊU HÌNH :

Đạo Phật cũng như các tôn giáo khác hay nói về các cõi siêu hình như thiên đường, địa ngục.... Đó là những cõi hiện hữu mà mắt chúng ta không nhìn thấy được.

Các nhà Vật lý vũ trụ hiện nay cũng nói nhiều về vật chất vô hình trong vũ trụ. Họ cho rằng trong vũ trụ còn tồn tại một khối lượng cực kỳ lớn các vật chất mà chúng ta không thể phát hiện được bằng các công cụ hiện nay. Chúng ta chỉ đoán qua tính toán lý thuyết.

Một số người có kinh nghiệm cận tử cũng thuật lại về các loại địa ngục, thiên đường

mà họ đã đến được. Khi họ có cảm giác như rơi mãi xuống phía dưới thì lát sau họ đến một nơi mà có từng hầm lửa cháy và có nhiều người chen nhau dày đặc la khóc trong đó. Ngược lại khi họ có cảm giác bay lên cao thì họ sẽ đến một nơi tràn đầy ánh sáng và an lạc. Người trong cõi đó có thân thể bằng ánh sáng và họ biết được ý nghĩ của nhau chứ không cần ngôn ngữ .

Khi hoà thượng Hư Vân bị các tên lính đánh đến gần chết, ngài ngất đi gần sáu ngày.

Đến khi Ngài tỉnh dậy nói rằng :

“Thần thức Thầy đi lên cung trời đao lợi nghe thuyết pháp. Thật là cảnh giới thiên định sâu xa, khổ vui đều xả ! Thuở xưa lúc ngài Hám Sơn Tử Bá thọ hình cũng tương tự cảnh giới này, những kẻ chưa chứng ngộ không thể diễn tả thay được”

Trước đó cũng có lần bị bệnh Hoà thượng thiếp đi gần 8 ngày cũng thấy lên cõi trời Đâu Xuất nghe Bồ Tát Di Lạc thuyết pháp về định Duy Tâm Thức (tìm cái định nhờ biết rõ cấu trúc tâm lý).

Theo đức Phật, những người tạo nghiệp

quá nặng phải đọa địa ngục để chịu trừng phạt. Những người tạo phước quá nhiều sẽ lên cõi trên để hưởng vui. Chúng ta nên hiểu rằng các vị Thiên tử trên cõi trời đều có tâm hạnh đạo đức rất tuyệt vời, người ở thế giới vật chất này không thể bằng được. Vì xưa kia, khi còn là con người các vị đã sống cuộc đời rất vị tha, rất nghiêm túc. Không phải chư thiên trên cõi trời mãi lo hưởng vui mà quên làm phước đâu. Họ vẫn thỉnh thoảng âm thầm giúp đỡ người trong thế giới này khi họ thấy ai xứng đáng. Có khi trong cơn quần bách, chúng ta đã cầu nguyện trời Phật gia hộ giúp đỡ . Nếu thấy chúng ta xứng đáng, Chư thiên sẽ dùng uy lực của mình để gia bị. Nhất là những Phật tử cầu nguyện danh hiệu chư Phật, chư Bồ Tát, Hiền thánh tăng thường làm chư thiên cảm động đến giúp đỡ. Đức Phật đã nhập Niết bàn, trong Niết bàn Phật vẫn cảm ứng với tất cả chúng sinh. Tuy nhiên khi chúng ta hướng tâm niệm Phật, cầu nguyện chư Phật, sẽ khiến Chư thiên nhiệt tình giúp đỡ . Họ là những người quen nhiệt tình làm việc

từ thiện một cách vô tư không cần chúng ta biết đến danh tánh. Thế nên hiểu được điều này, chúng ta sẽ thấy mình không bị cô độc trong vũ trụ. Chung quanh chúng ta còn nhiều đấng vô hình cao cả vẫn hay nhìn chúng ta với lòng ưu ái . Vấn đề còn lại là chúng ta sống làm sao cho xứng đáng với sự thương yêu của họ.

Tuy nhiên niềm tin về cõi giới siêu hình dễ tạo ra tâm lý mê tín, dễ tạo ra những cái “Đạo” quái gở . Vì thế nhiều nhà tôn giáo chân chính ít nói đến cõi giới siêu hình. Hiện nay trên thế giới càng lúc càng có nhiều đạo mới. Đa số đều khai thác niềm tin về cõi trời. Họ tô vẽ đủ chuyện thần bí và tự cho mình là người liên lạc được với thần thánh rồi kêu gọi mọi người phải quy phục họ để được thần thánh cứu giúp. Họ thích khai thác cái sợ hãi về ngày tận thế để chiêu dụ tín đồ.

Đạo Phật khác với các tôn giáo khác ở điểm này. Tuy có nói đến cõi giới siêu hình như cõi trời, cõi địa ngục, nhưng đạo Phật vẫn lấy luật Nhân Quả Nghiệp báo là nền tảng,

chứ không lấy một thần linh nào có quyền năng thưởng phạt. Vì thế, hãy kệ cõi trời và địa ngục, con người cứ phải thanh lọc nội tâm mình và đối xử tốt với nhau rồi mọi chuyện tốt đẹp sẽ đến.

Do đó nếu chúng ta thấy một tôn giáo nào quá chú trọng đến ân sủng của thần linh, chúng ta hiểu ngay tôn giáo này không giống với đạo Phật và dễ đưa con người đến với mê tín, thậm chí cuồng tín.

Biết có cõi giới siêu hình nhưng không bận tâm vì cõi giới siêu hình, chỉ lấy luật Nghiệp báo làm chỗ dựa, đó là người Phật tử chân chính.

Nhất là người tu thiền mà quá hướng tâm về cõi giới siêu hình sẽ dễ bị ảo ảnh lừa gạt. Khi tâm họ được một chút thanh tịnh, niềm tin và mơ ước “bắt được liên lạc” với thần thánh từ trong Ký ức sẽ khởi lên. Màn ảnh Tưởng âm sẽ hiện đủ thứ cảnh giới lạ lùng. Mà Tưởng âm là sự ràng buộc. Nên Tưởng âm hiện lên hình ảnh và lời nói tức là sự thoái chuyển đã xuất hiện, thậm chí là sự nguy hiểm cũng gần kề. Nhiều người phát

bệnh tâm thần vì chạy theo Tướng âm như thế.

Phần III

NHỮNG HIỆN TƯỢNG LIÊN QUAN GIỮA NĂM ẤM

1. MỘNG BÁO ĐIỀM

Rất nhiều người nằm mộng thấy báo những sự việc sắp xảy ra và rồi sự việc diễn tiến đúng như cơn mộng.

Có lần em tôi, trước ngày đi thi, nằm mộng thấy cảnh tượng trong phòng thi, cô giáo mặc áo gì viết lên bảng đề thi ra sao. Đến ngày thi, sự việc xảy ra không khác chút nào.

Ông thân tôi vốn là chuyên viên vô tuyến điện tử. Thuở nhỏ nơi vùng thôn quê hẻo lánh ở Tây Ninh, ông mơ thấy mình đang loay hoay cầm món này gắn qua, món kia gắn lại, rồi cầm cả cái máy lên đưa vào tai nghe tiếng từ trong đó phát ra. Ông không thể giải thích giấc mơ kỳ lạ đó cho đến khi

ông chọn nghề điện tử.

Rất nhiều và rất nhiều người có giấc mộng báo điềm như vậy. Lại có cả những trường hợp nhờ giấc mơ mà thủ phạm giết người bị khám phá nhanh chóng.

Một chiếc máy bay rớt, không ai tìm ra địa điểm. Một cô gái, qua giấc mơ mộng, đã biết và hướng dẫn đoàn người tìm đúng nơi máy bay đã rơi.

Ở đây, chính Thức ám đã biết trước sự kiện mặc dù về mặt Ý thức chưa hay biết gì. Rồi, trong giấc ngủ, Hành ám dựng lên một giấc mơ chiếu vào màn ảnh Tưởng ám để thuật lại cho Tưởng ám biết cái mà Thức ám phát hiện.

Không phải một thần linh nào đã đến báo mộng cho chúng ta, chỉ là Vô thức của chúng ta phát hiện và báo lại cho Ý thức biết bằng hình thức một giấc mơ.

Trên đây là một loại giấc mơ báo điềm cụ thể. Còn có những giấc mơ báo điềm một cách biểu tượng không rõ ràng, đòi hỏi chúng ta phải suy luận mới hiểu được.

Như có người nằm mơ thấy răng rụng thì

biết người thân quyền thuộc bị nạn. Có người nằm mộng thấy giãm phải phân thì sắp gặp tài lộc. (Hình như Vô thức cho rằng tiền bạc thì bản thử?). Có người nằm mơ thấy bơi trong nước, biểu tượng đắm đuối vào tình yêu. Có người mơ thấy mặt trời chói sáng, trí tuệ và vinh quang hiển lộ. Có người mơ thấy rắn, dục tình bị kích động. Mẹ tôi có kể lại ngày trước ở Huế có một ông cụ chuyên giải thích những giấc mộng giùm cho mọi người. Một bà nằm mộng thấy heo kê. Ông bảo sắp có ăn. Đúng là bà kia được người quen gửi tặng nhiều thức ăn. Bà lại nằm mơ thấy heo kê. Ông bảo sắp có mặc. Đúng là bà kia nhận được nhiều vải vóc quần áo. Bà lại nằm mơ thấy heo kê. Ông bảo sắp bị đánh. Quả nhiên chuyện gây gổ xảy ra và bị hàng xóm đánh. Mọi người hỏi ông vì sao cũng thấy heo kê mà ông giải thích ba lần khác nhau như vậy. Ông đáp thì có gì lạ, cho ăn cho mặc mà còn kê nữa thì bị đòn! Có người mộng thấy ông Địa đến mách rằng con ông ở xa bị bệnh nặng. Thức dậy,

ông phân vân khăn gói đi thăm. Quả nhiên con ông bị bệnh. Ở đây không hề có ông Địa nào đó đến mách bảo trong giấc mơ. Chỉ là Hành ám dựa vào niềm tin của ông ta, vì ông rất tin có ông Địa, rồi dựng lên giấc mơ có ông Địa đến mách bảo.

Tương tự, có người thấy tổ phụ đã chết từ lâu về dạy việc trong nhà, vì với người này, tổ tiên vẫn còn ngự trị ở một thế giới siêu hình nào đó mà vẫn thường chăm sóc con cháu. Hành ám đã dựa vào niềm tin có trong Thức ám để dàn cảnh trong chiêm bao.

2. LINH CẢM

Có rất nhiều người, nhất là phụ nữ thường linh cảm biết được những chuyện mà tai mắt không nghe thấy. Ở đây, họ không cần giấc mơ báo điềm mà biết thẳng tất từ trong tâm. Vì thế khả năng linh cảm này còn được gọi là TRỰC GIÁC.

Người vợ chợt linh cảm rằng chồng đã phải lòng với một cô gái khác. Bà bí mật theo dõi

và bắt được quả tang.

Vừa nhìn thấy người khách lạ, ông Năm đã đoán được bản chất tính tình của anh. Đôi mắt tinh anh chứa đựng sự sắc sảo, nhưng vẻ khô khan trong đó nói lên sự thiếu thốn nghèo khổ. Khả năng đánh giá con người của ông Năm không do ai dạy, tự trực giác của ông nhận biết mà thôi.

Một lần, người sĩ quan công an tên Tuấn dẫn một cô gái tên Hồng đến Trường Đại Học Tổng Hợp Khoa Sinh Vật, nhờ các giảng viên giải thích giùm hiện tượng của cô gái tên Hồng. Cô Hồng có thể đoán được một cách chính xác người khác đang nghĩ gì. Bốn giảng viên trên bàn các vật dụng như : sách, viết, thước.... rồi yêu cầu cô sang phòng khác. Họ yêu cầu nói lên trong tâm họ đang chọn món đồ gì. Cô đồng ý với điều kiện các giảng viên phải nghĩ đến món đồ đó trong đầu. Từng giảng viên thay nhau thí nghiệm. Ở bên đây, họ vừa nghĩ đến cuốn sách thì bên kia tiếng cô gái vang lên "cuốn sách". Họ vừa nghĩ đến cây viết thì tiếng cô gái vang lên "cây viết". Suốt cuộc

thử nghiệm, cô gái không bị làm lẫn lộn nào. Các giảng viên nói với người công an rằng vấn đề này đang được giới khoa học nghiên cứu và gọi đây là năng lực hoạt động của Trường Sinh học, một Trường mới còn gây nhiều tranh cãi. Anh công an thú thực rằng chính anh cũng có khả năng tương tự dù không bằng cô gái. Các tội phạm không thể dấu anh điều gì.

Trực giác mạnh là gì ?

Như chúng ta đã biết, ở phần ngoài Ý thức (conscious), Thức ám chia làm 6 thức. Sáu thức này biết bằng giác quan và biết bằng tư tưởng, đó là cái biết của người bình thường. Ở phần trong Vô thức (subconscious), Thức ám là cái Biết trực giác. Sở dĩ Trực giác của Thức ám bên trong Vô thức không phát huy được năng lực của mình vì Tưởng ám làm trì trệ ngăn ngại. Người nào mà hình ảnh và lời nói cứ hiện lên trong Tâm thường xuyên thì Trực giác sẽ kém. Còn người nào có Trực giác mạnh thì hoặc do tu tập khắc phục Tưởng ám, hoặc bẩm sinh Tưởng ám đã yếu sẵn

nên Trực giác dễ phát khởi.

Vụ chiếc tàu Titanic bị đắm năm 1912 đã được nhà văn Anh Morgan Robertson miêu tả tai nạn một cách tỉ mỉ trước đó 14 năm. Nhiều người khác cũng có linh cảm chiêm bao thấy tai họa xảy ra trước khi tàu rời Anh đi về phía Mỹ.

Các nhà chính trị thiên tài, khi còn phước, cũng có khả năng đoán được dụng ý của đối phương để rồi tìm ra cách chống đỡ. Lãnh tụ Hồ Chí Minh còn để lại nhiều giai thoại về tài tiên tri các sự việc sắp xảy ra. Người nữ thường có trực giác mạnh hơn người nam. Nơi người nữ, khối Tình cảm và Thức ấm mạnh, trong khi nơi người nam khối Hành âm suy luận mạnh, Loài thú cũng vậy, Ý thức của chúng rất kém nhưng bản năng rất mạnh. Chúng có trực giác khác người. Cái thông minh lạ thường của cá heo là do trực giác hơn là do Ý thức suy luận. Có những con mèo già, khi người chủ vừa khởi ý muốn giết thịt, đã bỏ nhà đi biệt tăm.

Còn những con thú nào không có trực giác

thì ngu vô cùng vì chúng vốn kém Ý thức suy luận.

3. ĐỒNG CỐT

Hiện tượng đồng cốt khá phổ biến từ Tây sang Đông, từ kim chí cổ.

Một người chột mắt đi nhân cách của mình, thay vào đó một nhân cách mới mẻ, tự xưng mình là Thần Thánh từ trên trời xuống nhập xác, hoặc thân nhân đã chết trở về.

Khi lên đồng như vậy họ có thể tiên tri và chữa bệnh tài tình.

Một anh bạn họ Trần của tôi có để tâm tìm hiểu hiện tượng này. Anh đến gặp một người đồng xưng là Quan Thánh. Anh lại đến gặp một người khác cũng xưng là Quan Thánh. Tuy nhiên anh tự hỏi, nếu hai ông Quan Thánh chỉ là một thì tại sao ông thứ hai không nhận ra anh khi ông đã gặp anh từ xác người đồng thứ nhất. Như vậy có Quan Thánh nào từ thế giới siêu hình trở về nhập xác hay đó chỉ là sản phẩm của mỗi người lên đồng?

Sự nhận xét của anh rất đúng. Không hề có một ông Quan Thánh đến từ thế giới siêu hình, mặc dù ông diễn tả cõi trời rất hấp dẫn.

Những người đồng cốt là người có cấu trúc não bộ khác lạ, có thể gọi là hơi trục trục. Hành ám của họ trong những lúc phát tác mạnh, đã dựng lên một Bản ngã mới che lấp cái Bản ngã cũ (Ý thức cũ). Và cái Bản ngã mới này tự xưng đủ thứ theo sự ham muốn hoặc niềm tin... Nếu họ thường áp ủ niềm tin về Thần Thánh, khi lên đồng cái ngã mới sẽ tự xưng là Thần Thánh. Nếu họ thường tin về sự tồn tại của thân nhân đã chết, khi lên đồng, cái ngã mới sẽ tự xưng là thân nhân cũ.

Sức mạnh của Hành ám rất dữ dội, nó hoàn toàn đủ sức dựng lên một cái ngã mới để che lấp Ý thức cũ. Khi đó, Hành ám còn có thể tiên tri, chữa bệnh, đâm dao vào người, đi trên lửa đỏ.v.v... Hành ám là nơi phát khởi thần thông nên những chuyện đó là bình thường khi nó khởi tác dụng.

Có lần tôi gặp một cô thầy thuốc khi lên

đồng tự xưng là đứa con trai bị chết. Ngoài việc diễn tả cõi Phật rất đẹp để khác lạ, còn những điều khác thì hoàn toàn giống như cô mà thôi. Nghĩa là khả năng của cô cũng như lúc cô lên đồng không hơn kém là mấy. Cô biết xem mạch, thì "đứa con" cũng biết xem mạch. Cô biết những việc trong thân tộc thì "đứa con" cũng biết tương tự.

Một cô Phật tử trẻ thường lên đồng tự xưng là Thái Tử Long Cung. Khi lên đồng "Thái Tử" rất dung hữ bạo tợn, có khi cầm dao rượt cả nhà chạy vắt giò lên cổ. Cô Phật tử được gia đình đưa đến gởi ở một ni viện. Sư cô giáo thọ tưởng thật, hết sức lấy lời khuyên nhủ bảo "Thái Tử" đừng về nhập làm khổ cô gái nữa. "Thái Tử" nghe lời, bỏ xác, chết để đầu thai làm người. Cô gái khỏi bệnh, ai cũng vui mừng. Nhưng thời gian sau cô lại lên đồng như cũ.

Thật ra, tôi có dịp tìm hiểu thì thấy rằng cô gái này vốn có tính khí như con trai. Cô học võ Thiếu Lâm, luyện bát đoạn cầm, phóng xe Honda như bay, chỉ toàn mặc đồ con trai, hớt tóc ngắn. Khi Hành ám phát tác, một

Bản ngã mới xuất hiện, nó cũng chỉ lập lại khuynh hướng đàn ông tiềm tàng từ trước mà thôi. Không hiểu được điều này thì dù cho "Thái Tử" có bỏ đi, hiện tượng đồng cốt vẫn chưa hết.

Nhiều người lên đồng chuyên nghiệp để sinh sống thì còn tệ hại hơn nữa. Họ bày vẽ cúng kiếng đủ thứ để moi tiền người dễ tin. Rồi cũng có trường hợp Hành ám dựng một Bản ngã mới nhưng không che lấp hết Ý thức cũ. Trường hợp này người lên đồng vẫn còn biết mình đang nói gì, làm gì, nhưng không cưỡng nổi sức mạnh của Hành ám. Họ biết miệng mình lắm nhảm nói toàn chuyện thần bí, tay chân múa may kỳ cục, nhưng đành xuôi theo.

Một anh sinh viên trẻ bỗng tự xưng là đấng Vô Thượng Tôn. Anh leo lên bàn thờ ngòai và bắt mọi người đánh lễ mình. Sau này anh bình thường trở lại, bạn bè hỏi anh lúc làm như vậy anh có biết không. Anh đáp biết nhưng không cưỡng lại được.

Đây là trường hợp từ lâu anh huân tập ước mơ thành Phật với những danh hiệu cao

quý và những vinh quang của quả vị Phật. Khi Hành ám phát tác nó chỉ thực hiện ước mơ ngủ ngâm của anh mà thôi. Nhiều người không hiểu điều này cứ cho là anh bị ác ma nhập.

Hành ám vốn là nơi xuất phát thần lực thể nên khi lên đồng, người này có khả năng làm nhiều việc dị thường. Một anh thầy thuốc tâm sự mỗi khi bị "nhập" anh chữa bệnh hay hơn bình thường. Những người khác còn có thể nói chuyện quá khứ vị lai. Cũng có những trường hợp một linh hồn khác đủ sức che lấp Tâm thức của người sống và nhập vào đây để tiếp xúc với con người. Thường là những người có tinh thần yếu đuối mới dễ bị một linh hồn bên ngoài lấn ép như vậy. Nhưng nếu chúng ta không đủ con mắt để nhìn thì rất khó biết đâu là thật đâu là giả.

4. MỘNG DU :

Mộng du hay còn gọi là miên hành là chứng bệnh người đang ngủ bỗng trỗi dậy đi lang thang hoặc làm một số công việc mà chính

họ không hề hay biết.

Một lần, cơ quan Lâm nghiệp Liên Xô thả hai chuyên viên lâm học, một già một trẻ, vào khu rừng cần nghiên cứu. Họ dựng lên một căn nhà, mỗi ngày đi vào rừng để nghiên cứu cây cỏ. Hằng tháng có máy bay trực thăng từ cơ quan đến để tiếp tế lương thực cho họ, đồng thời lấy về những báo cáo của họ. Hai người bạn này rất thương mến nhau. Giữa khu rừng hoang vắng họ là niềm sưởi ấm cho nhau.

Chợt một hôm người bạn già ngã bệnh và mất đột ngột. Người bạn trẻ vô cùng đau đớn xót thương. Anh ôm xác người bạn già khóc mãi. Nhưng cuối cùng vẫn phải đem chôn. Sáng hôm sau thức dậy anh kinh hãi nhìn thấy xác người bạn già nằm bên cạnh. Anh đem chôn lại kỹ hơn, dần đá lên trên, khi ngủ anh gài cửa cẩn thận hơn. Nhưng sáng hôm sau, xác người bạn già vẫn nằm bên cạnh. Anh đem chôn trở lại, dần đá nhiều hơn, vào nhà gài cửa thật kỹ. Suốt ngày hôm đó anh sống vật vờ, mờ mịt trong sợ hãi.

Sáng hôm sau thức dậy thấy xác người bạn già bên cạnh, anh đã đứng tim chết vì kinh hoàng tột độ.

Khi máy bay của cơ quan đến nhìn hai cái xác trong nhà, họ tìm thấy tập nhật ký của anh. Máy bay mang xác hai người về khám nghiệm. Các Bác sĩ tìm thấy nguyên nhân là cơn mộng du của anh chuyên viên trẻ.

Trong giấc ngủ, chính anh đã trỗi dậy mở cửa, đào mồ, mang xác người bạn của mình vào đặt bên cạnh.

Mộng Du là gì ?

Đó là bệnh lý trong não bộ. Với người này có trục trặc trong cấu trúc não khiến cho khi ngủ, Ý thức mê mờ, chợt Hành ám trong Vô thức trực tiếp điều khiển thân thể trỗi dậy bước đi làm việc mà không báo cho Ý thức biết. Ý thức không hay biết gì vì còn chìm lảng trong giấc ngủ, nhưng Hành ám trong Vô thức vẫn hoạt động mạnh và "qua mặt" Ý thức.

Với anh chuyên viên trẻ, tình thương đối với người bạn già quá mãnh liệt (Tình cảm thuộc về Hành ám), sự đau đớn quá sức đã

gây rối loạn thần kinh não. Thế rồi khi ngủ, Hành ám đã hành động theo Tình cảm sâu kín của mình là đào lấy xác bạn đặt lên nằm bên cạnh.

Ý thức của anh vô cùng sợ hãi hiện tượng kỳ lạ như là ma quỷ này nhưng Vô thức vẫn tỉnh bơ tái diễn hành vi cũ.

Qua hiện tượng đồng cốt và mộng du, chúng ta thấy trong bản thân mình giống như có hai con người khác biệt, một của Ý thức và một của Vô thức. Bình thường thì hai phần tâm thức này hỗ trợ nhau, nhưng khi trục trặc hai phần đó lại tương phản với nhau. Và như thế chúng ta càng thấm thía ý nghĩa Vô Ngã mà Đức Phật đã nói.

Có những người trong cơn mộng du đi lên vách tường như đi trên mặt đất, nghĩa là người của họ thẳng góc với vách tường và song song với mặt đất. Có người đi hẳn lên trần nhà hai bàn chân bước từng bước chặt chẽ trên trần trong khi đầu hướng về mặt đất. Có những người leo lên lầu bước ra đường dây điện và đi trên dây điện như những người hát xiếc đi dây.

Lúc này Hành âm hoàn toàn điều khiển hành động của họ, và như đã nói, sức mạnh của Hành âm thuộc về thế giới tâm, có thể phá vỡ những quy luật vật lý thông thường.

5. NỘI CÔNG :

Hiện nay các báo chí thường đề cập đến Nội công (Inner Strength) của võ thuật Trung Hoa. Người luyện nội công không có một bề ngoài vạm vỡ nhưng ẩn chứa bên trong một sức mạnh phi thường.

Một ông lão họ Phù ở Huế có dáng người nhỏ nhắn, đi xem hội chợ của Pháp tổ chức; thấy người Tây đen thách mọi người đấm vào cân đo sức mạnh. Cái cân đo sức quả đấm là dụng cụ dành cho các võ sĩ Quyền Anh chuyên sử dụng quả đấm. Ông lão bỗng nổi máu anh hùng đến xin dự. Nhìn dáng người mảnh khảnh của ông, gã Tây đen cười hô hố, cho rằng ông không thể thắng nổi cánh tay vạm vỡ của gã. Nhưng đến khi bị ông lão vung quả đấm cái cân bị gãy vì quá tải trước đôi mắt kinh ngạc của gã Tây đen. Một lần ông lão biểu diễn cho

các cháu mình xem công phu "cách không đả ngư". Con trâu vừa đi ngang bên ngoài ông xĩa hai ngón tay về phía nó. Con trâu rống lên một tiếng đau đớn rồi vùng chạy ra xa, trong khi bên hông hai lỗ lũng rỉ máu. Người cháu của ông, được truyền thụ khí công, đưa cánh tay mềm mại ra và sáu bảy lực sĩ không bẻ quặt lại được.

Nếu chúng ta biết rõ phương pháp luyện nội công thì chúng ta sẽ không ngạc nhiên về hiệu quả kỳ lạ của nó.

Người luyện nội công phải có một sự an tĩnh cao độ của tâm hồn (điều kiện để phát huy sức mạnh của Vô thức). Tâm càng an tĩnh thì nội lực càng thâm hậu. Kế đó họ hít thở nín thở rồi dùng ý chí dồn lực về lòng bàn tay hoặc đầu ngón tay hoặc bất cứ chi phận nào. (Ý chí cũng là tính chất của Hành âm). Tập như vậy lâu ngày thì nội lực tích tụ tiềm tàng trong cơ thể. Khi cần sử dụng sức mạnh sẽ phát huy mãnh liệt. Và như thế, sức mạnh của nội công chính là tác dụng của Hành âm.

Người luyện nội công thâm hậu có thể

truyền nội lực của mình để chữa bệnh cho người khác. Thay vì dùng sức mạnh ở đầu ngón tay hay lòng bàn tay, họ dùng ý chí đưa luôn sức mạnh sang cơ thể người bệnh vào những huyết đạo cần thiết. Sức của bắp thịt thì không thể rời khỏi thân thể, nhưng sức của tinh thần thì không bị hạn chế, có thể rời khỏi thân thể để truyền qua thân thể khác.

Người luyện nội công lâu ngày (khổ luyện) có thể dùng ý chí làm cho người mình nhẹ bớt để nhảy cao hoặc chạy nhanh hơn người thường, mà người Trung Hoa gọi là thuật khinh công.

Tuy nhiên vì sử dụng ý chí nhiều quá, Bản ngã sẽ bốc khởi dữ dội. Người này dễ phát sinh tật nóng nảy và tự cao. Những bậc đại sư về nội công luôn luôn là những người siêng năng rèn luyện định lực, nhờ định lực để hóa giải bớt ngã chấp. Thế nên, đỉnh cao của nội công cũng chính là Đạo, con đường siêu thoát.

6. HIỆN TƯỢNG DZUNA :

Những năm gần đây báo chí cũng đưa tin về bà DZUNA, người Liên Xô, có đôi bàn tay kỳ diệu, có thể dò bệnh và chữa bệnh không cần đến phương tiện khác. Công cuộc đổi mới chính trị tại Liên Xô đã cho phép ngành Y tế của nước này sử dụng và nghiên cứu hiện tượng DZUNA một cách nghiêm túc. Rồi không riêng bà DZUNA, khắp nơi cũng nổi lên nhiều nhân vật khác cũng có đôi bàn tay kỳ diệu tương tự. Khác với người luyện nội công phải khổ công tu luyện mới có sức mạnh để chữa bệnh cho người khác, những nhà ngoại cảm này có khả năng bẩm sinh không cần luyện tập. Nếu luận theo luật nhân quả Nghiệp báo, có lẽ những nhà ngoại cảm như vậy đã từng tu tập ở nhiều đời trước và kết quả hiện ra ở đời này.

Những nhà ngoại cảm đều giống nhau một điểm là rất dễ nhiếp tâm vào định để khắc phục sự hoạt động của Tửờng âm . Vì không bị Tửờng âm làm ngăn ngại nên Hành âm phát huy năng lực phi thường vượt khỏi những qui luật vật lý . Chúng ta

nên để ý điểm này , khi mà Tửởng ấmm còn hoạt động làm trì trệ Hành ấmm thì những mệnh lệnh của Hành ấmm chỉ điều khiển cơ thể theo các qui luật vật lý thông thường . Khi Tửởng ấmm dừng hoạt động , phần Hành ấmm chìm sâu trong Vô thức sẽ trỗi dậy và phát huy năng lực rất đặc biệt mà chúng ta gọi là thần thông.

Sức mạnh tinh thần của DZUNA tập trung nhiều ở đôi bàn tay. Họ có thể truyền sức mạnh tinh thần sang vùng thân thể bị trực tiếp của người bệnh và điều kỳ diệu xuất hiện: cơn bệnh chấm dứt !

Những người có khả năng tinh thần đặc biệt như vậy có nghĩa là Tửởng ấmm thanh thản nên Hành ấmm mạnh hơn người thường.

Người Hành ấmm mạnh mà Tửởng ấmm yếu dễ sinh bệnh đồng cốt hoặc mộng du.

7. THÔI MIÊN

Nhà thôi miên nhìn vào đôi mắt của người bệnh. Người bệnh bỗng từ từ chìm vào giấc ngủ say sưa.

Từ thôi miên có nghĩa là đẩy vào giấc ngủ.

Nhưng khả năng của nhà thôi miên không chỉ có bấy nhiêu, họ còn có thể sai khiến người khác làm nhiều việc khác nữa.

Một nhà thôi miên "gửi" vào Ký ức bệnh nhân một mệnh lệnh là phải ra giữa sân cười to ba tiếng vào trưa hôm sau. Trưa hôm sau người bệnh ra trước sân cười to ba tiếng rồi trở vào, ngạc nhiên tại sao mình lại làm điều ngớ ngẩn như vậy.

Một nhà thôi miên khác muốn ân ái với một nữ bệnh nhân, đã gửi một mệnh lệnh vào Vô thức của cô rằng cô phải đến thăm ông ta vào tối ngày mai. Tối ngày mai, cô rời khỏi nhà để đi về phía nhà ông ta. Chợt một người bạn, trong ánh đèn đường, thấy cô đi như ngầy dại, đã chặn lại hỏi thăm. Nhờ người bạn kích động, Ý thức cô bừng tỉnh và cảm thấy hành động đi về phía nhà thôi miên lúc đêm tối như vậy là vô lý.

Nhà thôi miên từ lâu rèn luyện định lực, tâm không tán loạn vào những ý tưởng vẩn vơ, có được sức mạnh tinh thần lớn lao. Với sức mạnh tinh thần này (sức mạnh của Hành ám) ông ta có thể uy hiếp tinh thần

của người khác, buộc họ phải hành động theo ý muốn của ông.

Sức mạnh tinh thần của những nhà ngoại cảm tập trung ở lòng bàn tay, còn sức mạnh tinh thần của nhà thôi miên tập trung ở đôi mắt.

Ở một trình độ định lực cao hơn, các đạo sĩ Ấn Độ có thể "ra lệnh" cho người khác từ rất xa mà không cần nhìn vào mắt đối tượng.

Như đã nói, thế giới tâm của mỗi người phủ trùm, thâm thang khắp nơi. Nhà đạo sĩ nhiếp tâm vào định thật sâu, vượt khỏi Ý thức, nhập vào Vô thức, và khống chế tinh thần đối tượng cách xa cả ngàn cây số.

Người đệ tử bỗng sốt ruột khăn gói quày quả về gặp sư phụ mà không biết tại sao.

Riêng những nhà thôi miên, vì khởi mệnh lệnh quá nhiều (ý muốn của Hành ám) nên Bản ngã bốc khởi theo và kéo theo thêm những bản năng khác. Tờ báo Pháp luật số ra ngày 4/9/1990 phỏng theo tờ tin

"Nhidelia" (Liên Xô) đưa ra trường hợp một nhà thôi miên lợi dụng giấc ngủ của người bệnh để cưỡng hiếp.

Những phần sau chúng ta sẽ thấy rõ khi một người lạm dụng năng lực của Hành âm quá nhiều, Bản ngã sẽ bộc khởi với những bản năng thấp hèn của nó. Một nhà thuật sĩ có thần thông thường cũng là người nhiều nóng nảy và tham vọng. Có lẽ vì thấy được sự nguy hiểm này mà các thiền sư Trung Hoa cảnh giác đệ tử không nên đùa với thần thông. Riêng Phật và các vị ALaHán có thể sử dụng thần thông một cách tự tại vì cái Ngài đã hoàn toàn vượt khỏi Năm Ấm, ngã chấp đã sạch.

8. BÙA CHÚ

"Thưa thầy, cô và đệ tử của con bỏ nhau, mong thầy thương tình giúp đỡ".

Ông thầy gạt gù một lát rồi ra giá. Ông ghi tên họ của hai người đang bỏ nhau mà thân tộc muốn hàn gắn. Ông vẽ hai hình nhân, một nam một nữ, có kèm tên tuổi phía dưới. Ông thắp nhang đèn trước bàn thờ tổ, làm rằm khấn vái. Người ông như xuất thần quên hết ngoại cảnh, mắt ông nhắm nghiền,

tay ông bắt ấn, miệng ông thì thầm những câu thần chú. Mỗi ngày ông làm phép như vậy hai lần. Tuần sau, cô và dượng gặp nhau chung sống trở lại.

Một gia đình nọ có chuyện đi xa xin một lá bùa giữ nhà dán phía trong cánh cửa. Một đứa bé vô tình đùa giỡn đến đập vào cánh cửa, bỗng bị bệnh nặng, cha mẹ nó vô phương cứu chữa. Họ đem con đến ông thầy bùa khác. Ông xem qua và cho biết nó phạm phải bùa giữ nhà. Ông cũng dùng chú chữa và thằng bé khỏi bệnh.

Bùa chú là gì mà có năng lực ghê gớm như vậy ?

Thật ra tự lá bùa vẽ ngoằn ngoèo hay câu chú lâm râm không có một tác dụng gì cả. Ở đây tác dụng xuất phát từ tâm lực của ông thầy pháp. Những ông thầy pháp cũng phải trải qua một thời gian dài khổ luyện để tập trung tinh thần vào câu chú. Chính sự tập trung tinh thần của ông lâu ngày làm thành sức mạnh tâm linh, Hành âm mạnh lên. Khi ông chú tâm cầu nguyện cho đôi vợ chồng đừng giận nhau nữa, chính tâm ông

đã tự động vượt không gian tác động vào tâm của đôi vợ chồng kia. Đây cũng là một hình thức thôi miên từ xa. Tâm của đôi vợ chồng kia chịu sự tác động của tâm ông thầy và bị sai khiến, không thể giận nhau nữa, và trở nên thương nhớ nhau kỳ lạ, rồi tìm về với nhau.

Cũng vậy, lá bùa vẽ ngoằn ngoèo dán phía trong cánh cửa không có gì linh thiêng, không có ông thần nào đứng đó canh giữ. Chỉ là ông thầy vẽ lá bùa có tâm lực mạnh, chính sức mạnh từ Hành âm của ông vượt không gian làm thành một năng lực vô hình canh giữ nơi cửa. Tuy nhiên sau khi trao lá bùa, hằng đêm ông cũng phải tụng chú, dậm chân, bắt ấn, cầu "vị thần" mà ông hằng tin tưởng đến chỗ lá bùa để giữ nhà cho ông. Chính niềm tin mãnh liệt là có vị thần đầy uy lực đã khiến cho tâm ông tăng thêm sức mạnh bội phần. Mặc dù trên bề mặt Ý thức ông không thấy rõ tâm ông đã vượt không gian tự làm nhiệm vụ canh gác, nhưng Hành âm từ trong Vô thức đã theo ý muốn của ông để bí mật làm nên tất cả.

Tất cả những thầy pháp đều như vậy, trên bề mặt Ý thức họ không hề hay biết chính Hành ám của họ đã tạo nên sự linh thiêng cho lá bùa, họ cứ mãi tin rằng chính vị tổ thần của họ đã ra tay theo sự cầu xin của họ. Không ngờ, bí mật trong Vô thức, Hành ám đã vượt không gian làm nên mọi chuyện.

Câu chuyện trích từ "Góp nhặt cát đá" đã nói lên sức mạnh của niềm tin.

Định mệnh trong bàn tay.

Một đại chiến sĩ Nhật tên là Nobunaga quyết định tấn công phe địch mặc dù ông chỉ có một phần mười số người mà cuộc chiến đòi hỏi. Nobunaga biết mình sẽ thắng nhưng những người lính của ông nghi ngờ.

Trên đường chuyển quân, Nobunaga dừng lại nơi một đền thờ Thần đạo và bảo những người lính của mình :

"Sau khi tôi vào đền thờ, tôi sẽ dùng đồng tiền gieo quẻ. Nếu mặt có đầu ngựa lên, chúng ta sẽ thắng. Nếu mặt có đầu úp xuống, chúng ta sẽ bại. Chúng ta đi theo sự an bài của định mệnh".

Nobunaga vào đền thờ im lặng cầu nguyện. Rồi ông bước tới tung đồng tiền lên. Mặt đầu hiện ra. Lính ông hăng hái chiến đấu và họ thắng trận dễ dàng.

Sau trận chiến, một người hầu cận nói với Nobunaga :

"Không ai thay đổi được bàn tay của định mệnh".

Nobunaga đáp :

" Thật sự không phải thế".

Rồi ông đưa đồng tiền ra, hai mặt của đồng tiền đều có đầu.

Những ông thầy bùa đều tin tưởng mãnh liệt vào vị tổ thần của họ. Chính niềm tin này tăng thêm sức mạnh cho bùa chú.

Chúa Jesus bảo :

"Nếu các người đủ niềm tin, các người bảo ngọn núi này dời ra biển, nó sẽ lập tức dời ra biển".

Tuy nhiên có trường hợp như sau. Một phụ nữ cất nhà với cửa chính nhìn về một ngọn đồi đá. Bỗng nhiên bà tin rằng ngọn núi đó sẽ phải biến mất. Một thời gian sau vì nhu cầu lấy đá cho xây dựng các công trình lớn,

chính phủ ra lệnh phá ngọn núi đó.

Ở trường hợp này không phải niềm tin của bà làm cho ngọn núi biến mất, mà thực ra trực giác của bà bảo cho bà biết rằng ngọn núi đó sẽ bị phá hủy.

9. MA - PHI NHÂN - ATULA

Nhiều câu chuyện ma rùng rợn được lưu truyền từ đời này sang đời khác làm cho cái trần gian chật chội này đầy ắp những linh hồn vật vờ, lãnh đãng.

Trong Kinh Phật có nói đến hạng Ngạ quỷ, là loài cô hồn đói khát, vợ vẫn, không có một cảnh giới thanh bình như lâu đài của cõi Thần linh Atula hay cung điện lầu các của cõi trời. Loài Ngạ quỷ này sống lẫn trong thế giới loài người, chiếm lấy một hốc cây, một góc nhà...để ở đỡ. Có những loài Ngạ quỷ mang một hình thù (Sắc ấm) cực kỳ xấu xa, rùng rợn, như mắt lồi, cổ nhỏ, bụng ỏng, chân teo... Họ thường xuyên chịu đói khát vì không có gì để ăn. Phước họ rất ít vì lúc sống họ vừa hung dữ (sinh ra quả báo xấu xí) vừa bủn xỉn (sinh ra quả báo đói

khát). Thường thì loài Ngạ quỷ này không đủ uy lực để ảnh hưởng đến thế giới loài người. Các chùa hay cúng thí cho họ ăn, tụng kinh cho họ nghe để chuyển Tâm họ trước. Chùng nào giữa thế giới Ngạ quỷ đời kém đó mà họ khởi được Tâm từ bi với đồng loại thì họ chuyển sinh làm người, loài người vô cùng nghèo khổ và xấu xí. Một loại cô hồn khác là loại không đủ phước để làm Thần, làm Chư thiên, nhưng cũng không quá có tội như loài Ngạ quỷ trên, họ cũng chưa đủ duyên làm người, nên họ sống dật dờ lẫn với loài người, khi đói khi no. Hình dáng họ (Sắc âm) thường giống như lúc họ chết. Nếu tinh thần họ rất mạnh, họ có thể hiện hình cho người thấy, nếu mạnh vừa vừa, họ tiếp xúc với con người bằng giấc mộng. Nếu quá yếu, họ không có ảnh hưởng gì đáng kể. Thường những người bị chết tức tởi do tự tử, giết hại, hoặc đang còn ôm ấp những dự định quan trọng khi còn sống dễ trở thành những vong hồn mạnh vì sự ray rứt, thù hận trong lòng. Loại này là tác giả những câu chuyện ma

trên thế giới.

Phi nhơn là gì ?

Đó không phải là loài người nhưng có thể hiện thành hình dáng con người. Một số loài vật giống như siêu hình nhưng có tâm linh cực mạnh như rồng,... tuy không phải người nhưng uy lực hơn người bội lần. Thường thì loài vật có Tuởng âm yếu ớt vì chúng không có ngôn ngữ. Nếu Hành âm và Thức âm cũng yếu thì chúng là những con vật ngu si. Nhưng nếu Hành âm và Thức âm mạnh như cá heo thì chúng sẽ rất thông minh. Hoặ do sống lâu năm, Tuởng âm yếu dần nhưng Hành âm và Thức âm mạnh lên, chúng sẽ trở nên những linh vật chẳng hạn như rùa, rắn, cọp, voi...

Một số cây (thực vật có tâm linh) quá lâu năm, Tâm linh phát triển dần đến một lúc nó có Tâm thức giống như động vật. Các cây đó rất linh mà Kinh Phật hay gọi là Thần Cây. Ai đến phá cây này thường hay bị tai họa. Thậm chí có Thần cây hiện hình người như cây Chương trước Chùa Nam hoa đã hiện làm tăng đến ở chùa xin thọ giới với

Hư Vân hòa thượng (1942).

Chuyện về danh nho Chu Văn An còn thuật lại sự việc một con thuồng luồng đã hiện hình người xin làm học trò. Khi trời hạn hán Chu Văn An kêu gọi người học trò làm mưa cho dân chúng nhờ. Người học trò nể Thầy làm nên một cơn mưa lớn rồi sau đó chết hiện nguyên hình là con thuồng luồng ở trong đầm Cung Hoàng (thuộc huyện Thanh trì)

Nếu loài Phi Nhơn hung dữ hại người, ông bà ta gọi là yêu tinh.

Khi những loài Phi Nhơn này chuyển thân đầu thai làm người sẽ là những người có năng lực Tâm linh phi thường bẩm sinh mà ta gọi là những nhà ngoại cảm đầy khắp nơi trên thế giới.

Thần Atula

Những người lúc còn sống đã có một tinh thần mạnh mẽ, làm nên một sự nghiệp thiện ác lớn, nhưng dĩ nhiên là phần thiện phải nhiều hơn, khi chết vẫn còn cố chấp sự nghiệp của mình, thì sẽ trở thành những vị thần linh (Atula , Asura). Thường những vị

tướng soái đánh Đông dẹp Bắc, giết khá nhiều người, lập nên công trạng giúp dân giúp nước (chớ không phải cướp nước), khi sắp chết còn tự hào vì sự nghiệp của mình, thích được mọi người nhớ ơn, thì hay trở thành những vị thần trong cõi giới siêu hình. Chính cái tâm chấp công đã làm cho họ không đầu thai qua kiếp khác mà an trụ khá lâu trong thế giới siêu hình. Do có phước nên họ có chỗ ở đàng hoàng và thường cũng có những linh hồn khác theo giúp việc. Họ cũng có uy lực để tác động vào thế giới loài người, vì vậy nhiều người cầu xin chuyện này chuyện kia cũnG thỉnh thoảng có linh ứng. Đôi khi tức giận (họ nóng tính) họ cũng ra tay trừng phạt con người. Nhiều vị thần ở trong cõi giới siêu hình đã được cảm hóa và tu theo đạo Phật để tiến lên những vị trí tốt hơn. Họ cũng thích giúp đỡ con người để tạo thêm phước.

Thường thì lúc ngủ, khi ý thức chìm lắng, Vô thức dễ tiếp xúc với cõi tâm linh, nên những chúng sinh ở cõi vô hình thỉnh thoảng đến với con người trong giấc mộng.

Có một số giấc mộng mà con người được thần nhân mách bảo, như vị trang chủ dưới núi được một thần thổ địa báo trước thiên sư Nam Tuyền sẽ đến thăm để chuẩn bị đón rước. Hoặc như Hoàng hậu vợ vua Lương Võ Đế báo mộng đề nhờ Vua giúp làm lễ cầu siêu.

Giấc mộng có nhiều loại. Loại giấc mộng vẫn mơ do tâm mình hiện khởi không có gì đặc biệt khi thức dậy, giấc mộng này dễ bị quên. Loại giấc mộng báo điềm do Vô thức của mình tạo nên. Loại này khá rõ nét và gây ấn tượng khiến mình nhớ lâu. Loại giấc mộng tiếp xúc với người trong cõi siêu hình. Loại giấc mộng này rõ ràng gần giống như lúc thức, chỉ đến khi thức hẳn chúng ta mới biết đó là mộng, còn khi đang mộng, chúng ta cứ tưởng là thật vì nó quá cụ thể, quá tinh táo như thật vậy.

Nếu chúng ta quá chú trọng về cõi giới siêu hình coi chừng sẽ bị ảo ảnh lừa gạt. Có một dạng bệnh tâm thần kinh thể tâm thần phân liệt, vùng Hành âm nổi loạn, tạo thành những ảo ảnh về ma quỷ thần linh chiếu lên

bề mặt Tường âm khiến cho người bệnh cứ tưởng mình tiếp xúc được với thế giới siêu hình và cứ lải nhải nói chuyện một mình.

Chúng ta nên bắt chước ngài Văn Hỷ (820-899, còn hiệu là Giải Thoát) như sau :

Khi chưa ngộ đạo, Sư đến Ngũ Đài sơn gặp Bồ tát Văn Thù thị hiện làm một ông già chăn trâu tiếp Sư. Đến khi đã đi khỏi rồi Sư mới biết đó là Bồ tát Văn Thù. Sau này khi đã ngộ đạo với thiền sư Ngưỡng sơn, những lần đến phiên nấu cháo, Sư thường thấy Bồ tát Văn Thù hiện ra trên nồi cháo.

Sư lấy cây dầm quậy cháo đập và nói:

“Văn Thù kệ Văn Thù, Văn Hỷ kệ Văn Hỷ”

Bồ tát Văn Thù trước khi biến mất đọc lên bài kệ:

“Dưa đắng đắng tận gốc

Dưa ngọt ngọt tới ngọn

Đã tu ba đại kiếp

Lại bị tăng đánh đòn” (nghĩa là Bồ tát chấp nhận thái độ của Sư)

Thái độ của ngài Văn Hỷ nói lên lập trường của một người tu chân chính là chỉ một tâm thể vô tướng mới thật là chỗ nương tựa

chân thật, còn bất cứ cái gì hữu hình sẽ hữu hoại.

10. XUẤT HỒN

Một số người tu theo lối thiền xuất hồn của ông Lương Sĩ Hằng đã quả quyết rằng họ có thể ngồi thiền xuất hồn đi vân du các cõi. Một bà lớn tuổi, không tin những chuyện thần bí, thích tập dưỡng sinh Yoga theo phong trào dưỡng sinh của bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng. Một lần ngồi điều hòa hơi thở và giữ tâm thanh tịnh, bà chợt thấy mình xuất hồn bay đi rất xa. Bà bay về quê nhà, thấy tấm phản đã được đem vào trong thay vì kê ở trước sân như ngày xưa. Khi tỉnh dậy bà ngỡ vực không biết có phải bà đã xuất hồn đi hay không. Bà tìm đến người anh trong Chợ Lớn hỏi về tấm phản. Người anh xác nhận là trong lần về quê vừa rồi, ông đã cho mang tấm phản vào trong nhà. Còn những người khác đạt trình độ cao hơn, có thể xuất hồn lên các cõi trời gặp các vị Thiên Tử, các vị Bồ Tát, và gặp cả Phật Di Lặc ở nội viện Đâu Xuất thiên.

Tưởng âm là mấu chốt ràng buộc sự sống Tâm linh và sự sống vật chất (linh hồn và thể xác). Khi Tưởng âm dừng lắng, người ta có thể tách rời hai cấu thể đó. Thể xác ở lại, không chết hẳn, im lặng như đang chìm trong giấc ngủ, được hệ thống thần kinh thực vật tự động duy trì sự sống tiềm sinh. Bản ngã thuộc về Tâm linh, tinh thần, nên theo linh hồn ra đi, vì vậy lúc đó chúng ta sẽ thấy mình là linh hồn, ở nơi linh hồn. Và đây là một Sắc âm thứ hai, một Sắc âm siêu hình của con người. Chúng ta sẽ thấy rằng trong mỗi Am, Am nào cũng có phần dễ thấy ở ngoài Ý thức và phần khó thấy chìm trong Vô thức, thuộc về thế giới tâm linh vi diệu. Chỉ có Tưởng âm là chốt chặn trung gian.

Linh hồn xuất ra cũng giống như vong hồn người chết, sẽ tiếp xúc với cõi giới siêu hình, cao thấp, tùy theo phước của mình. Chỉ khác là thọ mạng còn nên thân xác còn hoạt động để chờ linh hồn quay lại. Việc xuất hồn vân du như vậy hấp dẫn nhiều người. Đạo Phật gọi trạng thái đó là

Du hí Tam muội. Tuy nhiên, đó chỉ là một chút diệu dụng ở đầu đường. Nếu chúng ta đắm chìm vào đó, phần Hành ấm và Thức ấm sẽ tiếp tục hoạt động khiến chúng ta không thể vào định sâu để hoàn toàn giải thoát.

Hơn nữa, một trạng thái du hí tam muội thật sự với một ảo ảnh xuất hồn vân du cũng rất dễ bị làm. Nhiều người do quá ước mơ xuất hồn lên trời nhưng chưa đủ sức định để xuất, đã hằng đêm nằm (hay ngồi) thấy mình lên trời để tiếp xúc với Chư Thiên. Đó là loại ảo ảnh cực kỳ nguy hiểm, dễ đưa đến bệnh Tâm thần.

Có lần tôi gặp một ông Cư sĩ kể rằng đêm nào ông cũng lên trời, và ở trên đó ông được giao chức Chánh án. Nếu không dè dặt cẩn thận, chúng ta sẽ trở nên ngây ngô như trẻ con.

11. TIẾNG NÓI BÊN TAI

Nhiều người tu thiền, hoặc có người không tu thiền, thường nghe bên tai vang lên tiếng nói. Có khi tiếng nói đó báo trước việc xảy

ra, có khi tiếng nói đó ra lệnh cho người này phải làm một số công việc.

Tôi có lần gặp một vị sư tu thiền. Vì không có thầy hướng dẫn và vì thích những ảo cảnh hiện ra trong cơn thiền định, cuối cùng vị sư ấy rơi vào tình trạng bất thường, không làm chủ được mình và phải tuân theo mệnh lệnh của giọng nói lạ vang bên tai. Vài năm sau vị sư ấy qua đời.

Có người nghe thấy tiếng của Phật giảng dạy giáo lý. Có người nghe tiếng lảm nhảm mãi phát bực cả mình và không làm sao cho im được.

Hoàn toàn không có một khách thể nào bám theo mình để nói chuyện. Đây chính là sản phẩm của Hành ám. Trường hợp này gần giống như hiện tượng đồng cốt, Hành ám dựng lên một cái ngã mới. Ở đây Hành ám dựng lên một người khách lạ, không che lấp Ý thức của mình, nhưng cứ bám theo Ý thức của mình để lảm nhảm mãi. Đây cũng là một dạng bệnh tâm thần kinh.

Muốn chữa bệnh này, phải dứt bỏ thành kiến nào giờ cho rằng có hồn ai bám theo

mình, biết rằng Vô thức của mình bị trục trặc, và phải tự kỷ ám thị, ra lệnh cho Vô thức đừng nói nữa. Cứ tự nhủ:
" Tiếng nói này từ Vô thức lưu xuất
Vô thức hãy im lặng, Vô thức hãy im lặng".
Thường tự nhủ như vậy lâu ngày, tiếng nói sẽ tắt dần.

12. NGỦ LÀ GÌ

Theo các bác sĩ tâm thần kinh, ngủ là quá trình ức chế được lan tỏa khắp vỏ não.
Nói theo Năm Âm, ngủ là sự chìm lắng nghỉ ngơi của Ý thức (nghĩa là cả ba âm Sắc, Thọ và Tưởng). Vì Ý thức chìm lắng nên các giác quan cũng tạm dừng hoạt động, mắt không còn thấy, tai không còn nghe.
(Các thần kinh giác quan thuộc về Ý thức Conscious). Tuy nhiên, Ý thức chìm lắng không sâu nên rất dễ bị đánh thức khi có tiếng động mạnh, bị lay người.
Người có giấc ngủ tốt thì không bị chiêm bao. Tưởng âm chìm lắng hẳn. Vô thức cũng không quậy phá bằng cách dựng nên những giấc mơ. Qua một giấc ngủ như vậy,

cơ thể được cải thiện rất nhiều.

Giấc ngủ không sâu nghĩa là Tưởng ẩm còn quậy quọ hiện ra giấc mơ này nọ. Cơ thể cũng được cải thiện phần nào tuy không bằng giấc ngủ không chiêm bao.

Người xưa ít bị bệnh mất ngủ hơn người nay bởi vì người xưa ít có tiếp nhận một lượng thông tin lớn lao như người nay. Báo chí, sách vở, Radio, truyền hình, phim ảnh... dồn dập mỗi ngày. Khi tiếp nhận thông tin, não phải hoạt động căng thẳng. Sự căng thẳng lâu ngày làm cho Ý thức khó chìm lắng để đi vào giấc ngủ.

Rồi công việc thời đại hôm nay cũng phức tạp hơn ngày xưa với vô số kỹ thuật, lý thuyết cao cấp. Giải quyết công việc phức tạp cũng là một yếu tố làm cho não bộ căng thẳng.

Một số bệnh thần kinh như Basedow, suy nhược, tâm thần phân liệt, hoang tưởng... cũng làm cho Ý thức khó chìm lắng để đi vào giấc ngủ.

Hơn bao giờ hết, chúng ta đang chứng kiến chính nền văn minh của con người đang

hủy diệt con người. Khí Fréon từ máy lạnh phá vỡ tầng Ozone, khí thải từ động cơ nổ làm ô nhiễm môi trường, sự phá rừng bừa bãi, chất thải công nghiệp... đang đe dọa sinh thái địa cầu. Cũng vậy, đời sống văn minh với lý thuyết phức tạp, thông tin dồn dập cũng phá vỡ giấc ngủ thần tiên của con người.

Có lẽ con người phải quay về với thiên định để tìm lại sự bình an cho mình. Thiên định làm cho não bộ êm dịu, Ý thức dễ chìm lắng vào giấc ngủ. Còn những viên thuốc an thần để lại nhiều tai hại về sau.

13. PHƯỚC , TRỰC GIÁC VÀ UY LỰC

Có những doanh nhân đánh giá được tình hình diễn biến của thị trường và mạo hiểm đầu tư một doanh vụ lớn. Rồi họ thành công để trở thành triệu phú.

Những doanh nhân này còn có thể có trực giác đoán được công việc của đối thủ cạnh tranh, đoán được tâm tình của nhân viên bên dưới, đoán được khả năng đặc biệt của người cộng sự cần được khai thác... Chính

cái trực giác biết vượt hơn người thường này đưa đến sự thành công vẻ vang cho họ. Các nhà chính trị cũng vậy. Họ có trực giác rất mạnh đoán được ý nghĩ của người đối diện, đoán được mưu tính của đối phương từ xa, và sẵn sàng đối phó.

Cái gì sinh ra trực giác ?

Chính phước đã làm thành trực giác.

Thật vậy, do những thiện nghiệp trong quá khứ nên quả báo đời này dành cho họ là sự thành công trên doanh trường hoặc chính trường. Ở đây, trực giác đóng vai trò một cái DUYÊN trung gian để thúc đẩy họ đi đến thành công.

Đang lúc hưng thời, họ rất sáng suốt, đoán gì đúng nấy, vạch ra kế hoạch luôn luôn thành công. Đôi khi lúc nhỏ họ học hành rất dễ. Đến khi phước hiện ra, họ trở nên khôn ngoan lạ lùng, biết tính toán đủ chuyện làm ăn, và tính đâu trúng đó.

Nếu phước không bền, vận tốt đã qua, cũng cái đầu đó mà trực giác biến mất, Ý thức họ không phán đoán nổi tình thế phải đương đầu và rồi họ phải chịu sự lụn bại dần dần.

Thế nên, người hiểu đạo thì không tự cao bởi cái khôn ngoan của mình vì họ biết rằng sự khôn ngoan là kết quả của thiện nghiệp quá khứ. Dù đang thành công, họ vẫn cẩn thận tránh điều ác, làm điều thiện để giữ gìn phước nghiệp bền bỉ.

Có một số người được phước tạo thành uy lực. Uy lực là một loại năng lực tâm linh vô hình, không thể nhìn thấy, nhưng sức tác dụng rất cụ thể. Đứng trước một người có uy lực, tự nhiên chúng ta bị buộc phải vâng lời không cưỡng lại nổi, dù người đó không cố gắng ép buộc. Các lãnh tụ quân sự, chính trị thường có uy lực khiến cho quần chúng bị cuốn hút theo. Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ của Việt Nam là một tiêu biểu rõ nét cho loại uy lực này. Uy lực của ông thuộc loại siêu đẳng khủng khiếp nhất nhì trong lịch sử. Nó không chỉ tác động trực tiếp vào những người chung quanh mà còn lan mạnh vào quần chúng khắp nơi. Khi ông đã hướng tâm dồn vào việc nào, nó biến thành một sức mạnh thúc đẩy trong tâm mọi người phải quyết tâm theo. Những

người chỉ huy ít uy lực thường phải dùng nhiều phương pháp vừa thuyết phục, vừa đe dọa mới khiến cho người khác vâng lời. Đôi khi bên ngoài họ vâng lời mà bên trong họ phản kháng. Còn uy lực của vua Quang Trung mạnh mẽ như thổi miên khắp cả mọi người. Quyết tâm của ông trở thành quyết tâm của mọi người, do đó tạo thành sức mạnh bão tố quét sạch quân thù ra khỏi bờ cõi.

Cái phước gì tạo thành uy lực ?

Chúng ta biết mỗi loại phước tạo thành một loại sức mạnh tinh thần khác nhau. Có loại phước tạo thành sự thông minh uyên bác như Mạc Đĩnh Chi, Lê Quý Đôn; Có loại phước tạo thành trực giác thần thông như Nguyễn Bình Khiêm, Nostra Damus, Jean Dixon. Có loại phước tạo thành sự cuốn hút lòng thương kính của mọi người như Đức Phật, Chúa Jesus, Gandhi. Còn cái phước tạo thành uy lực thì khiến mọi người phải vâng lời.

Thường thì cái nhân kính trọng các loại Thánh và ban ân cho mọi người rộng rãi và

sẽ tạo thành uy lực về sau. Do lòng tôn kính bậc Thánh nên đời sau được mọi người kính trọng. Sự ban ân rộng rãi khiến mọi người vâng lời.

Nếu chỉ ban ân, đời sau người đó sẽ được may mắn đưa lên địa vị chỉ huy và cũng khiến nhiều người phải tuân phục, nhưng chỉ là sự tuân phục theo cơ chế tổ chức luật lệ. Còn có thêm lòng tôn kính bậc Thánh trong quá khứ, nó mới xuất hiện thêm cái sức thôi miên của uy lực để khiến mọi người phải nghe theo mình trong tận đáy lòng.

Nhưng nếu đã có uy lực - Là một dạng năng lực tâm linh - thì nó cũng hay kéo theo một số năng lực khác như trực giác phán đoán, sự thông minh trí tuệ... Vua Quang Trung cũng vậy, bên cạnh cái uy lực trùm phủ trời đất đó, ông còn có cái trí phán đoán sáng suốt phi thường. Ông nắm rõ mọi vấn đề của chiến trận chưa xảy ra như nắm rõ một trái xoài trên bàn tay. Trận đánh quân Xiêm ở Rạch Gầm, Xoài Mút lớn như vậy mà chưa khó bằng trận đánh 29 vạn quân

Thanh ở phía Bắc. Kế hoạch ông vạch ra hoàn toàn đúng như diễn tiến. Hai mươi vạn quân Thanh được chuẩn bị rất kỹ nhưng chỉ một cuộc tấn công vài ngày là tan tành như tro bụi. Trong lịch sử nước ta, và có thể cả thế giới, không có một chiến công nào huy hoàng như vậy. Tiếc rằng, dân ta ít phước không được hưởng sự lãnh đạo của một lãnh tụ phi thường như thế. Vua Quang Trung qua đời vội vã!

Còn các bậc Thánh như Đức Phật, Chúa Jesus, Thánh Gandhi... thì do tâm từ bi nhiều kiếp nên cảm thành cái phước được chúng sinh thương kính tự nhiên.

Phong cách thân yêu gần gũi của lãnh tụ Hồ Chí Minh cộng với đời sống vô cùng giản dị của ông cũng khiến mọi người quý mến. Ít có lãnh tụ nào ở ngôi cao nhất nước mà sống đơn sơ như một ẩn sĩ tu hành như thế.

14. MA TÚY

Người sử dụng ma túy như cần sa, thuốc

phiện và các phé phẩm từ thuốc phiện như Heroine, ice, crack... có được một khoái cảm mạnh mẽ. Những chất này xâm nhập vào cơ thể, vào hệ thống thần kinh và tác động mạnh lên thần kinh cảm giác (Thọ ẩm), tác động lên não bộ (Tưởng, Hành và Thức ẩm). Trong cơn say thuốc, Tưởng ẩm họ hiện ra đủ mọi điều lạc thú theo sự mong muốn. Họ sẽ cỡi mây bay cao trên vòm trời muôn màu sắc. Các tiên nữ đẹp đẽ đón chào và múa hát cho họ xem. Những cảnh tượng đó hiện ra đồng thời với những cảm giác mê mê từ Thọ ẩm bốc khởi ào ạt.

Để tìm kiếm những khoái lạc này, họ phải làm tất cả chuyện tội lỗi để có tiền mua thuốc.

Nhưng luật công bình luôn luôn đúng. Những lạc thú sẽ đi đôi với sự suy tàn của cơ thể. Trong khi Thọ ẩm và Tưởng ẩm hưởng thụ thì Sắc ẩm bị đục phá dần dần, xương mục, mạch máu dòn, thịt bủn, các khớp có thể rụng... trí nhớ kém, thiếu bình tĩnh.

Mặc dù Tởng, Hành và Thức ảm có tự tạo ra một trường không gian riêng biệt nhưng gốc của chúng vẫn nằm ở não bộ. Thuốc phiện vẫn xâm nhập não bộ để kích thích nội tâm con người.

15. KINH HUYỆT

Tây Y vẫn còn ngạc nhiên về lối chữa bệnh bằng cách châm cứu của người Trung Hoa. Những cây kim nhỏ cắm vào các huyết trên cơ thể có thể chữa lành rất nhiều bệnh tật.

Khi giải phẫu, các bác sĩ không tìm thấy huyết đạo ở đâu. Nó không phải mạch máu, không phải thần kinh. Nó có tác dụng đối với cơ thể, nhưng vô hình !

Các bác sĩ Pháp tiêm thuốc màu vào các vùng huyết và thấy thuốc bị biến hình. Nếu thuốc không tiêm đúng huyết sẽ không bị biến hình. Nhờ phương pháp này lần đầu tiên họ chụp được vị trí các huyết. Nhưng kinh huyết là gì thì vẫn không có lời định nghĩa xác đáng.

Như chúng ta đã biết, Tởng, Hành và Thức ảm phát ra một trường không gian vô

hình tròn phủ cả địa cầu. Còn riêng đối với Sắc ấm (thân thể) tâm chúng ta cũng khéo léo sắp đặt một hệ thống đường tín hiệu vô hình.

Não bộ là hình ảnh vật chất của tâm thì kinh huyết là hình ảnh tinh thần của thân.

Bắp thịt, mạch máu, gân, xương... là cấu trúc hữu hình của thân. Kinh huyết sẽ là cấu trúc vô hình của thân.

Não bộ là cấu trúc hữu hình của tâm và Trường không gian sinh học sẽ là cấu trúc vô hình của tâm.

Các chất liệu để cấu tạo nên Kinh huyết cũng là chất liệu để cấu tạo nên Trường không gian của tâm.

Đối với khoảng không gian bên ngoài, tâm tạo ra vùng không gian tỏa rộng. Đối với thân thể tâm tạo ra các kênh tín hiệu.

Thân chịu ảnh hưởng bởi mạch máu, hệ thần kinh, và cũng chịu ảnh hưởng của các kênh tín hiệu (kinh huyết) này. Nếu có sự bế tắc huyết đạo, thân thể sẽ bị bệnh. Châm cứu chính là phương pháp khai thông huyết đạo giúp cho cơ thể trở lại bình thường.

Dù sao chúng ta cũng cảm phục các vị Y tổ Trung Hoa đã phát hiện ra hệ thống huyết đạo kỳ lạ này.

Trong cái cấu trúc siêu hình của thân này, có những luồng khí lực chạy lên chạy xuống theo những quy luật nhất định . Một quy luật quan trọng cho sự vận động vô hình đó là luật Âm Dương. Theo luật Âm Dương này, gốc của khí lực nằm ở phía dưới bụng và theo đường xương sống. Chính vì khám phá điều này mà người Trung Hoa Ấn Độ, Tây Tạng lập thành môn khí công, Yoga nổi tiếng thế giới. Họ không chú trọng tập luyện cơ bắp như Tây phương. Họ chú trọng việc dùng tâm để củng cố cái gốc sức mạnh ở dưới bụng (Đan Điền), ở xương sống để tạo thành một kinh lực mới, khác hơn lực cơ bắp, và dữ dội hơn lực cơ bắp. Nhan nhân khắp Trung Hoa ngày nay, người ta thấy rất nhiều người luyện thành công môn khí công này với những năng lực đặc biệt như khinh thân, công phá, chữa bệnh... Còn những Lạt Ma Tây tạng thì được đánh giá cao hơn nữa .

Theo luật Âm Dương này thì những gì khuất phía dưới, núp phía sau, tiềm ẩn vô hình mới là cái gốc phát sinh ra những cái bề mặt. Người Đông Phương khám phá luật này nên có phong cách sống trầm lặng sâu sắc hơn người Tây Phương (xem Triết lý về Âm Dương, Chơn Quang)

16. BỆNH TÂM THẦN KINH

Bàn về các hội chứng tâm thần kinh là công trình nghiên

cứu sâu dày của chuyên ngành Y khoa. Ở đây chúng ta đứng trên lập trường Năm Âm để nói khái quát.

Vì thân và tâm là một hợp thể duy nhất nên chúng ảnh hưởng hỗ tương với nhau. Một số bệnh của thân như: thận, gan, bao tử... cũng làm thay đổi tâm tính của người bệnh. Nặng hơn là các bệnh thần kinh gần não bộ như Basedon, bệnh lý ở cột sống cổ, suy nhược thần kinh... làm biến đổi tâm tính rõ rệt. Bệnh của Sắc ấm làm mất bình thường các ấm còn lại.

Bệnh lãnh cảm hay bệnh cuồng dâm là

bệnh của Thọ âm, khi đó người bệnh hoặc đứng dưng trong việc giao cấu hoặc đam mê dữ dội.

Còn chứng bệnh tâm thần có thể chia làm 3 loại :

- Tưởng âm bệnh: Trường hợp này người bệnh luôn luôn bị những ảo ảnh hiện ra trong tâm, tiếng nói vang bên tai. Họ đứng ngồi lảm nhảm nói chuyện với ai mà người chung quanh không trông thấy. Tính tình họ vẫn bình thường, gặp chuyện vẫn phán đoán rành rẽ, nhưng họ thường xuyên quay lại sống với những cảnh vật do Tưởng âm tạo ra. Đây là bệnh hoang tưởng. Họ tiếp xúc với một thế giới khác, với những người khác trong trí tưởng.

- Hành âm bệnh: Vì Hành âm là gốc của Bản ngã nên khi Hành âm bị rối loạn, người này hay mất hết nhân cách có thái độ hoặc khờ khạo ngây ngô hoặc hung dữ cuồng bạo. Họ không còn biết phán đoán phải trái gì nữa. Bệnh này rất khó chữa. Người thân phải tạo phước rất lớn để hồi hướng cho họ thì họ mới có thể thuyên giảm phần nào

trong đời này.

Cũng có trường hợp vì bị một cú sốc quá nặng về hoàn cảnh như tiêu tan sự nghiệp, thất tình, bị cưỡng bức... Người này rơi vào tâm trạng tuyệt vọng đau khổ

Thọ âm bị kích động xấu đưa đến Tình cảm bị rối loạn, căng thẳng (Thọ âm luôn luôn tác động lên Tình cảm). Tình cảm ở gần Hành âm nên kéo luôn Hành âm vào sự quay cuồng náo nhiệt. Sự đau khổ quá mức làm cho tâm trí hỗn loạn và họ bị điên. Như vậy, Thọ âm bị kích động xấu cũng phá vỡ thăng bằng của Hành âm.

Cũng có trường hợp do chấn thương sọ não, cấu trúc của não bị lệch lạc biến đổi, Hành âm bị tổn thương và người này cũng bị điên, mất nhân cách bình thường trước đó.

– Ký ức bệnh: Hiện nay Y học vừa lên tiếng báo động về bệnh Alzheimer một bệnh mà người bệnh mất trí nhớ hoàn toàn. Họ không mất nhân cách, nhưng dần dần không còn nhớ gì nữa. Họ không còn nhớ người vợ bên cạnh là ai, họ quên cách tra

chìa khóa mở tử, quên phải ăn như thế nào. Người ta gọi những người bệnh Alzheimer như vậy, dù còn sống, nhưng không tồn tại giữa cuộc đời. Đây là bệnh của Ký ức.

Có thuyết cho một loại virus là nguyên nhân gây bệnh. Nhưng vấn đề còn đang nghiên cứu.

– Thức ám bệnh :những người có Thức ám tốt là những người nhận hiểu vấn đề nhanh chóng, những người Thức ám kém là người chậm hiểu. Còn khi Thức ám bệnh thì mất trí phán đoán. Nghe ai nói điều gì cũng không biết, phán xét chuyện gì cũng lệch lạc.

– Cái Chú Ý bệnh: có một loại bệnh của ý-niệm-chủ-tể điều khiển cái Chú Ý. Cái ý niệm chủ thể này luôn luôn đưa cái Chú Ý đến những đối tượng không cần thiết. Ví dụ một người đang đọc sách, đang nghe giảng nhưng cái Chú Ý lại bị đưa vào những vọng tưởng khiến cho người ấy bị xao lãng không tập trung, dù muốn tập trung vẫn không thành công. Họ đau khổ vì sự xao lãng của mình. Ngoại cảnh rất dễ kéo tâm họ theo

đó. Một âm thanh, một hình ảnh bên ngoài vừa xuất hiện là cái CHÚ Ý chạy theo bám chặt.

Với người này cái Chú Ý bị đẩy ra bên ngoài, không lui lại với Ý thức nội tại được. Họ trở nên khó ngủ, dễ gắt gỏng, gầy ốm. Bây giờ bác sĩ gọi họ là suy nhược thần kinh (depression). Ở Mỹ, người ta có nghiên cứu chế tạo thuốc prozac để chữa bệnh này. Công dụng của thuốc là ức chế sự trao đổi ion giữa các tế bào não khiến cho não không hoạt động căng thẳng nữa, làm người bệnh lắng dịu, dễ tập trung hơn. Tuy nhiên những tác dụng phụ của thuốc làm cho giới y học nghi ngại.

17. NHỚ TIỀN KIẾP.

Một số người rải rác khắp nơi trên thế giới đã nhớ lại tiền kiếp của mình. Có khi họ nhớ rất rõ một đoạn đời dài, có khi họ chỉ nhớ loáng thoáng một đoạn ngắn. Các nhà nghiên cứu như bác sĩ Ian Stevenson, tiến sĩ RayMond... đã tìm hiểu một cách nghiêm túc với những phương pháp kiểm tra đối

chiếu cần thận. Kết luận của những nhà nghiên cứu đó là chuyện nhớ lại tiền kiếp là có thật, không phải bịa đặt, không phải tưởng tượng. Và như vậy, luân hồi tái sinh là điều có thật (xem Những bí ẩn của cuộc đời, Những chuyện luân hồi hiện đại, tác giả Tâm Quang).

Nếu có một Ký ức đem theo để nhớ tiền kiếp thì tỉ lệ người nhớ lại tiền kiếp sẽ chiếm đa số trên thế giới. Còn không có Ký ức đem theo thì cái gì đã nhớ lại?

Cái năng lực tâm linh để nhớ lại tiền kiếp cũng là một loại năng lực đặc biệt do duyên nghiệp tạo thành giống như là Trực Giác, Uy Lực. Sức cuốn hút mà chúng ta đã bàn ở phần trước. Một cái nhân nào đó đã tạo thành khả năng nhớ lại tiền kiếp này. Trong một kiếp xa xưa, họ có tin vào tái sinh, họ có mơ ước nhớ lại tiền kiếp, có ca ngợi ai đó nhớ được tiền kiếp rồi qua kiếp mới gần đây họ chết khi mà mọi việc chưa sáng tỏ, còn nhiều điều uẩn khúc. Tâm họ còn bị tức tối hờn giận, ray rứt. Cái Tình cảm âm ỉ này cộng với cái nhân đã gieo lâu xa trước kia

khiến cho kiếp này họ nhớ được một vài đoạn trong tiền kiếp. Đó là chuyện của người bình thường.

Còn những vị đắc định sâu thẳm có thể nhớ lại tiền kiếp là do năng lực của Thức ám phát huy mạnh mẽ trong định. Khi bị Tướng ám làm ngăn ngại, Thức ám trở nên tầm thường. Khi Tướng ám đã yên lặng, một phần lớn của Hành Ấm trong Vô thức cũng lắng dịu, lúc đó Thức ám sẽ trở nên vô cùng siêu việt, có thể biết chuyện quá khứ, vị lai, có thể biết được ý nghĩ của người khác, có thể nhớ lại một vài kiếp gần. Nhưng khả năng này chưa phải là Túc Mạng Minh như các vị la hán đã thể nhập tuyệt đối. Túc mạng minh là diệu dụng của thể tánh tuyệt đối nhớ đến vô lượng kiếp quá khứ, chẳng những của mình mà còn của bất cứ chúng sinh nào khác.

Có một số người không nhớ tiền kiếp trong đời sống bình thường mà thỉnh thoảng thấy được một ít đoạn tiền kiếp xa xưa trong giấc mộng. Một vài sự kiện đặc biệt trong đời sống đã kích động Thức ám tìm thấy nhân

duyên liên quan từ xa xưa. Một người đệ tử thấy mình là người cháu ruột của sư phụ trong kiếp xưa và cùng theo chú đi đánh trận rồi đi tu .

Một người bạn Thiên Chúa giáo của tôi thấy mình chính là thánh Thomas tông đồ của chúa Jesus từ xưa. Tân ước không chép được cái chết của thánh Thomas vì ngài bỏ đi khỏi Do thái, nhưng anh bạn này biết rõ vì đó là anh. Nhiều kiếp sinh qua đông phương, anh được gặp đạo Phật và có duyên với đạo Phật từ đó.

Phần IV

NĂM ẤM VỚI QUÁ TRÌNH TU TẬP

1. BỀ MẶT NGÃ CHẤP

Ý thức của con người thường trải rộng ra ba ấm đầu - Sắc, Thọ và Tưởng. Ý thức này chính là bề mặt của Bản ngã.

Con người luôn luôn chấp thân này là chính mình, chấp cảm giác khổ vui là của mình, chấp ý nghĩ là chính mình.

Những kẻ phàm phu tục tử cái chấp thiên về thân. Họ thích chưng diện hào nhoáng bên ngoài; họ chú trọng đến những cảm giác khoái lạc hạ tiện như ăn nhậu, chơi bời, hút sách. Ai khen chê họ đẹp xấu, mập ốm là họ đổi thái độ lập tức.

Những hạng nghệ sĩ cái chấp thiên nhiều về cảm xúc nghệ thuật. Họ đi tìm lạc thú qua phong cảnh thiên nhiên, qua giai điệu lời thơ khúc nhạc, qua những sáng tác xuất thần... Họ cũng thích tư duy trừu tượng.

Những nhà tư tưởng (triết gia, khoa học...) cái chấp thiên về ý nghĩ. Họ ít chú trọng về thân, về cảm xúc. Họ có sức điềm tĩnh lớn lao và xem trọng tư duy.

Vì khuynh hướng của ba hạng người này khác nhau nên chỗ thiên về mỗi ấm khác nhau. Tuy nhiên, Ý thức Bản ngã vẫn trải rộng ra cả ba ấm.

Có nhiều người học Phật thường xuyên tư duy về lý Bát Nhã. Họ cho rằng thân tâm

đều là huyền hóa, không thật, như trong chiêm bao, như trong ảo ảnh. Nói theo tinh thần Trung Quán Luận của Ngài Long Thọ, họ thấy rằng thân tâm này là sự kết hợp của nhiều yếu tố nên không có thực thể, không có một cái ngã chủ thể. Nhờ thường xuyên tự nhủ như vậy nên họ gột bỏ nhiều ngã chấp nằm trong Ký ức. Do kiến chấp mỏng nhẹ nên họ dễ dàng đạt được chánh niệm tỉnh giác.

Tuy nhiên, ở đây chúng ta cần phân biệt hai trạng thái khác nhau.

Một, những kiến chấp nằm trong Thức âm vui nhẹ. Trạng thái này chưa có gì đặc biệt vì Hành giả chưa vượt qua được ám nào cả.

Hai, vượt hẳn Thức âm sau khi đã vượt qua bốn ám trước xong rồi. Đây chính là giải thoát chân thật. Nhưng để đạt đến giai đoạn này cần phải đi qua quá trình tu tập chánh định sâu thẳm.

Nhiều người nông nổi, mới hiểu qua loa về tư tưởng Bát Nhã đã vội cho mình chứng đạo. Đụng chuyện gì cũng đem lý Bát Nhã

ra bài bác thiên hạ. Đây là sự hiểu lầm lớn, là bệnh hoạn của những người học Phật thiếu chín chắn. Ký ức ít chấp đầu có nghĩa là đã vượt qua Thức ám. Dù cho Ký ức ít chấp mà Hành ám còn nguyên thì bản năng của Bản ngã vẫn chưa hết. Người học Phật cần dè dặt điểm này.

Chúng ta cũng nói qua về trạng thái ĐỐN NGỘ của một số hành giả tu thiền.

Có nhiều người, cả tu sĩ lẫn cư sĩ, sau một thời gian dụng công tu tập, chợt xuất hiện trạng thái tỉnh giác thanh tịnh nơi tâm. Trạng thái này đến rất bất ngờ. Khi họ đang nhiếp tâm trong đời sống, bỗng nghe tiếng chuông, liền ngộ đạo, có khi nhờ một câu nói của ai, liền ngộ đạo, có khi đang ngồi thiền, tông Trung Hoa. Tông phái này chủ trương rằng phải đốn ngộ rồi mới tiệm tu (chợt giác ngộ rồi sẽ tu lâu dài thêm).

Đọc qua các sử các Thiền sư Trung Hoa, chúng ta thấy rằng, thông thường trước khi đạt được trạng thái ngộ bất ngờ, họ phải có một thời gian dụng công từ lâu. Hoặc họ tu quán Bát Nhã; hoặc họ tu định theo hơi thở;

hoặc họ được gợi ý về một cái thắc mắc trong giáo nghĩa, chính cái thắc mắc này cột tâm họ vào định.

Sau một thời gian dụng công đắc lực, tâm được yên tĩnh. Một hôm nhân duyên đầy đủ, họ bừng ngộ.

Trước khi ngộ họ cũng đã có sự thanh tịnh rồi. Sau khi ngộ họ cũng được sự thanh tịnh. Nhưng hai cái thanh tịnh đó có chỗ sai khác. Trước khi ngộ, tâm họ trụ vào đề mục để thanh tịnh. Họ phải để ý vào hơi thở, hoặc họ phải giữ lý Bát Nhã, hoặc họ phải chú ý vào công án chưa hiểu. Nhờ trụ vào đề mục nên Tâm được thanh tịnh. Nếu không giữ đề mục, tâm sẽ mất thanh tịnh. Còn sau khi ngộ, họ không cần phải trụ tâm vào đề mục nữa mà tâm vẫn tự nhiên rõ ràng, tỉnh giác, thanh tịnh.

Những Thiền sư Trung Hoa rất đề cao cảnh giới đặc biệt này. Nhiều vị quá cường điệu đã tuyên bố "Kiến tánh thành Phật", được ngộ như vậy tức là thành Phật. Nhưng cũng có nhiều vị dè dặt, cẩn thận, thấy rằng dù có ngộ vẫn chưa được giải thoát nên chữa lại

rằng "Đốn ngộ, tiệm tu".

Quả thực, dù có ngộ, đường đến giải thoát viên mãn vẫn còn rất xa. Thêm một điểm chúng ta cần lưu ý nữa là, tuy có ngộ, nhưng sức ngộ của mỗi người khác nhau. Có người sau khi ngộ, tâm cực kỳ tỉnh giác và thanh tịnh, bước vào chánh định dễ dàng. Có người sau khi ngộ, vọng tưởng chưa hết còn phải chặn giữ vọng tưởng một thời gian khá dài, rồi mới bước vào chánh định.

Như vậy, Ngộ có sâu có cạn sai khác, không phải ai cũng giống ai. Mà ngộ cũng chưa phải là đã vào được chánh định. Nếu so sánh với Bát Chánh Đạo thì Ngộ tức là có được chánh niệm tỉnh giác. Nhờ chánh niệm tỉnh giác này mà hành giả dễ dàng tu tập chánh định tiếp theo.

Bây giờ chúng ta trở lại phân tích cái Chú Ý

Với người phàm phu bình thường, cái Chú Ý thường hướng về ngoại cảnh trong hiện tại để nhìn ngó, để lắng nghe, hoặc chạy theo tư tưởng để chìm vào quá khứ tương

lai... Khi được cái Chú Ý bám theo, tư tưởng có sức mạnh để kéo dài và ghi sâu vào Ký ức khó quên (hiện hành huân chủng tử). Rồi những ý niệm được ghi trong Ý thức, khi được kích động sẽ khởi ra thành tư tưởng (chủng tử khởi hiện hành). Kiếp này sang kiếp khác chúng ta bị vọng tưởng của Tướng ám ràng buộc không thoát ra được .

Ngày nay biết tu theo lời Phật dạy, giữ chánh niệm tỉnh giác, chúng ta phải lui cái Chú Ý về với Ý thức phía sau để tách ra khỏi tư tưởng, để nhìn thấy tư tưởng như là một đối tượng bên ngoài, làm tư tưởng không còn sức mạnh tương tục và phải tắt mất. Giai đoạn đầu, cái Chú Ý không quen lui lại đứng yên ở sau mà chỉ quen chạy bám theo ngoại cảnh và vọng tưởng. Chúng ta cố gắng giữ (bằng ý niệm chủ tử) cái CHÚ Ý lui lại được một thời gian ngắn, chợt vọng tưởng nào hay hay khởi lên mời gọi, thế là cái Chú Ý chạy theo mất.

Sau nhiều ngày tháng nỗ lực phi thường, cái Chú Ý bắt đầu quen đứng yên phía sau,

không chạy theo vọng tưởng nữa. Vọng tưởng yên lắng dần dần, tâm được thanh tịnh.

Rồi cái Chú Ý chìm sâu dần vào Vô thức khiến ta quên dần ngoại cảnh bên ngoài khiến ta biết rõ dần hoạt động của tâm thức bên trong và đó gọi là nhập định.

2. VƯỢT SẮC ẤM

Người tu thiền đến giai đoạn khi dụng công không còn vọng tưởng. Có thể kéo dài trạng thái tĩnh lặng hoàn toàn không vọng tưởng này suốt vài tiếng đồng hồ, lúc đó, Ý thức tự nhiên bỏ bớt Sắc ấm chỉ còn trụ vào Thọ ấm và Tưởng ấm.

Còn cái Chú Ý đã bắt đầu lọt sâu một chút vào Vô thức. Vì Ý thức đã bỏ bớt Sắc ấm nên hành giả không còn thấy có thân nữa, chỉ nghe một sự thanh tịnh không hình không tướng mà thôi.

Và cũng vì Ý thức bỏ bớt Sắc ấm trụ mạnh nơi Thọ và Tưởng ấm nên hai ấm này có sức mạnh hơn bình thường. Lúc đó, Thọ ấm khởi lên hỷ lạc mạnh mẽ tràn ngập cả

tâm hồn. Tường âm cũng dễ khởi lên những hình ảnh lạ như hoa sen, hào quang, Đức Phật, cõi trời, xuất hồn... Nếu hành giả đắm luyến nơi cảm giác hỷ lạc tức là kẹt lại Thọ âm, ái kiến sẽ tăng trưởng (Thọ luôn luôn sinh ra ái), đường giải thoát bị ngăn chặn. Thế nên, tuy có cảm giác hỷ lạc khởi lên, hành giả không nên chú ý.

Nếu hành giả đắm luyến nơi hình ảnh lạ như hào quang, Đức Phật, cõi trời, xuất hồn... sẽ khởi sinh tà kiến, cho mình chứng đắc, lấy những hình ảnh đó làm sở đắc, quên đi mục đích giải thoát cuối cùng.

Khi vượt được Sắc âm, trạng thái định này được gọi là Không Vô biên xứ định. Mức độ định này tương đương với sơ thiền. Tuy nhiên giữa Định và Thiền có khác nhau về cách dụng công. Ở phương pháp tu định, nhờ chánh niệm tỉnh giác thuần thực, vọng tưởng không khởi, hành giả tự nhiên bước vào Không Vô biên xứ định. Lúc đó cái Chú Ý ở trong Vô thức, cái biết dường như không trụ vào đâu, nhưng thật ra đã theo cái Chú Ý để quay vào Vô thức.

Còn nơi sơ thiền, hành giả nhiếp tâm trong hơi thở và CÁI BIẾT trụ vào hơi thở tại ống mũi.

Nếu cái biết không trụ, gọi là tu định.

Nếu cái biết có trụ vào hơi thở, gọi là tu thiền. Tuy nhiên hơi thở lúc này nhỏ nhiệm như một sợi chỉ, êm ái, sáng tỏ. Tâm thay vì trải rộng, đã thu thật nhỏ vào hơi thở, giống như một mũi khoan xuyên qua từng âm. Cái ưu điểm của phương pháp nhiếp tâm vào hơi thở là không chế được sự quậy phá của Tướng âm, không cho Tướng âm hiện ra những ảo ảnh. Còn tu định, tâm không trụ vào một điểm nào, trải rộng thênh thang, nhưng khó không chế được sự quậy phá của Tướng âm.

Chúng ta gọi là Vượt Sắc âm ở phần thô, còn cái Sắc âm siêu hình (linh hồn) thì vẫn còn tồn tại. Phải Vượt khỏi Hành âm thì linh hồn mới hết.

3. VƯỢT THỌ ẤM

Khi hành giả tiếp tục kéo dài ngồi bất động trong tư thế kiết già, không để ý vào hỷ lạc

của Thọ ấm, không bị những ảo ảnh của Tưởng ấm hiện ra, cuối cùng Ý thức sẽ bỏ luôn Thọ ấm, chỉ còn trụ ở Tưởng ấm.

Vì Ý thức đã bỏ Thọ ấm nên lúc này hỷ lạc biến mất, chỉ có cái an vui tế nhị của sự thanh tịnh.

Cái an vui tế nhị này cũng là thuộc về Thọ ấm ở phần sâu. Hành giả được gọi là vượt Thọ ấm, thực ra chỉ là vượt Thọ ấm phần thô bên ngoài Ý thức conscious, còn cái Thọ ấm vi tế khuất sâu trong Vô thức vẫn chưa hết.

Ở đây, cái Chú Ý chìm thêm một chút vào Vô thức, còn cái Ý thức vẫn trải rộng hơn, vẫn còn phủ Tưởng ấm. Chúng ta nên nhớ, cái Chú Ý tập trung vào một đối tượng hẹp, còn cái Ý thức thì trải một vùng rộng chung quanh cái Chú Ý. Ví dụ khi cái CHÚ Ý còn chạy theo cảnh, theo vọng tưởng thì Ý thức tỏa rộng ở Sắc ấm, Thọ ấm, Tưởng ấm, năm thức trước. Khi cái Chú Ý chìm sâu một chút vào Vô thức của Sơ thiên thì Ý thức cũng lui theo và bỏ bớt Sắc ấm. Khi cái Chú Ý chìm sâu thêm một chút nữa thì Ý

thức lại đi theo mà bỏ bớt Thọ ấm để chỉ còn lại Tưởng ấm. Chúng ta nói là còn lại Tưởng ấm không có nghĩa là Tưởng ấm còn hoạt động. Tưởng ấm phải luôn luôn dừng hoạt động thì cái Chú Ý mới chìm vào Vô thức được. Nhưng dù Tưởng ấm dừng hoạt động, Ý thức vẫn còn bao phủ phạm vi của Tưởng ấm và bao phủ cả các thần kinh giác quan. Do đó, giai đoạn này, dù ở trong định, Hành giả vẫn còn nghe âm thanh bên ngoài (dù không CHÚ Ý theo), vẫn còn thấy cảnh sắc (dù không cố ý nhìn).

Do Tưởng ấm còn nên các ảo ảnh vẫn có thể còn xuất hiện. Nếu trong Ký ức của Hành giả còn chứa những ước mơ được thấy Phật, thánh, tiên thì Tưởng ấm sẽ hiện ra những hình ảnh đó và kéo cái Chú Ý của Hành giả đi ra khỏi Vô thức trở lại.

Ở giai đoạn vượt Thọ ấm này, Hành giả đã khá tự tại, phong cách ung dung đĩnh đạc, tâm hồn rất thanh thản, ái kiến (Tình cảm) lắng dịu vì không có thọ để kích động ái; đạo đức tương đối hoàn chỉnh. Ngang đây, Hành giả đã tăng trưởng trực giác, có thể

đoán biết một số chuyện quá khứ vị lai khái quát, nhưng không chi tiết lắm, có thể đoán biết một phần ý nghĩ thô của người khác, có thể dùng năng lực bằng tay chữa một số bệnh thông thường. Hành giả cũng có thể ngồi kiết già bất động chờ cái chết đến, nhưng chưa có thể chết theo ý muốn, chỉ thụ động chờ mà thôi, dĩ nhiên là biết trước lúc chết.

Đây là nhị thiên, thức vô biên xứ định.

Nếu Hành giả dùng hơi thở làm phương tiện thì lúc này cái Chú Ý dồn hết vào hơi thở; cả cái Chú Ý và hơi thở đều nhỏ như một sợi tơ và rất vi diệu, đó gọi là Nhị thiên.

Nếu Hành giả không chú ý vào hơi thở, chỉ an trụ trong trạng thái rỗng rang thanh tịnh tự nhiên thì sẽ thấy tâm mình phủ trùm cả trời đất. Đó gọi là Thức Vô Biên Xứ Định .

Khái niệm về thiên và định theo kinh Phật có thể được hiểu như sau: Thiên là xoay lại giữ sự thanh tịnh nơi chính mình, thường là phải dùng thêm phương tiện hơi thở. Định là thả tâm phủ trùm pháp giới. Thiên chú trọng nơi phẩm, Định chú trọng nơi lượng.

Thường thì đến những giai đoạn này, Hành giả cảm thấy mình không phải dụng công nữa mà tâm vẫn tự nhiên thanh tịnh nhẹ nhàng. Vì thế dễ phát sinh tâm tự mãn tham kín. Cần phải có thiện tri thức hướng dẫn để Hành giả biết mình còn kém, bỏ tâm tự mãn và cố gắng dụng công tiếp.

4. VƯỢT TƯỜNG ẤM

Ở Nhị Thiên, Ý thức còn hiện diện nơi Tường ấm. Nếu hành giả an trụ Nhị thiên thật lâu từ một ngày đến bảy ngày, Tường ấm sẽ được vượt qua.

Vì các thần kinh giác quan thuộc về Ý thức, nên khi vượt khỏi Tường ấm, ra khỏi Ý thức Hành giả không còn nghe thấy ngoại cảnh bên ngoài. Đây là chỗ mà một đạo sĩ Ấn Độ khoe rằng :

"Khi nhập định tôi không còn nghe thấy tiếng của năm trăm cỗ xe bò đi ngang". Khi vượt khỏi Tường ấm, Ý thức sẽ nhập vào cõi tâm Vô thức của Hành ấm ! Lúc này những hoạt động bí mật kỳ lạ của Hành ấm được khám phá rõ ràng Hành giả biết rõ mọi

hiện tượng như mộng du, đồng cốt, giáng cơ... đều do Hành ám đạo diễn. Do đó những tà kiến sai lầm bị phá vỡ rất nhiều. Ở giai đoạn này Hành ám phát huy đại thần lực; Hành giả có thể đằng vân, phi hành, biến hóa, phân thân, ẩn thân, hóa ra lửa, hiện ra hào quang, làm thành mưa bão... Năng lực của Hành ám phá vỡ những quy luật của vật lý thông thường.

Qua đây chúng ta có thể giả thuyết rằng phải chăng những người ngoài hành tinh với đĩa bay của họ đã áp dụng được nguyên tắc của tâm Vô thức nên họ có những phương pháp di chuyển vượt khỏi tầm hiểu biết của khoa học hiện nay. Những tài liệu gần đây cho thấy rằng trong các cuộc tiếp xúc với người ngoài trái đất (điển hình là họa sĩ Nga Malachev), họ đều có một khả năng tâm linh rất mạnh. Phải chăng nơi hành tinh của họ pháp môn thiền định đã phổ cập đến cao độ ? Phải chăng những tính chất siêu việt của Hành ám được áp dụng vào kỹ thuật ? Phải chăng nền văn minh của họ là sự phát triển đồng bộ duy

nhất của cả ba mặt: khoa học, thiên định và đạo đức ?

Trở lại vấn đề, khi mà Ý thức conscious đã vượt ra khỏi Tưởng âm thì có nghĩa là cái CHÚ Ý đã vào sâu trong Hành âm ở Vô thức. Đến đây mới đáng gọi là nhập định thật sự vì Hành giả không còn thấy, không còn nghe, không còn tiếp xúc với ngoại cảnh. Những ý niệm sâu kín của Hành âm bị hóa giải nên tâm cực kỳ yên tĩnh.

Do hoàn toàn không còn bị Tưởng âm làm ngăn ngại nên Hành âm và Thức âm phát huy đại thần lực tiềm tàng của mình. Thức âm có thể biết rất nhiều chuyện nếu muốn, có thể nhớ vài kiếp quá khứ và tiên tri chuyện cả trăm năm sau; có thể đoán biết tâm của chúng sinh dù ở cách xa; còn Hành âm, tuy đã có thể khởi thần thông biến hóa, nhưng vì cái Chú Ý đang trụ ở đây và có vẻ đang canh giữ nên Hành âm vẫn còn thụ động. Hành giả thích ngồi nhập định bất động hơn là khởi dụng làm chuyện này chuyện nọ.

Ở trình độ này, Hành giả có thể dùng sức

định để tự tử, nghĩa là muốn sống hay chết tùy ý. Ngoài ra, nếu có tác ý Hành giả có thể lưu lại nhục thân không hoại rất lâu, nhà sư Vũ Khắc Minh Việt Nam hoặc các vị sư Trung Hoa, Tây Tạng thường lưu lại nhục thân như thế.

Trình độ này là Vô Sở Hữu Xứ Định hoặc tương đương với giai đoạn đầu của Tam Thiên . Vì Vô thức rất là dài nên rất khó vượt qua hết hẳn. Hành giả an trụ cái Chú Ý vào cuối Hành ám nên Ý thức đã bỏ hẳn Tưởng ám, nếu muốn, chúng ta có thể nói rằng ý thức đã nhập vào Vô thức. Lúc này, Tình cảm đã bị kiểm soát hoàn toàn, những thương ghét của trần gian không còn tồn tại trong tâm nữa.

Lúc này, Hành giả đã chuyển sang một nhãn quan mới, một “hệ” mới để nhìn vạn hữu. Hành giả thấy vạn hữu như là hư vô. Tâm tham đắm trần gian dường như đã hết. Chúng ta dùng chữ “dường như”, vì ở trong Ký ức vẫn còn lưu lại những ý niệm tham đắm từ quá khứ và có thể khởi ra lại nếu gặp sự kích động nào đó.

5. VƯỢT HÀNH ẤM

Khi chưa vượt khỏi Hành ấm, hành giả vẫn còn biểu lộ nhiều hình thức chấp ngã vì Hành ấm là gốc của Bản ngã.

Ví dụ, hành giả thích khoe khoang thân thông, còn những ước muốn thầm kín. Nhưng khi vượt khỏi Hành ấm, chỉ còn Thức ấm, hành giả là những người đạo đức tuyệt vời vì gốc của Bản ngã đã bị vượt qua. Dĩ nhiên Thức ấm còn thì nhân luân hồi chưa hết, nhưng đến đây, hành giả đã xứng đáng được xưng tụng là một vị Thánh cao cả giữa trần gian. Đây là một ẩn sĩ chân chính không còn khoe khoang phô trương, không còn một ham muốn nhỏ nhặt nào cho tợ kỹ.

Lúc này Thức ấm phát huy đại dụng, trùm phủ cả không gian địa cầu hoặc cả một hệ tinh. Hành giả có thể nhớ lại một số kiếp quá khứ và thấy trước một số kiếp vị lai. Hành giả có thể tìm hiểu bất cứ chuyện gì xảy ra trên cuộc đời, bởi vì Thức ấm là cái biết trực giác soi thấu mọi ngõ ngách của

trần gian.

Vì Hành ẩm không còn bị cái Chú Ý canh giữ nên có thể tích cực khởi đại dụng. Hành giả có thể tự tại phi hành, biến hóa. Chúng ta gọi là vượt qua Hành ẩm không có nghĩa là không còn Hành ẩm, mà có nghĩa là Hành ẩm đã thuần hóa không khởi ý niệm nữa nên cái Chú Ý đã không còn cần thiết đứng ở đây. Chúng ta nên nhớ rằng Hành ẩm không phải khởi từng ý niệm một lúc mà khởi vài ngàn ý niệm đồng thời. Thế nên khi Hành ẩm đã yên lặng thì đó là một sự kiên phi thường.

Nếu lúc này Hành giả buông bỏ cái CHÚ Ý khiến tâm trùm phủ thân thang thì gọi là Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. Ngang cái định vĩ đại này, vì cái Chú Ý không còn nên Hành giả không còn đường để đi tới nữa. Đó là chỗ dừng lại của ông Uất đầu lam Phát mà đức Phật đã đạt được và mơ hồ cảm nhận nó chưa phải cứu kính.

Nếu Hành giả tiếp tục giữ hơi thở, cái Chú Ý bám vào hơi thở thì còn có thể tiến hơn nữa.

Ở giai đoạn vượt khỏi Hành âm này, Hành giả lại chuyển sang một nhãn quan khác, một “hệ” khác nữa. Hành giả thấy vạn hữu, dù là cây đá, cũng đều làm bằng chất liệu của tâm, tất cả đều là tâm. Vì thế, chỉ bằng tâm của mình, hành giả có thể tác động vào thế giới vật chất bên ngoài, có thể bay lên cao, có thể tàng hình, di chuyển mọi vật từ xa, hiện mọi cái từ có thành không, từ không thành có. Hành giả không còn nhận biết vạn hữu bằng giác quan tai mắt nữa mà bằng tâm Vô thức vi diệu của mình, ngồi ở đây mà biết cả mười phương tám hướng.

6. NHẬP BẢN THỂ TUYỆT ĐỐI (VƯỢT THỨC ẤM)

Ở Tam thiên, chưa vượt qua cõi tâm Vô thức, hơi thở hành giả nhỏ như một hạt bụi. Hành giả tiếp tục giữ kỹ hơi thở và an trụ tam thiên suốt bảy ngày, hoặc một tháng, hoặc ba tháng, tùy theo căn cơ sai biệt. Cuối cùng, dù luôn luôn giữ hơi thở, hơi thở biến mất.

Hơi thở biến mất, CÁI BIẾT biến mất và Bản

ngã biến mất. Thức ấm đã bị vượt qua.

Bản thể tuyệt đối hiện bày.

Dùng ngôn ngữ để diễn tả Bản thể tuyệt đối là một việc làm vô cùng sai lầm. Sự thanh tịnh cực độ của Bản thể không thể diễn tả bằng ngôn ngữ. Tuy nhiên, vì có quá nhiều người hiểu lầm Niết Bàn của Đạo Phật nên chúng ta gượng gạo diễn tả vài tính chất của Niết Bàn, mong quý độc giả thông cảm, dùng trực giác để thâm cảm thông.

Khi Thức ấm còn thì CÁI BIẾT còn.

Khi Thức ấm đã vượt qua được thì CÁI BIẾT cũng biến mất. Tuy nhiên lúc này cái CẢM ỨNG của Bản thể sẽ xuất hiện.

BIẾT là gì ? CẢM ỨNG là gì ?

Có hai cái BIẾT khác nhau, cái BIẾT của Ý thức và cái BIẾT của Vô thức, dù cả hai đều thuộc về Thức ấm.

Ý thức biết nhờ suy luận, phân biệt, học hỏi và giác quan tiếp xúc.

Vô Thức biết nhờ trực giác, không cần suy luận, không cần giác quan.

Tuy nhiên, gọi là BIẾT khi có người BIẾT và đối tượng BIẾT. Ở đây ngã và pháp được

tồn tại song song. Có Ngã BIẾT và có cái Pháp bị BIẾT. Ngã và Pháp là hai mặt đối lập. Có Ngã tức là có Pháp, có Pháp tức là có Ngã.

Còn Cảm Ứng, cũng tạm gọi như là tính chất nhận biết của Bản thể, nhưng ở đây không có người Biết và Đối tượng bị Biết. Nơi Bản thể, Ngã và Pháp không còn tồn tại. Tất cả vạn hữu đều chung đồng quy tụ nơi Bản thể Tuyệt Đối. Khi nhập Bản thể, vị đó đã trở thành vạn hữu. Vị đó cũng là trăng, là sao; vị đó cũng là mây, là gió, vị đó cũng là núi, là sông; vị đó cũng là con kiến bò, là chiếc lá rơi... Nghĩa là tất cả đều chung đồng không còn chia cách.

Bình thường vị đó ở trong thể tịch lặng tuyệt đối, không một điều gì có thể lay động chánh định tối thượng này. Vì thế Đức Phật đã tuyên bố:

"Khi ta nhập định, ta không nghe cả tiếng sét đánh chết con bò gần đây!"

Tuy nhiên, khi cần tìm hiểu điều gì, vị ấy hướng tâm đến đó, lập tức cái cảm ứng xuất hiện.

Ví dụ, một bậc thầy chứng đạo, muốn tìm hiểu việc làm của một người đệ tử ở xa, vị đó nhập định vào Bản thể. Lập tức vị đó trở thành duy nhất với đệ tử, biết rõ mọi ý nghĩ việc làm của đệ tử. Cái Biết mà người Biết và đối tượng bị Biết đã trở thành duy nhất, gọi là CẢM ỨNG. Tuy vẫn biết mà Ngã và Pháp không còn.

Cái cảm ứng này không bị thời gian và không gian chia cách.

Ví dụ, khi cần tìm hiểu đời sống của Đức Phật, vị đạt đạo nhập định vào Bản thể, lập tức vị đó trở thành duy nhất với Đức Phật trong thời tại thế cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm. Nơi sự duy nhất này, vị đó sống trở lại, cảm nhận trở lại những gì Đức Phật đã trải qua trong suốt kiếp sống cuối cùng của mình. Từ khi đản sinh, trưởng thành, xuất gia, tu tập, thành đạo, độ sinh, nhập diệt. Và vị đó sẽ thấy rằng Đức Phật, trên bước đường hoằng hóa, gặp khó khăn chống đối gấp mười lần những gì kinh sách kể lại.

Thực ra khi còn an trụ ở Thức ám, nếu

không có vị thầy kinh nghiệm hướng dẫn, Hành giả sẽ làm tưởng đó là Niết Bàn vì cảnh giới của Thức ấm và Niết Bàn Tuyệt Đối không có ranh giới rõ rệt. Nó giống như dòng sông đã đổ về tới cửa biển chứ chưa phải là biển, cũng mênh mông hùng vĩ nhưng chưa phải là khơi xa.

Chúng ta ví dụ vọng tưởng như những mạch nước nhỏ, Sơ thiên như dòng suối, nhiều dòng suối dồn lại thành dòng sông của Nhị thiên, nhiều dòng sông dồn lại thành con sông lớn của Tam thiên, và sự an trụ Thức ấm cuối cùng chính là chỗ dòng sông lớn đã về đến cửa biển .

Khi bỏ cửa biển để vào hải đại dương của Bản Thể Tuyệt Đối, Hành giả trở thành một Đấng Giác Ngộ ALaHán siêu việt cả tam giới, giải thoát sinh tử luân hồi. Thường thì đức phật lấy Tam Minh hay Lục Thông để xác định sự giải thoát. Vị đó phải đủ khả năng nhớ lại vô lượng kiếp của mình -Túc Mạng Minh- , quan sát được những kiếp luân hồi của mọi chúng sinh và thấy rõ sự chi phối rất chặt chẽ của luật Nghiệp báo lên

tất cả vạn hữu - Thiên Nhân Minh - có khả năng phi hành biến hoá tự tại như phân một thân thành ngàn thân, biến mất chỗ này hiện ra chỗ kia, hiện ra lửa ra nước...

Chúng ta xét lại quá trình dài của sự tu hành và thấy rằng chính cái Chú Ý được đưa về đâu sẽ là đầu mối của mọi việc. Nếu cái Chú Ý chạy ra ngoài hoặc chạy theo vọng tưởng thì đó là sự mê muội. Nếu cái Chú Ý bắt đầu lui lại để tách khỏi vọng tưởng thì đó là bắt đầu sự tu hành. Tuy nhiên không phải cái Chú Ý luôn luôn dễ được điều khiển, hay nói đúng hơn, cái Ý Niệm Chủ Tể điều khiển cái CHÚ Ý không phải luôn luôn giữ vững lập trường ban đầu. Do sự hoạt động chằng chịt phức tạp bên trong Vô thức tác động khiến cho cái Ý Niệm-Chủ Tể khi muốn thế này khi muốn thế khác. Ví dụ, trong lúc hứng khởi phát tâm tu hành, Ý Niệm -Chủ tể đưa cái Chú Ý lui khỏi vọng tưởng, nhưng sau đó, Ký ức chứa đầy sự ham vui đã tác động đến và Ý Niệm -Chủ - Tể lại đưa cái Chú Ý chạy ra ngoài cảnh. Thế nên một người giữ được lập trường tu

hành một cách vững vàng có nghĩa là Ký ức của người ấy đã nhiều lần ghi dấu sự cương quyết thoát khỏi cám dỗ, dễ dãi, sân hận... Chúng ta phải tích lũy công hạnh giữ gìn sự vô nhiễm lâu ngày để tạo thành những chủng tử tốt ghi trong Ký ức. Đó là một trong những yếu tố cực kì quan trọng trong việc tu hành.

Ngoài ra sự chi phối của nghiệp là vô cùng lớn với Ý Niệm-Chủ Tể. Sự kính trọng Bậc Thánh, sự giúp đỡ người chân tu, tâm từ bi thương yêu chúng sinh, lòng khiêm hạ... chính là những cái nhân để tạo thành một Ý Niệm-Chủ Tể tốt đẹp và kiên trì trong việc giữ cái Chú Ý lui ra sau.

Chúng ta thấy có người dễ tu, có người khó tu chính là do nhiều yếu tố phức tạp bên trong Vô thức đã tạo nên một Ý-Niệm - Chủ -Tể như thế nào. Ví dụ như có một người tinh thần bạc nhược, làm cái gì cũng hay bỏ dở. Người đó cũng biết nhược điểm của mình và muốn khắc phục, nhưng không thể làm được vì không thể hiểu tại sao không thể cương quyết được. Hay nói đúng hơn là

cái Ý Niệm - Chủ Tể không đưa cái Chú Ý vào việc gì lâu bền được. Người đó tự thấy hổ thẹn. Những người khác thì chê trách. Nhưng không ai làm gì khác hơn được. Gặp trường hợp như vậy, chúng ta đừng ở đó mà chê trách, phải khuyên người đó gây nhân lành mới. Nhân mới là kiên trì từng chút làm việc thiện, kiên trì từng chút lễ phật mỗi ngày. Qua vài năm sau, sự kiên trì mới bắt đầu trở thành tính chất trong tâm. Sự tu hành cũng thế, muốn thành tựu sự tinh tấn bền bỉ, biết bao nhiêu công hạnh phải được xây đắp lâu dài. Người chưa đủ phước tự nhiên thiếu sự tinh tấn, muốn tinh tấn lắm mà không cách nào làm được. Đừng trách họ, hãy giúp họ gây tạo nhân lành để sửa lại sự khiếm khuyết đó .

7. XUẤT NHẬP ĐỊNH LÀ GÌ ?

Mỗi vị tu hành tùy theo trình độ của mình mà có sức định sâu cạn khác nhau. Có người vượt được Thọ ấm, có người vượt được Tưởng ấm. Cũng có vị đã vượt hẳn

Năm Ấm và trở thành bậc Giác ngộ đồng với chư Phật.

Người đã vượt khỏi Năm Ấm có thể tùy ý nhập định bỏ Năm Ấm để an trụ Bản thể, hoặc từ Bản thể lui trở lại sống với Năm Ấm một cách tự tại.

Khi vượt Năm Ấm để an trụ Bản thể, chúng ta gọi là nhập định. Còn từ Bản thể lui lại sử dụng Năm Ấm, chúng ta gọi là xuất định.

Có một số người tu thiền chủ trương không xuất không nhập. Đây là người đang tu chánh niệm tỉnh giác, cố gắng giữ sự tỉnh giác thường xuyên trong mọi oai nghi. Như vậy họ cảm thấy không có gì để nhập hay xuất. Tuy nhiên, nếu họ giữ được chánh niệm lâu ngày vọng tưởng không khởi, dần dần họ sẽ vượt qua từng ấm một cách rõ rệt. Họ sẽ có khả năng nhập định để vượt một vài ấm hoặc lui lại xuất định để sử dụng các ấm đó bình thường. Ví dụ, khi họ nhiếp tâm sâu thẳm, họ không còn thấy có thân (vượt Sắc ấm), chỉ còn một cái tâm thanh tịnh không hình không tướng. Nhưng họ có thể lui lại trải Ý thức ra Sắc ấm và thấy có

thân như cũ. Đó cũng là nhập xuất định ở mức độ cạn. Ví dụ, một người nhiếp tâm sâu thẳm, vượt khỏi Tưởng âm, không còn nghe thấy ngoại cảnh, nhập vào Vô thức. Và vị này cũng có thể lui lại, trải Ý thức ra ba ấm Sắc, Thọ, Tưởng để sống bình thường như mọi người.

Người chưa có kinh nghiệm vượt khỏi các ấm thì không hề có khái niệm nhập xuất định. Họ cố gắng giữ được chánh niệm không nhập không xuất lâu ngày cũng tốt.

8. LẬU TẬN THÔNG

Lậu tận là một trong ba Minh, hoặc là một trong sáu thông. Tam Minh Lục Thông là tính chất đặc biệt của Phật cũng như của các vị ALaHán.

Nguyên nghĩa Lậu Tận có nghĩa là không còn sự rò rỉ. Ở đây nghĩa là không còn sự sơ hở về giới hạnh. Có người định nghĩa Lậu Tận có nghĩa là không còn mầm mống tái sinh. Nếu không còn mầm mống tái sinh thì các vị chứng đạo không thể thị hiện trở lại thế gian sao ?

Mặc dù khi xuất định sử dụng trở lại Năm Ấm, vị ALaHán vẫn có sức tỉnh giác tự chủ cao độ, thường xuyên kiểm soát được nội tâm của mình rõ ràng không để một phiền não nhỏ bé nào phát khởi. Vị đó không còn một ước vọng thầm kín nào cho tự kỷ, không còn một hạt bụi ganh ghét nào đối với chúng sinh, không còn một mảy may bực dọc dù gặp nghịch cảnh, không còn một chút thích thú khi được khen tặng... Dù trong đời sống bình thường với Năm Ấm, tâm vị đó chỉ có sự thanh thản an vui, chỉ có lòng từ bi tự nhiên lan tỏa khắp mọi loài. Sức tự chủ kiểm soát được giới hạnh của mình được hiểu là trí tuệ chân chính. Chúng ta đừng vội cho những người học nhiều, hiểu rộng, giảng hay là có trí tuệ. Hãy đánh giá trí tuệ của người đó qua khả năng làm chủ tâm hồn mình không bị tham sân si chi phối. Hãy đánh giá trí tuệ người đó qua thái độ khiêm hạ vô biên, qua từ tâm vô hạn. Ở điểm này, Đức Phật tuyên bố trong bài kinh Sonadanda:

"Ở đâu có trí tuệ, ở đó có giới hạnh; ở đâu

có giới hạnh, ở đó có trí tuệ".

Một vài học giả đã đưa ra lập luận rằng đối với Đạo Phật, giới đức là chuyện nhỏ nhặt, chỉ có trí đức mới đáng đề cao! Lập luận này trái với tinh thần Đạo Phật. Người được gọi là chứng Lưu Tận Thông còn có nghĩa là người thấy rõ bản chất ràng buộc, đau khổ của cuộc đời.

Bình thường chúng ta nghe nói cuộc đời là đau khổ thì chỉ hiểu chung chung, thậm chí chúng ta còn thấy đôi khi cuộc đời cũng xuất hiện những niềm vui nào đó như được trúng số, được khen tặng, được thành công...

Đối với bậc giác ngộ đã hoàn toàn vượt khỏi Năm Ấm, đã bước qua cái ranh giới cuối cùng của vô minh thì mới cảm nhận sâu sắc sự ràng buộc, sự đau khổ mà chúng sinh phải chịu đựng, giống như một người bước ra khỏi trại tù, lúc đó mới chợt hiểu rằng trước kia, dù ăn ngon hay dở, đẹp hay xấu, được người thăm nuôi nhiều hay ít đều chỉ là thân phận tù đày. Cũng vậy, chúng sinh dù giàu hay nghèo, ngu hay trí thành công

hay thất bại... đều là còn trong vô minh, còn trong sinh tử.

Khi một bậc thánh bước qua khỏi cái ranh giới vô minh cuối cùng thì chợt hiểu ra cái Nguyên nhân của Đau khổ cũng chính là cái Đau khổ. Cái nhìn minh triết sâu thẳm đó được gọi là Lộ Tận Minh.

9. LÀM CHỦ SINH TỬ

Chúng ta tán thán vị nào đã đưa ra từ ngữ "Làm chủ sinh tử". Làm chủ sinh tử có nghĩa là vị đạt đạo có thể từ bỏ thọ mạng bất cứ lúc nào; và sau khi từ bỏ đời sống này, vị đó có thể thị hiện qua đời sống kế tiếp, hoặc an trụ Niết Bàn vĩnh viễn.

Một vị đạt đạo chưa gọi là đã hết nhân duyên luân hồi, bởi vì trước khi đạt đạo vị đó cũng có tạo nghiệp, và sau khi đạt đạo vị đó cũng còn tạo nhiều thiện nghiệp lớn lao. Chính những nghiệp thiện sắp sẵn cho vị ấy một đời sống tràn đầy vinh hiển kế tiếp. Tuy nhiên vị ấy tùy ý muốn tái sinh hay không muốn tái sinh mà thiện nghiệp không còn lôi kéo được nữa. Ví dụ, dù đã tích lũy rất

hiện thiện nghiệp do hóa độ chúng sinh, vị ALaHán cảm thấy không cần trở lại, đến lúc từ bỏ thọ mạng, vị ấy nhập định vượt khỏi Năm Ấm và an trụ Bản thể Niết Bàn vĩnh viễn. Do tác ý xả bỏ thọ mạng nên sau khi vị ấy nhập Niết Bàn, thân sẽ tan hoại. Trừ trường hợp vị ấy có tác ý giữ nhục thân thì nhục thân sẽ tồn tại lâu dài.

Khi nhập Niết Bàn, vị ấy trở thành Duy Nhất với tất cả chúng sanh, cảm ứng với tất cả chúng sinh, và âm thầm gia bị cho những chúng sinh thành tâm hướng thiện. Sự gia bị của các vị Phật đã an trụ Niết Bàn rất bình đẳng và mầu nhiệm. Khi chúng ta niệm danh hiệu Bồ Tát Quan Âm, hoặc cầu nguyện Hộ Pháp Vi Đà, lập tức chúng ta có được sự cảm ứng mười phương chư Phật. Ngay cả những người thuộc tôn giáo khác cầu nguyện giáo chủ của họ, nếu thành tâm hướng thiện họ vẫn được sự cảm ứng gia bị của chư Phật.

Hoặc, một vị ALaHán cảm thấy duyên độ chúng sinh chưa mãn cần phải tái sinh. Khi chấm dứt thọ mạng đời này, vị đó nhập Tam

Thiền và Nhận Lấy đời sống mới trong một bào thai vừa thành hình.

Ưu điểm của những vị Bồ Tát thị hiện là có thể trực tiếp giáo hóa chúng sinh; còn khuyết điểm là, vì không an trụ Bản Thể thường xuyên nên không thể đồng thời gia bị cho tất cả chúng sinh.

Ngược lại, những vị ALaHán không tái sinh, có ưu điểm là ở trong Bản Thể có thể đồng thời gia bị cho tất cả chúng sinh, nhưng nhược điểm là không thể trực tiếp giáo hóa chúng sinh.

Phần 5

CHỈ CÓ MỘT ĐẠO PHẬT

Qua phần nghiên cứu về Năm Ấm vừa rồi chúng ta thấy rõ không có hai ba Đạo Phật khác nhau. Chỉ có những người đã vượt khỏi Năm Ấm hoặc những người chưa vượt khỏi Năm Ấm.

Bản Thể Niết Bàn chỉ là Duy Nhất, tất cả những vị đã an trụ Niết Bàn không có sự hơn kém, không có Tiểu Thừa hay Đại Thừa.

Sau khi Đức Phật kính yêu của chúng ta nhập diệt, những người sau vì hăng hái đóng góp ý kiến của mình vào văn hóa Đạo Phật, vô tình đã chia Đạo Phật ra thành hai ba loại. Thậm chí có những người quá sốt sắng, lấy cả những tà kiến của ngoại đạo để bổ sung cho Đạo Phật. Hoặc có những người lấy trình độ tu tập còn lờ dờ của mình và cho đó là tối thượng. Cuối cùng "lẽ phải" thuộc về những ai nói giỏi.

Thế gian có câu nói mỉa mai rằng : "Chân lý thuộc về kẻ có sức mạnh". Còn trong cuộc tranh chấp của các phái Phật Giáo. Chân lý thuộc về những ai có tài hùng biện.

Đa số quần chúng bình thường không đủ sắc bén để tìm ra những sơ hở trong lý luận của những học giả uyên bác. Thế nên họ dễ dàng chấp nhận tư tưởng của những luận sư có khả năng thuyết phục. Và những luận sư tài giỏi này tiếp tục củng cố vị trí của mình bằng lý luận. Thế là, từ một Đạo Phật nhiều tu ít nói bỗng biến thành một Đạo Phật nhiều nói ít tu.

Ngày hôm nay, muốn nghiên cứu lại toàn bộ

di sản văn hóa Đạo Phật, chúng ta đành phải hy sinh thì giờ tu tập thiền định của mình. Còn những người ham tu đành phải chịu thiếu hiểu biết về kinh sách Đạo Phật. Những lý luận Trường thiên bất tuyệt này đã chia cách Đạo Phật ra làm hai ba phần rõ rệt.

Hiện nay những vị sư Theravāda (Nam tông) vẫn ác cảm với các vị sư Bắc tông. Họ thường cho rằng các vị sư Bắc tông là Bà La Môn ngoại đạo. Vì sao, vì rất nhiều kinh điển Bắc tông được sáng chế sau khi Phật Niết Bàn rất lâu và có nhiều điểm giống Bà La Môn ngoại đạo.

Thật ra những tư tưởng tinh túy của Đạo Phật về luân hồi giải thoát đã được nói đến trong Áo Nghĩa Thư (Upanishad) trước Phật hơn trăm năm. Phương pháp thiền định đã được đề cập nhiều ở các giáo phái Ấn Độ trước khi có Phật. Thế nên việc mà Đạo Phật có vài điểm giống với ngoại đạo cũng là chuyện bình thường, miễn là những điểm đó nằm trong giới vực chánh kiến. Một vài tư tưởng của ngoại đạo vẫn hợp với chánh

kiến. Điều chúng ta e ngại là trong thời kỳ Phật Giáo phát triển Đại thừa, một số tà kiến đã lọt vào Đạo Phật.

Việc các sư Theravada trách Bắc tông Phật Giáo là ngoại đạo cũng có điểm đúng nhưng hơi quá đáng, thiếu thông cảm. Nhiều tư tưởng trong Phật Giáo phát triển cũng rất hay cũng là những đóng góp đặc lực cho văn hóa Phật Giáo, ví dụ, tư tưởng về Tánh không của Ngài Long Thọ.

Ngược lại, phía Bắc tông thì nhìn Nam tông một cách khinh miệt cho là Tiểu Thừa và tự nhận mình Đại Thừa. Hòa thượng Minh Châu thường hay dùng từ : "Các vị-tự-cho-là-Đại-Thừa..." để nhắc rằng từ trước Đạo Phật không hề có Tiểu Thừa hay Đại Thừa gì cả.

– Đại Thừa cho rằng các vị ALaHán thuộc Tiểu Thừa, tuy hết Chấp Ngã nhưng còn Chấp Pháp. Như đã nói, Ngã và Pháp là hai mặt đối lập, cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không. Nếu Ngã hết thì Pháp làm sao còn ! Thế nên lời buộc tội các vị ALaHán là hoàn toàn sai lầm và tội lỗi.

– Đại Thừa cho rằng các vị ALaHán không có từ bi (trời đất!). Thật ra khi Bản ngã tan biến, tâm vị kỷ không còn thì ngay đó tâm vị tha xuất hiện. Dù an trụ Niết Bàn vị ALaHán vẫn không ngăn cách với chúng sinh.

– Còn nhiều lý luận công kích từ bên này với bên kia. Mong sao trong thời đại này, chúng ta xóa bỏ được sự hiểu lầm lẫn nhau để Đạo Phật không còn chia cách nữa. Hơn nữa, người có trí tuệ trong Đạo Phật là người thấy được sai lầm của mình chứ không phải lo chỉ trích người khác. Nếu chúng ta xoay lại tìm ra những thiếu sót của mình, lập tức chúng ta sẽ trở nên bao dung, ít độc đoán hơn và nhờ vậy Đạo Phật sẽ hòa hợp hơn nữa.

Nào giờ chúng ta được thầy tổ dạy rằng Tông mình là hoàn thiện nhất thiên hạ. Từ đó chúng ta trở nên tự tôn và chê bai các nơi. Nếu chúng ta bình tâm, đừng tự tôn, tìm lại những nhược điểm nơi mình để hoàn thiện tông môn, tự nhiên chúng ta sẽ gặp gỡ lại với quan điểm của huynh đệ từ mọi bầu trời Phật Giáo.

Qua sự nghiên cứu về Năm Ấm, chúng ta thấy muốn thật sự giải thoát khỏi Năm Ấm, hành giả phải nỗ lực rất nhiều. Đạo Phật chỉ trường tồn khi tiếp tục có nhiều người chứng ngộ. Nếu không, Đạo Phật chỉ là cái xác không hồn, chỉ còn hình thức và lý luận là không có những hình ảnh giải thoát sống động từ bậc chân tu.

Quay về với việc tu tập nội tâm, chúng ta bớt bị ngôn ngữ lừa gạt. Ngôn ngữ tải được đạo lý, nhưng ngôn ngữ cũng làm hạn chế đạo lý bởi vì cái Tương đối không thể thể hiện được cái Tuyệt đối. Chỉ có sự tu tập vượt ngoài ngôn ngữ khiến cho chúng ta cảm nhận được đạo lý chân thật. Nơi đạo lý chân thật này, Đạo Phật không còn bị chia cách nhiều mảnh.

Chúng ta cần nhiều vị chuyên tu để thắp sáng lại ngọn đuốc Phật Giáo giữa đêm dài sinh tử.

Chúng ta cần nhiều tu viện chuyên tu để tạo điều kiện cho tu sĩ tu tập. Nơi tu viện này có đường lối tu hành đúng đắn, có thanh quy cụ thể, có nếp sống hợp với khoa học và có

khung cảnh êm đềm thích hợp. Một khu rừng trồng rộng rãi với những chiếc thất lá rải rác sẽ là hình ảnh đẹp để không kém gì những ngôi chùa nguy nga tráng lệ. Trong khu rừng tĩnh mịch đó, các tu sĩ hoặc tọa thiền, hoặc kinh hành đều đặn tinh tấn. Họ sẽ dần dần vượt qua từng âm. Họ sẽ là ánh sáng cho Phật Pháp mai sau.

Biên soạn lại xong ngày 27 tháng 06 năm 1996

Tỳ Kheo CHÂN QUANG

PHỤ LỤC

Chúng ta có thể xem xét vài điểm chưa thống nhất giữa định nghĩa về Tưởng âm của Trung Hoa và Tây Phương.

Nguyên chữ Sađđa của Pàli có nghĩa là ghi dấu. Có nghĩa là khi ta đã trông thấy vật gì, nghe thấy âm thanh gì, ngửi thấy mùi hương gì,... tâm ta ghi dấu vết, hình dáng... lại giống như vật đó. Có nghĩa là tâm ta có

thể hiện khởi ra hình dáng, âm thanh như cũ. Không trông thấy vật đó nữa mà có thể hình dung trở lại, cái việc làm đó người Trung Hoa xưa gọi là Tưởng, tưởng tượng. Người Tây Phương dịch là Perception, nghĩa là nhận thức, tri giác, hiểu biết. Qua sự so sánh này, ta có thể cho rằng chư Tổ Trung Hoa ngày xưa dịch xác đáng hơn người Tây phương ngày nay.

Hơn nữa, đã có Thức ám làm công việc nhận thức rồi, thì chắc chắn Sađđā phải làm công việc khác. Điều khó trong việc tìm hiểu Tâm là chúng ta phải quan sát nội tâm mình một cách rất sâu sắc để hiểu được lời Phật dạy. Nếu chỉ hiểu Tâm qua những gì mình thấy được thì chúng ta mới nhìn Tâm ở phần Ý thức bên ngoài. Cần phải nhìn Tâm sâu hơn để biết rằng còn cả một khối lượng đồ sộ Tâm chìm sâu bên trong mà ta khó nhìn thấy nổi, đó là Vô Thức.

Hiểu được điều này đem đến cái lợi là khi tu Thiền được định tâm, chúng ta biết ngay là chỉ mới tạm lắng yên ở phần bên ngoài, còn biết bao nhiêu giai đoạn khó khăn hơn đang

chờ ở phía trước. Vì vậy ta không vội vàng cho mình đã chứng đắc gì cả. Nhờ vậy ta không rơi vào lỗi tăng thượng mạn, nghĩa là lạm cho mình đã thành tựu rất cao trong khi thật sự mình vẫn còn rất thấp.

Như vậy lẽ ra nên dịch Sađđa qua tiếng Anh là imagine sẽ gần đúng hơn. Vì sao chỉ là gần đúng?

Bởi vì thật ra việc lôi một hình ảnh, âm thanh cũ từ Ký ức ra bề mặt của tâm vẫn là công việc của Hành âm. Giống như những chương trình computer đưa một văn bản hay hình ảnh từ trong bộ nhớ của đĩa cứng ra monitor. Màn hình monitor rất thụ động. Công việc thuộc về đủ thứ linh kiện rắc rối nằm dấu trong CPU. Cũng vậy, Tưởng âm chỉ là nơi biểu hiện những gì mà Hành âm muốn, chứ tưởng âm không tự quyết định được.

Bây giờ không lẽ dịch Sađđa là image, hay là monitor! Như vậy lại đúng hơn.

Khi dịch sách từ Pàli sang Việt Ngữ, chúng ta biết đối chiếu với các bản dịch tiếng Anh, rõ ràng đây là sự khôn ngoan. Nhưng cũng

không nên tin rằng bản dịch tiếng Anh đã là đúng hoàn toàn. Chính các Tổ Trung Hoa ngày xưa có kinh nghiệm tu hành đã nhìn thấy vấn đề chính xác hơn người nay.